

NĂM THỨ 7 – NGÀY 1-7-63

BACH

KHOA

trong số này

TIÊU DÂN đi tìm chủ nghĩa xã hội châu Phi •
THIÊN GIANG thử tìm một đường hướng giáo hóa
trẻ em phạm pháp • TRẦN HƯƠNG TỬ Heidegger
và ý nghĩa con người • THIÊN TỬ chuẩn bị
lên mặt trăng • MỘNG TRUNG nhạc Việt ở xứ
người • PHẠM LIÊU — LÊ VĂN SIÊU — VŨ
HẠNH trở lại bài thơ con muỗi • NGHIÊM THI
VŨ PHI lớp học trưa • HOÀNG THỊ BÍCH NI
thăm hỏi • ĐÌNH HOÀNG SA niềm khát vọng của
loài rêu • TƯỜNG LINH buồn mây cao nguyên •
DẠ THẢO người tìm tuyệt đối • NGUYỄN THỊ
HOÀNG nỗi niềm • Y UYÊN con muỗi đêm
nay • NGUYỄN NGU Í lửa hồng • MỘNG TRUNG
tình người thôn nữ • LÊ MỘNG BẢO — THẨM
OÁNH trả lời cuộc phỏng
vấn về âm nhạc • **SINH**
HOẠT : nền trung-học Hoa-
Kì (Nguyễn - Ngu - Í thuật) •

156

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 145 ĐẾN 156

Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẮT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẮT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẮT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIÈC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẮT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NỔ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 68s

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thổ, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỰ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 \$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

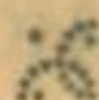
SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần: THỨ BA và THỨ BẢY

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba: Khởi hành tại SAIGON: 08 g 30

Mỗi thứ Bảy: Khởi hành tại SAIGON: 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÃNG DU-LỊCH HAY:

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUYỆ SAIGON.ĐT. 21.624 21.625 21.626



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Sở thương mại Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON No 27.04



TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207



ĐAM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOAN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CANG — NHẬP-CANG



ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adressé Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE**



SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bn Chuong Duong

Téléphone : 21.632-21633



AGENCE DE CHOLON :

118, đại lộ Đông-Khánh

Téléphone : 36.266



AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET
NAM

SAIGON

AGENCE : 32, Dai - Lô^m Hà - Nghi —
Tél : 20.065, 20.066, 20.067.

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lê-
Thanh - Tôn (Marché cen-
tral) — Tél. : 22.142.

— : 415 - 417, Duong Hai Ba
Trung (Tân-Dinh) — Tél. :
25.172.

CHOLON : AGENCE : 386, Dai - lô Đông - Khanh
(Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH-HUNG : AGENCE : 23, Duong Hoang-Diên.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 156 ngày 1-7-63

TIÊU-DẪN đi tìm chủ nghĩa xã hội châu Phi	3
THIÊN-GIANG thử tìm một đường hướng giáo hóa trẻ em phạm pháp	11
TRẦN-HƯƠNG-TỬ Heidegger và ý nghĩa con người	19
THIÊN-TỬ chuẩn bị lên mặt trăng	27
MỘNG-TRUNG nhạc Việt ở xứ người	39
PHẠM-LIỀU — LÊ-VĂN-SIÊU — VŨ-HẠNH trở lại bài thơ con muỗi	43
NGHIÊM-THỊ-VŨ-PHI lớp học trưa (truyện ngắn)	55
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG nỗi niềm (thơ)	57
HOÀNG-BÍCH-NI thăm hỏi (thơ)	60
ĐINH-HOÀNG-SA niềm khát vọng của loài rêu	61
TƯƠNG-LINH buồn mây cao nguyên (thơ)	62
DẠ-THẢO người tìm tuyệt đối (thơ)	63
Y-UYÊN con muỗi đêm nay (truyện ngắn)	63
NGUYỄN-NGU Í lửa hồng (thơ)	
MỘNG-TRUNG tình người thôn nữ	80
NGUYỄN-NGU-Í nền trung học Hoa-Kì (thuật buổi nói chuyện của ông David A. Engel	81
THÂM-OÁNH — LÊ-MỘNG-BẢO trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc	88

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Chủ nghĩa Phân chủng tại Nam-Phi</i>	TIÊU-DÂN
<i>Ý niệm về Thê : các kịêu và các vẽ đẹp</i>	ĐOÀN-THÊM
<i>Heidegger và Thi ca</i>	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
<i>Nói chuyện Sử với ông Phạm-văn-Sơn</i>	TRẦN-VINH-ANH
<i>Mẹ nhân tạo</i>	CÔ-LIÊU
<i>Milovan Djilas</i>	LAI-SINH
<i>Vấn đề Giải-thoát trong Nguyên-thủy và</i>	
<i>Đại-thừa Phật giáo</i>	THANH-THUYỀN
<i>Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-</i>	
<i>kiêu ở Pháp</i>	MỘNG-TRUNG
<i>Bầy sói trong thành phố (thuật theo truyện</i>	
<i>dự tri của Serge Kaneer)</i>	TRẦN-THÚC-LINH
<i>Vài nét về một số nhà văn hiện đại của</i>	
<i>Châu-Mỹ La-Tinh</i>	TRĂNG-THIÊN
<i>Người bẻ ghi (truyện dịch Mỹ-Latinh)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Cái quan tài của Trúc-Anh (truyện ngắn)</i>	VŨ-HẠNH
<i>Thăm chị buổi chiều (truyện ngắn)</i>	VÕ-PHIỂN
<i>Mùa hoa xoan (truyện ngắn)</i>	VÕ-HỒNG
<i>Cái vóc tre (truyện ngắn)</i>	LƯƠNG-THẾ-NAM

CÁO LỖI

Vì lý do ngoài ý muốn của Tòa soạn, tạp chí Bách-Khoa số 155, ngày 15-6-63 phải gác bỏ bài «Các chế độ chính-trị trên thê giới ngày nay» của bạn Việt-Anh, từ trang 31 đến trang 38, có rao ở bìa và mục lục.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.

Đi tìm chủ - nghĩa xã - hội Châu Phi

Tiểu-Dân

«**T**H Ề là giấc mơ của chúng ta bấy lâu nay đã thành sự thật: từ lâu rồi chúng ta hằng mơ tưởng một hội nghị qui tụ trong tình huynh đệ tất cả các vị nguyên thủ quốc gia độc lập Châu-Phi...

Hội nghị này nếu không đáp ứng được mọi niềm hi vọng, cũng không phải điều quan trọng. Hội nghị vẫn có kết quả tích cực: chúng ta đã tiếp xúc với nhau một cách có lợi, chúng ta đã soạn thảo một bản hiến chương tổ chức Phi - Châu. Chúng ta hiểu rằng niềm phấn khởi trong những giờ trọng đại sẽ không kéo dài và nhiệt tình ở phút giây lịch sử sẽ lắng xuống khi chúng ta trở về với các vấn đề thường nhật, nhưng chúng ta thấy vẫn còn

một sự thật nầy không ai chối cãi được: đây là lần đầu tiên ba mươi vị nguyên thủ quốc gia Phi-Châu họp lại với nhau và đặt nền móng cho một tòa kiến trúc lâu dài mà chúng ta sẽ thấy lớn dần những ngày sắp đến, mà con cháu chúng ta sẽ phải kinh ngạc về sau... »

Trên đây là lời tuyên bố của ông Léopold Sédar Senghor, tổng-thống Cộng-hòa Sénégal ở ngày bế mạc hội nghị Tồi cao Châu-Phi họp tại Adais — Abéba (Ethiopie) hai ngày 25-26 tháng 5 vừa qua.

Người theo dõi hội nghị lịch sử nầy, hiểu kết quả của hội nghị, nhất là không khí hội nghị, nghĩ rằng ông Senghor không chỉ nói lên cảm tưởng

ĐI TÌM CHỦ NGHĨA XÃ-HỘI CHÂU PHI

của mình. Sự thật, các quốc trưởng khác, từ hoàng đế Hailé Sélassié (của một trong những triều đại xưa nhất trong hoàn cầu) qua tổng thống Bourguiba (xu hướng ôn hòa, thân Tây phương), đến tổng thống Nasser (trung lập tích cực) và thủ tướng Ben Bella (của một Algérie cách mạng phản Đế vừa thắng lợi), mặc dù khác nhau trong cách nói, đều cùng một nội dung ý tưởng với nhau. Mọi người đều phấn khởi và hi vọng. Sự thống nhất Châu-Phi không còn là một hình ảnh đẹp đẽ nhưng xa vời. Nó đã thành hình. Nền móng của công trình kiến trúc mà ông Senghor đã đề cập là bản hiến chương đầu tiên của toàn thể Châu-Phi.

Nếu nhớ sự quan trọng hiện thời của Phi-Châu về các mặt kinh tế, chính trị và chiến lược, hơn thế, nếu dự kiến vai trò quốc tế của Châu-Phi trong vòng nửa thế kỷ đến, người ta hẳn phải đồng ý với hoàng đế Hailé Sélassié rằng hội nghị Tối cao Phi-Châu này là một biến cố lịch sử trọng đại của nhân loại.

Tuy nhiên, niềm vui tin ở ngày mai không cho phép người ta quên nỗi khó-khăn của hiện-tại. Mà nói về khó-khăn thì Châu Phi cần phải giải quyết khá nhiều khó-khăn hầu như còn nguyên vẹn, kể đến bây giờ.

Tựu-trung khó khăn lớn nhất và chung cho toàn thể Châu-Phi nằm trong phạm-vi ý-niệm : phát-triển quốc-gia và thống nhất đại-lục theo đường-lối nào ?

Từ ý-lực đến quan-niệm

Câu trả lời ở đầu môi của mọi người, từ vị lãnh-tụ, đến các cán-bộ, đến đông đảo nhân-dân : Châu Phi chọn con đường xã-hội chủ-nghĩa.

Một số người phương Tây lấy làm ngạc-nhiên về sự thống-nhất quan-điểm này. Họ muốn tìm trong đó một ý-nghĩa đáng lo : phải chăng chủ-nghĩa xã - hội Mác - Lê, nhất là « chủ nghĩa xã-hội Bắc kinh » đã thâm-nhập vào Hắc Phi sâu xa, ngoài tất cả ỨC ĐOÁN ?

Sự thật không phải như thế. Và mỗi bản-khoản trên làm sáng tỏ thêm điều này : người ta cần tìm hiểu châu Phi theo những điều-kiện đặc-biệt về lịch-sử, văn-hóa, xã-hội, kinh-tế, của đại-lục ấy.

Một giáo-viên Châu Phi đã báo ký-giả Pierre Kanouté : « Chúng tôi sống tập-đoàn từ khi mới sanh ra ». Câu nói này gợi một ý-niệm đầu tiên và sơ-lược về nguyên-ủy của sự chọn lựa chủ-nghĩa xã-hội.

Nói thì có vẻ lảm lạc trong ngôn-từ nhưng người ta có cảm tưởng rằng, đối với phong-trào của cả một đại-lục như thế, người ta hiểu đây là phong - trào chỉ qua phần hình-thái mà thôi. Nhận định như vậy không có nghĩa khước từ hay phủ-nhận nội dung ý-tưởng của phong-trào. Nhưng chính cái nội dung này, nhân-dân châu Phi đang đi tìm.

Thành thử, trong khi nhân dân châu Phi hướng về chủ-nghĩa xã-hội, có thể họ đã vâng theo một động

TIÊU-DÂN

lực âm-thẩm, một thứ ý-lực (idée-force) bắt nguồn trong những điều-kiện sinh-hoạt và ý-thức đặc-biệt của châu Phi.

Bởi vậy, trong khi nhân dân đại-lục lờ-mờ cảm thấy đường lối mưu-cầu độc-lập, tự-do, hạnh phúc phải là đường lối xã-hội chủ-nghĩa, thì các nhà chính-trị, các lý-thuyết gia, các nhà tư-tưởng — những phần-tử ưu-tú trong các quốc-gia — đã tiến lên một bước nữa trong ý-niệm : chủ-nghĩa xã-hội của nhân dân Phi-Châu phải là chủ-nghĩa xã-hội Châu-Phi.

Trở về đặc thể Châu-Phi

Lẽ tất nhiên sự xác định ấy đặt ra một vấn đề : chủ-nghĩa xã-hội Châu-Phi là gì, có gì khác với chủ-nghĩa xã-hội Tây phương (Đệ-nhị Quốc-tê) và chủ-nghĩa xã-hội Mác-Lê (Đệ Tam Quốc-tê) ?

Từ 3 đến 8 tháng 12 năm 1962, Cộng-hòa Sénégal đã tổ chức tại Dakar một cuộc hội thảo quan trọng. Mười sáu quốc gia Châu-Phi có đại-biểu tham dự. Ngoài ra còn có một số quan-sát viên thuộc Châu Âu và Châu Mỹ. Vấn đề hội thảo là : « chính sách phát-triển và đường lối kiến-thiết xã-hội chủ-nghĩa ở Phi-Châu ».

Trong cuộc hội thảo này, nhiều đại-biểu đã lên tiếng xác định quan-niệm của mình (và của quốc gia mình) về chủ-nghĩa xã-hội Phi-Châu.

Tổng-Thống Léopold Senghor nói : « Chủ-nghĩa xã-hội, đối với chúng tôi,

chỉ là sự tổ chức hợp lý xã-hội con người, xét toàn bộ, theo những phương pháp khoa học nhất, tân tiến nhất, hiệu quả nhất ».

Trong diễn văn chào mừng các đại-biểu tham dự hội thảo, tổng-thống Senghor có nói thêm trong việc định-nghĩa chủ-nghĩa xã-hội Châu-Phi : « Chủ-nghĩa xã-hội không chỉ là sự vận dụng những kỹ-thuật hiệu quả nhất, mà hơn thế, là ý-thức cộng-đồng-nghĩa là sự trở về với đặc thể Phi-Châu ».

Trong cuộc hội thảo, giáo sư Bio-baku, phó viện trưởng viện Đại học Ifé nước Nigeria, đã đề cập đến vấn đề khi nói về kế hoạch bảy năm ở nước ông : « Phải chăng đó là chủ-nghĩa xã-hội ? Có lẽ đối với Marx hay Engels thì không phải, nhưng chúng tôi đồng ý với tổng-thống Senghor khi ông xác nhận rằng ta cần đặt ra một kiểu xã-hội chủ-nghĩa của riêng ta, hay hơn thế nữa, mang lại cho khái-niệm chung về chủ-nghĩa xã-hội phần đóng góp rõ rệt và có tác động của ta. Chúng ta không thấy bị ràng-buộc bởi một lý-thuyết hay một phương pháp nào dành cho các dân-tộc khác, tiến-hóa trong một hoàn-cảnh khác và chúng ta không nên nhập-cảng một cách mù-quáng những lý-thuyết, phương pháp như vậy. Điều mà chúng ta cần làm là, trái lại, hoàn-tất một thể-thức sinh-sống và một thể-thức phát-triển cộng-đồng-thích-nghĩ nhất với hoàn-cảnh chúng ta. Thật vậy, chúng tôi cho rằng tất cả quốc gia Châu-Phi, đúng với danh-hiệu, đều phải hành

ĐI TÌM CHỦ NGHĨA XÃ-HỘI CHÂU PHI

động như thế. Tổng Thống Senghor có định nghĩa chủ nghĩa xã hội Châu Phi là ý thức cộng đồng. Đã đành lời định nghĩa ấy làm chúng tôi thích thú. Tổng thống cũng có thêm rằng đây là sự trở về với đặc thể Phi - Châu. Nhưng về phần chúng tôi, chúng tôi muốn nói rằng đây là tinh túy của chủ nghĩa Phi-Châu và ta cần giữ gìn nó, dù phải trả giá nào, trong khi chúng ta cố gắng canh tân xứ sở ».

Cho đến đây người đọc có thể có cảm tưởng rằng các nhà hữu trách Châu Phi mới làm công việc tuyên cáo ý định. Người ta ghi nhận một điều : đặc thể Phi-Châu là yếu tố phân biệt chủ nghĩa xã hội ở đại lục với chủ nghĩa xã hội khác.

Nhưng cái gì làm nên đặc thể ấy ? Giải đáp câu hỏi nầy tức cũng là tìm hiểu các ý định tuyên cáo nói trên có gì.

Xã - hội chủ - nghĩa Phi Châu và xã-hội chủ-nghĩa Âu Châu

Người theo dõi cuộc hội-thảo ở Dakar không thể không liên tưởng đến ý-kiến chính-xác của ký-giả Pierre Kanouté, trong một bài nghiên-cứu rất công-phu của ông về Phi Châu.

Ý-kiến ấy như sau : «Vấn-đề không phải là làm cho chủ-nghĩa xã-hội thích-ứng với Phi Châu, vấn-đề là canh-tân chủ-nghĩa tập-sản cổ-truyền của đại-lục nầy».

Trong bài luận-thuyết ấy, Pierre Kanouté đã cố-gắng làm sáng tỏ những

điểm dị-đồng căn-bản giữa chủ-nghĩa xã-hội Châu Phi và chủ-nghĩa xã-hội Châu Âu; dị-đồng về nhiều mặt, từ nguồn gốc phát sinh đến các mục-phiêu chính-yếu.

Theo ông, chủ-nghĩa xã-hội Châu Âu khởi-thủy là một phong - trào phản-nộ và phản-kháng, một sức-mạnh phản-ứng lại bạo lực, cường-quyền của một chủ-nghĩa tư-bản cuồng phát. Về mặt lịch-sử, chủ-nghĩa xã-hội châu Âu gắn liền với sự cổ-truyền của Tây Âu.

Nhưng về chủ-nghĩa xã-hội Châu Phi thì ông Kanouté viết : «Thế-giới Phi Châu là một thế-giới thường trực sinh - hoạt trên tinh thần và theo phương-thức xã-hội và người dân da đen ở châu Phi là một sinh-vật xã-hội hóa. Một giáo-viên da đen đã nói : «Chúng tôi đã sống tập-đoàn từ buổi sơ-sinh » Chủ-nghĩa xã-hội Châu Phi không phải là một phong-trào phản-ứng, không có ý-nghĩa chống đối ai hoặc cái gì. Không có vấn-đề giai-cấp đấu-tranh bởi vì xã-hội Phi Châu không có giai-cấp đối-nghịch. Và vấn-đề là tránh sự thiết-lập một xã-hội phân chia thành quá nhiều giai-cấp ; một xã-hội như thế nầy không sớm thì muộn sẽ gây ra giai-cấp đấu-tranh. Ở Châu Phi, vấn-đề không phải là phát-triển các tư-tưởng, lý-thuyết xã hội của Proudhon, Jaurès hay Marx. Vấn-đề là trở về nguồn, tìm lại uyên-nguyên. Chủ-nghĩa xã-hội Phi Châu là một thực-tại ; thực-tại nầy, trong một thời-gian, đã bị va-chạm với chế-độ thực-dân ; bây giờ

cần quan-niệm lại thực-tại ấy trong khuôn-khổ tiên-hóa bởi vì chúng tôi đã kinh-hải trước cảnh-tượng cá-nhân chủ-nghĩa Tây phương và chúng tôi muốn sửa chữa những gì sai lầm trong chế-độ sinh-hoạt xã-hội của chúng tôi, duy trì cho nên văn-minh của chúng tôi hình - thức cộng - đồng cồ-cự. Thành ngữ « chủ-nghĩa xã-hội Châu Phi » biểu-hiện một thực-tại xưa cũ như Phi Châu ».

Khi bàn về chính sách phát-triển kinh-tế, ông Badian Kouyaté, trưởng phái đoàn quốc - gia Mali nói như sau :

« Đối với chúng ta, người Phi-Châu, sự chọn lựa chủ nghĩa xã-hội thích-hợp với các cơ-cấu thực-tiến của chúng ta... Nhưng phải hiểu rằng sự chọn lựa chủ nghĩa xã-hội như thế không hề đi ngược lại tín-ngưỡng của chúng ta. Niềm tin của chúng ta ở chủ-nghĩa xã-hội biểu-hiện nguyện-vọng về một cộng-đồng mà các yếu-tố trụ cột là công-lý, bác ái và tương-trợ. Chúng ta xem sự phát-triển là một cuộc triển khai toàn diện và viên mãn của quốc-gia và đại lực nhưng không thể có vấn đề gây sự phân ly trong một thế-giới khai hóa và tương - thân. Để tóm tắt, có thể nói rằng con đường xã - hội chủ - nghĩa mà chúng ta lựa chọn dựa vào hai điểm căn - bản này : chủ - nghĩa xã - hội của chúng ta không nhất-thiết do các phần-tử vô sản lãnh đạo thực hiện và chủ-nghĩa xã-hội của chúng ta thừa nhận tinh-thần là một bộ phận của con người ».

Người ta nhớ rằng trong bản « hiến chương hoạt-động quốc gia », tuyên cáo trước đây, Tổng-thống Cộng-hòa Ả-Rập Thông-nhất Nasser cũng đã có lập-trường tương-tự, khi ông bác bỏ thuyết tranh-đấu giai-cấp, thừa nhận sự quan-trọng của tín-ngưỡng cũng như thừa nhận khả-năng cách - mạng của tất cả thành phần nhân dân, trừ thiểu số phong-kiến lạc hậu và phản-động.

Đến đây, thiết-tưởng đã có thể ghi nhận tóm lược một số yếu-tố nhận-thức về chủ-nghĩa xã-hội Châu-Phi. Những yếu-tố này là :

a) Chủ-nghĩa xã-hội Châu-Phi phát sinh trong hoàn cảnh một đại-lực chậm tiến, trên nền tảng một xã-hội tập sản cồ-cự. Nó không phải là sản-phẩm của một xã-hội kỹ-nghệ và nó « được tìm » giữa lúc chủ-nghĩa xã-hội Tây-phương đã phát-triển đến hai cực-đoan : chủ-nghĩa xã-hội dân chủ (Đệ nhị quốc-tề) vốn dung-dưỡng tư hữu và cá-nhân chủ-nghĩa và chủ-nghĩa xã-hội Mác xít (đệ tam quốc tề) thể hiện bằng nền vô sản chuyên chính.

b) Đi tìm (chủ nghĩa xã hội Châu-Phi) có nghĩa là « tìm lại », « trở về ». Tìm lại uyên nguyên, tìm lại một ý thức hệ vốn đã tiềm tàng trong một cơ cấu xã hội xưa cũ. Và trở về với đặc thể Phi-Châu, với những gì đặc biệt của Phi Châu. Hai điều rất quan trọng này sinh trong những điều kiện ấy :

— Trên bình diện ý thức, cần quan niệm trở lại chủ nghĩa xã hội Châu

ĐI TÌM CHỦ NGHĨA XÃ-HỘI CHÂU PHI

Phi (tiềm tàng) trong bối cảnh mới của quốc gia và quốc tế.

— Bởi ý thức hệ xã hội hầu như có sẵn (một đặc điểm của Châu Phi). người ta chú trọng nhất về chính sách và kỹ thuật phát triển kinh tế (nhiệm vụ căn bản và lâu dài của Châu-Phi).

c) Chủ nghĩa xã hội Châu - Phi dựa vào ý thức cộng đồng cổ truyền (khước từ cá nhân chủ nghĩa, chống giai cấp đấu tranh) và tôn trọng tín ngưỡng.

Đối với các nhà tư tưởng, các lý thuyết gia thì các yếu tố nhận thức ấy có thể gây một cảm tưởng về sự ầu trĩ và khiêm khuyết. Dường như Châu Phi thiếu một phương pháp luận, thiếu một nền triết học. Và sự chấp nhận xã hội chủ nghĩa có vẻ quá vội vàng khi mà trào lưu tư tưởng chưa đủ sâu và rộng để hình thành một chủ nghĩa.

Sự thật, Châu Phi có một hoàn cảnh đặc biệt. Người dân Châu Phi đã bừng tỉnh đột ngột để ngỡ nhận thấy đồng loại ở các đại lục khác tiền xa và các ý thức hệ của họ không thích hợp với mình. Anh ta lại phải, cùng một lúc, ý thức sự chậm trễ của mình và nhận trách nhiệm tự quản trị lấy mình.

Cho dù mỗi bản khoản trên có đáng lưu ý phần nào thì niềm hi vọng ở tương lai Châu Phi lại đậm đà hơn vì đại lục chậm tiến này đã chọn một đường lối riêng, thích ứng và tiên bộ.

Lên Đường

Đã đành Châu Phi phải vượt qua rất nhiều khó khăn, trở ngại. Từ

Arabie Séoudite, qua Algérie, đến Congo (Brazzaville), từ Bourguiba, qua Nasser, đến Ben Bella, bao nhiêu là sắc thái dị đồng, giữa quốc gia, chính sách và chính khách. Tìm cho được một ngôn từ chung để thông cảm với nhau, đi chung một con đường, thật là thiên nan, vạn nan.

Giáo sư René Dumont cho rằng Châu Phi đi khởi hành sai lạc, trong quyền sách mà nhan đề có ý nghĩa tương tự: « L'Afrique est mal partie ».

Nhưng ông Mamadou Dia — thuở còn là thủ tướng Sénégal đã thay mặt các quốc gia Phi Châu trả lời: « Châu-Phi khởi hành và đó là điều thiết yếu Châu Phi đã khởi hành nghĩa là nó đã đứng dậy, đã làm chủ động tác của mình, đã đi một mình, không cần người giám hộ cầm tay. Hẳn rằng nó sẽ ngập ngừng trong những bước đầu. Hẳn rằng nó vấp phải và sẽ còn vấp phải những chướng ngại vật bất ngờ. Hẳn rằng đôi khi nó phải lùi một bước sau khi tiến tới hai bước.

Nhưng nó đi tự do và nếu có sai lầm thì nó giàu thêm kinh nghiệm bởi vì đây là những sai lầm của nó. Và nếu như chuyện khởi hành đầu tiên không đúng thì chúng ta biết rằng sẽ có chuyện thứ hai, thứ ba kỳ đến lúc có sự khởi hành đúng đắn mới nghe...

Vậy, đúng như vậy, Châu Phi đã lên đường, theo đường lối riêng của mình, bằng đôi chân của mình và sẽ không dừng bước nữa ».

TIỂU DẪN

20-6

(thuật theo các tin tức và sách báo ngoại quốc)

BÁCH KHOA CLVI

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

14, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaup Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐỒNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Thư tìm

một đường hướng giáo hóa trẻ em phạm pháp

LỜI NÓI ĐẦU.— Ý kiến trong bài này không phải là mới lạ và ít nữa cũng đã được phát biểu trên báo chí nhiều lần, nhưng vẫn đề nêu ra trước sau chưa được giải quyết thì những ý kiến đó chưa hẳn là cũ và cần được nhắc đi nhắc lại cho thật chín mùi, biến thành những ý-tức, những lý thuyết thực hành cho tới khi nào vấn đề được giải quyết mới thôi. Huống chi vấn đề nêu ra đây, nếu xét kỹ, có tính cách cấp bách cũng như vấn đề ăn mặc. Người ta không bảo « sau cơm áo là giáo dục » đó sao?

Đây cũng không phải là một bài khảo cứu sâu rộng của những nhà chuyên môn mà chỉ là một mở nhận xét của một người thường, một phụ huynh, kiêm một nhà giáo dựa vào lương tri do sự sống hằng ngày tạo nên. Vậy nếu có những khuyết điểm và sơ hở trong bài thì xin bạn đọc hiểu cho sự chân thành của người viết mà thông cảm cho.

NGÀY cuối tháng tư dương lịch vừa qua, chúng tôi cùng anh em toà soạn tạp chí Bách-Khoa đã đến viếng trại giáo hóa thiếu-nhi phạm pháp ở Thủ-Đức. Đây là lần thứ hai chúng tôi tới tổ-chức này. Lần đầu chúng tôi cùng đi với ban chấp-hành hội Bạn trẻ em Việt-Nam cách đây chừng hai năm. Quang cảnh lần trước và lần

sau không có chi khác. Cả hai lần chúng tôi đều có một cảm tưởng êm đẹp: Một tổ-chức khá hoàn-mỹ đối với xã-hội chậm tiến của chúng ta đặt dưới sự chăm nom của một vị giám-đốc — ông Phạm-Văn-Quý — chẳng những lành nghề mà còn giàu lòng phục vụ những trẻ em phạm pháp được nuôi ăn, ở, được học

THỬ TÌM MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG GIÁO HÓA ...

chữ học nghề, được tiêu khiển với những trò chơi lành mạnh (thể dục, túc cầu, âm-nhạc... và được hướng dẫn bởi những chuyên viên hết lòng thì còn đòi chi hơn nữa ?

Huồng chi số trẻ em phạm pháp hiện diện trong trại chỉ có 339 em. Một quốc-gia chặm tiền, trải qua gần hai mươi năm chiến tranh, mà chỉ này sinh có bấy nhiêu trẻ em phạm pháp thì có gì đáng nói nhiều ?

Nhưng khi ra khỏi trại, trên đường về, chúng tôi xét lại vấn đề, thì càng suy nghĩ, sự thỏa mãn ban đầu càng bớt dần đi để nhường cho những thắc mắc kết tụ thành những câu hỏi mà chúng tôi xin trình bày sau đây.

Câu hỏi thứ nhất : Trẻ em phạm pháp, ngoài con số hiện diện tại trại giáo hóa, có thể còn nữa không ? Ranh giới tinh thần và tâm lý giữa trẻ em phạm pháp và trẻ em không phạm pháp ở chỗ nào ?

Đứng về phương diện pháp luật thì câu trả lời sẽ giản dị : Bị liệt vào hàng ngũ phạm pháp là những kẻ vi phạm pháp luật mà tòa án xét đáng bị trừng phạt. Những kẻ đó nếu còn là vị thành niên thì bỏ vào trại giáo hóa để vừa giam giữ vừa dạy dỗ. Nhưng đứng về phương diện giáo-dục thì câu trả lời sẽ vô cùng phiền toái. Chúng tôi không phải là nhà pháp luật và cũng không có cơ hội nghiên cứu kỹ vấn đề, nên ở đây chúng tôi chỉ đưa ra một ý kiến — cò nhiên là thiếu sót — của một nhà giáo hàng ngày tiếp xúc với trẻ em.

Trong sự nhận xét hằng ngày, về phương diện giáo-dục, chúng tôi thấy khó mà đặt một ranh giới giữa trẻ em phạm pháp và trẻ em không phạm pháp. Thí dụ trong lúc một trẻ em bị bắt quả tang ăn cắp, bị đưa ra tòa, rồi bị đưa vào trại giáo hóa, — tức là bị liệt vào hạng phạm pháp — thì nhiều đứa khác cũng đã từng ăn cắp, nhưng không bị bắt, thì có gọi là chúng phạm pháp không ? Đứng về phương diện tòa án thì chúng chưa bị buộc tội, nhưng về phương diện giáo dục thì chúng đã phạm pháp rõ ràng. Ngoài ra, còn rất nhiều trẻ em cũng có cái ý muốn ăn cắp nhưng vì thiếu cơ hội, thiếu can đảm mà chưa dám hành động để bị bắt quả tang và bị đưa ra tòa xét xử, những trẻ em đó so với trẻ em phạm pháp có khác gì nhau ?

Bởi vậy đứng trước hơn ba trăm trẻ em phạm pháp đã bị tòa án tìm ra và được đặt ngoài vòng nguy hiểm, nhà giáo dục phải nghĩ tới những trẻ em gần phạm pháp, sắp phạm pháp, chưa có cơ hội phạm pháp mà người ta gọi là tiền phạm-pháp (*pré-délinquants*). Số trẻ nầy trong xã-hội bất ổn ngày nay có thể lên rất cao và nguy hiểm hơn những trẻ em phạm pháp nhiều lắm. Nguy hiểm hơn vì chúng là những con bệnh chưa bị khám phá đang tự do truyền bệnh giữa trẻ em lương-thiện.

Câu hỏi thứ hai là làm thế nào để giáo dục trẻ em phạm pháp và tiền phạm pháp một cách có hiệu quả ? Có thể hạn chế công việc giáo dục ấy trong

phạm vi trại giáo hóa với hơn ba trăm trẻ em bị tòa án tìm được không? Nếu hạn chế trong phạm vi trại giáo hóa thì phải làm thế nào đối với những trẻ em tiền phạm-pháp (prédelinquants) vừa đồng đảo vừa nguy hiểm hiện đang nhan nhản khắp nơi?

Vấn đề dằn đây trở nên phiền phức và không thể giải quyết một cách máy móc, là chờ cho cảnh sát bắt quả tang những trẻ em phạm pháp giao lại tòa án bỏ vào trại giáo hóa là xong. Điểm quan trọng của các vấn đề không phải là chữa bệnh, mà là ngừa bệnh. Sự còn mất của một xã-hội không phải là do số người đã bị tử thần nắm được mà do số người được xem là bình thường có thật được mạnh khỏe hay không. Đối tượng của nhà giáo dục không những là con số ít ỏi trẻ em phạm pháp đã bị giam giữ mà cả con số kèch sù trẻ em tiền phạm pháp mà xã-hội bắt buộc phải nhìn nhận là vô tội khi pháp luật chưa nhìn nhận là có tội. Bởi vậy công việc giáo dục trẻ em phạm pháp theo ý chúng tôi, không thể hạn chế trong phạm vi trại giáo hóa mà phải được mở rộng ra ngoài xã-hội cũng như công việc bài trừ bệnh lao không phải là chữa lành các bệnh nhân tại bệnh viện mà phải lo phòng ngừa khắp nơi.

Để sự nhận định được rõ ràng hơn, chúng ta thử nêu lên một ít nguyên nhân phạm pháp của trẻ em.

Các nhà nghiên cứu về trẻ em phạm pháp đều đồng ý rằng nguyên nhân tối sơ của sự phạm pháp trẻ em là sự suy đoạ trong gia-đình : cha mẹ

bỏ nhau hoặc ly thân, cha có vợ bé hoặc mẹ ngoại tình, cha mẹ bỏ bê con cái, con mồ côi, con ghẻ, trẻ em không được giáo dục, thiếu sự che chở v.v... Những đứa trẻ sống trong một hoàn cảnh gia-đình như vậy không giữ được sự điều - hoà về thể chất cũng như về tinh thần, tất nhiên dễ bị hư hỏng đi tới chỗ phạm pháp.

Bị dày vò trong gia-đình, trẻ em kêu cứu với xã hội ; nhưng khi đặt chân vào ngưỡng cửa xã-hội, chúng lại gặp cảnh cay nghiệt đã không kém mà còn có phần hơn. Đó là nguyên nhân thứ hai thúc đẩy chúng vào đường phạm pháp. Hằng ngày chúng phải đương đầu với sự nghèo đói, rách rưới và dễ bị lôi cuốn vào mọi chỗ sa ngã, mọi tội ác. Sách báo nói về cảnh lầm than, đau khổ của trẻ em trong xã-hội rất nhiều, chúng ta không cần phải nhắc lại. Mức độ lầm than không đều nhau, cho nên sự hư hỏng của trẻ em cũng chia ra nhiều cấp bậc không kể những con cái nhà giàu mà mất dạy. Một số tiền mau tới sự phạm pháp, còn phần đông không nhiều thì ít, đều hướng về đường phạm pháp, nhưng chưa phạm pháp là nhờ những sức mạnh khác như pháp luật, tôn giáo, luân lý... cùng nhiều sự may mắn khác ngăn chặn lại đó thôi.

Sự suy sụp trong gia-đình và sự nghèo đói ngoài xã-hội là hai nguyên nhân quan trọng và sâu xa tạo ra sự phạm pháp của trẻ em. Chúng ta có thể nhìn vào tình trạng gia-đình và xã-hội mà ước lượng mức độ tiền phạm pháp trong một xứ. Ngoài

THÙ TÌM MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG GIÁO HÓA...

những nguyên nhân chính nói trên, còn có những nguyên nhân khác nữa thuộc về thể chất, tinh thần, tâm lý do sự di truyền của cha mẹ, bệnh hoạn, tật xấu của xã-hội gây ra. Cha nghiện rượu, mẹ mắc bệnh thần kinh thì con cái sẽ ngu đần, lười biếng, bất-thường. Đứa trẻ đó nếu gặp một hoàn cảnh xấu nữa, thì nhất định sẽ làm khách hàng của trại giáo hóa rồi. Trà thất, hát bóng cũng là một mãnh-lực đẩy trẻ em vào đường phạm pháp nữa. Người ta xác định rằng trẻ em phạm pháp hầu hết là những đứa thường lui tới rạp hát bóng trung bình mỗi tháng bốn bận.

Ngoài ra phim chớp bóng (trừ những phim hay và ích lợi hiếm có) còn gây nhiều tật xấu cho trẻ em như làm cho chúng trở thành anh hùng, du đảng, gian tham, trộm cắp, kích thích tinh thần phiêu lưu, phát triển dâm tính, của chúng, nói chung là đẩy chúng vào chỗ sa đọa tức là biên giới khu vực phạm pháp. Trẻ em phạm pháp và trẻ em không phạm pháp, như chúng ta thấy, đã từng sống trong những điều kiện như nhau cũng mang những tánh hư tật xấu giống nhau. Chúng chỉ khác nhau là những đứa phạm pháp đã có một hành động nào đó bị tòa án bắt được mà thôi. Chung quanh khu vực phạm pháp còn có cả một khu vực tiền phạm pháp rộng mênh mông. Mà trẻ em trong khu vực sau này còn đáng lo hơn là trẻ em phạm pháp thật sự. Bởi vậy xin nhắc lại lần nữa, đứng trước một số bệnh nhân đã bị khám phá, chúng ta phải nghĩ tới vô số bệnh nhân chưa

bị khám phá, nhưng mầm bệnh đã tàn phá cơ thể không vừa.

* *

Đòi với trẻ em phạm pháp và tiền phạm pháp, lối giáo dục bình thường không còn hiệu lực nữa. Bởi vậy ở các trại giáo hóa người ta áp dụng những phương pháp đặc biệt nhằm mục đích xây dựng lại con người đã bị lệch lạc về mọi phương diện thể chất lẫn tinh thần.

Tuy nhiên bước vào trại giáo hóa Thủ Đức do các chính phủ trước để lại, chúng ta có cảm tưởng người ta chỉ làm cho có hình thức bề ngoài; các trẻ em phạm pháp, sau một thời gian lưu trú tại đó, không chắc đã được cải hóa đúng theo sự mong muốn. Chúng được ăn, mặc, ở khá đầy đủ, được học chữ, học nghề, giải trí lành mạnh, khi đau ốm được săn sóc. Mức tiện nghi tương đối khá cao. Nhưng về mặt và thái độ của chúng vẫn bộc lộ tâm trạng của những kẻ bị tù đầy. Bởi vậy có cơ hội là chúng trốn khỏi trại để tìm lại tự do của con chim trời, dấu biệt trước trong đời sống tự do đó chúng không biết có được ăn no, được ngủ ấm không. Hỏi về kết quả cụ thể của sự giáo hóa của trại thì chắc không ai trả lời được. Dường như người có trách nhiệm thầy đường thì đi mà không tìm xem con đường vạch ra đó sẽ dẫn tới đâu.

Ở các nước tiền tiến, trại giáo hóa không phải là một cơ quan trừng

BÁCH KHOA CLVI

phật mà là một nơi cải biến thật sự con người. Chẳng những làm cho người tà vạy trở thành người lương thiện mà còn làm cho người hư hỏng trở thành hữu ích cho xã hội.

Muốn đạt tới mục đích đó chúng tôi tưởng nên cải cách lại lễ lòi tổ chức trại giáo hóa và phương pháp giáo dục. Chúng tôi chưa có cơ hội đi quan sát các trại giáo hóa danh tiếng như trại giáo Nhật Bản gần với chúng ta chẳng hạn và nghiên cứu kỹ càng những phương pháp giáo dục trẻ em phạm pháp ở đó. Ý kiến chúng tôi chỉ căn cứ vào kinh nghiệm rút trong đời sống hằng ngày và dựa vào lương tri của một nhà giáo thường lưu tâm tới vấn đề giáo dục.

Về phương diện tổ chức trại giáo hóa, trước hết chúng tôi muốn làm mất hẳn cái cảm giác đó là một trại giam, dầu là giam để mà dạy dỗ. Đã bị gia đình và xã hội đẩy vào đường phạm pháp, nay trẻ em lại thấy mình bị kêu án và bị cầm tù; yên trí mình là tội nhân bị trừng trị rồi thì ngay trong tiềm thức chúng đã từ chối mọi sự dạy dỗ, hay là tiếp nhận một cách miễn cưỡng. Trong trại giáo hóa, phải cố gắng tạo lại cho trẻ em cái không khí của một gia đình và một xã hội quân bình. Vấn đề này tùy thuộc đường lối giáo dục và cán bộ giáo dục mà chúng tôi sẽ nói tới sau.

Đặc điểm thứ hai là trại giáo hóa của chúng ta phải là một tổ chức tự túc. Hiện nay trại giáo hóa Thủ Đức

mỗi tháng phải tiêu phí 900 đồng cho mỗi trẻ em. Mà số trẻ em hiện có ở đó chừng 350, tức là phải mất khoảng 315.000 đồng mỗi tháng, gần bốn triệu đồng mỗi năm. Số trẻ em tăng lên thì ngân quỹ phải hao tốn thêm nữa. Thay vì nuôi nấng số người đó như bệnh nhân ở một bệnh viện, hay thú vật trong một vườn chơi, ta có thể biến họ thành những tay sản xuất tự mình nuôi lấy mình nếu chưa làm ích lợi cho xã hội.

Chúng tôi xin đề nghị chọn một sở đất trong sở đất trồng hiện có để làm thí điểm. Tại sở đất này, cắt những ngôi nhà giản dị như nhà nông dân: vách đất, mái lá để làm chỗ ở. Chung quanh hay lẫn lộn với nhà ở đó, cắt những trại làm việc để tổ chức mọi ngành hoạt động: dệt vải, làm đồ thủ công, chăn nuôi, trồng tía v.v... Trong một hai năm đầu các chi phí nhờ vào công quỹ, tiền trợ cấp của các cơ quan từ thiện hay tư nhân, nhưng từ năm thứ hai trở đi phải lo tự túc dần dần. Ban chỉ đạo phải lập kế hoạch và phân công hẳn hoi. Đến một lúc nào đó, tùy sự nỗ lực nhiều ít mà các ngành hoạt động có thể cung cấp vật dụng cho toàn trại. Như ngành chăn nuôi sau một năm có thể cung cấp trứng, thịt, (gà, vịt) sữa; ngành trồng tía sau sáu tháng có thể cung cấp rau cải; ngành dệt sau một năm có thể cung cấp vải; ngành tiểu công nghệ sau sáu tháng có thể cung cấp các đồ dùng v. v... Hiện nay tại trại Thủ - Đức các

THỬ TÌM MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG GIÁO HÓA...

ngành hoạt động đó đều có cả, nhưng chỉ mang tính cách tượng trưng trang sức, chẳng khác chi trong các trường tiểu học người ta cho học sinh làm thủ công. Chúng tôi ước mong trong trại giáo hóa của chúng ta sự làm việc có tính cách cần lao thật sự với tinh thần xây dựng thật sự. Chính nếp cần lao thật sự này sẽ cải thiện một cách hiệu lực con người của phạm nhân. Trong phạm vi bài này chúng tôi chỉ nêu lên những nét chính làm nòng cho một cuộc thảo luận tỉ mỉ khi nhúng tay vào việc. Vấn đề thực hành sẽ đòi hỏi một sự nghiên cứu kỹ càng hơn.

Về phương pháp giáo dục, chúng tôi đề cập ngay đến « Giáo dục cần lao » (Education du travail). Tôi nhớ đã đọc đâu đây ông Krouchtchev phản nân sinh viên Nga không cần lao bằng sinh viên Hoa Kỳ. Lời phản nân đó chứng tỏ nước tư bản Hoa-Kỳ đã chú trọng đến giáo dục cần lao hơn nước vô sản Nga Xô. Sinh viên của họ đến kỳ nghỉ hè tới làm việc như một lao công thật sự ở các công trường, nông trường. Các nhà giáo dục đều thấy rõ lý thuyết mà không cần lao thì không thể thấm nhuần được, và ngược lại cần lao làm mở mang trí thức. Đối với người bình thường sự cần lao còn quan trọng như vậy ; huống chi đối với bọn trẻ em phạm pháp, bắt thường sẵn sàng từ chối mọi lý thuyết, thì cần lao là lời giáo dục căn bản. Năng khiếu của chúng chỉ phát triển với việc làm mà thôi.

Đoạn trên chúng tôi đã đề xướng một lối tổ chức trại giáo hóa phù hợp với giáo dục cần lao. Cờ nhiên là bọn trẻ em phạm pháp thoát tiên không chịu thừa nhận lối giáo dục đó. Chúng đã tập quen với đời sống dễ dãi, lười biếng, thích phá hoại hơn là xây dựng. Phương pháp của chúng ta trong trường hợp đó khó mà áp dụng được. Và có gặp khó khăn mới thấy được giá trị của cán bộ giáo dục. Cán bộ giáo dục ở đây phải can đảm, nhẫn nại hơn những tay huấn luyện hoang thú và giàu lòng phục vụ như các chiến sĩ trung kiên trong hàng ngũ cách mạng hoặc truyền giáo. Nhà giáo dục ở đây phải đủ khả năng áp dụng nguyên tắc giáo dục, phải đủ thông minh sáng kiến để tiên thời hợp thời, hợp lúc như các chiến thuật, chiến lược gia quân sự.

Điều khó là họ không được lạm dụng uy quyền, bởi uy quyền chỉ bắt buộc mà không giác ngộ. Mà giáo dục thật sự phải giác ngộ chứ không bắt buộc. Họ phải sống chung với học trò của họ, phải theo dõi chúng trong từng việc làm, từng lời nói, từng ý nghĩ, cờ xây dựng cho chúng một gia đình, một xã hội điều hòa để tạo lại sự điều hòa đã mất trong tâm hồn chúng.

Trong sự làm việc tập thể dưới sự hướng dẫn của những ông thầy lúc này là bạn, là anh là cha, trẻ em sẽ tập lại những tính tốt, và những tính tốt này sẽ tiêu diệt những tật xấu, như hoa thơm giành chỗ của cỏ dại. Khi nào trẻ em đã giác ngộ, đã có một

THIÊN-GIANG

tinh thần phục vụ khá cao rồi thì nên bắt đầu cho chúng tham gia các công tác ngoài xã hội như là truyền bá kiến thức chăn nuôi trồng tía trong dân chúng, bài trừ nạn cao bồi du đảng v.v...

Công việc giáo dục trẻ em phạm pháp, còn đòi hỏi nhiều điều kiện khác nữa như là gây lại tình thương đã mất trong lòng trẻ em. Ở các nước văn minh người ta tìm cho những trẻ em nầy những người cha hay mẹ đỡ đầu, nếu chúng không còn cha mẹ hay bị cha mẹ bỏ bê. Các vị cha mẹ nầy thường lui tới trại giáo hóa, thăm viếng, cho quà, tỏ tình thương. Nhiều trẻ em trở thành bất thường, phạm pháp, chỉ vì thiếu tình thương mà thôi. Gây lại tình thương đó là điều kiện tối cần cho chúng.

Giáo dục cần lao cũng sẽ bổ cứu được một cách hiệu quả những nhược điểm của giáo dục thường đòi với trẻ em tiền phạm pháp. Vấn đề nầy chúng tôi đã trình bày khá đầy đủ trong tạp chí « Luận đàm » cơ quan của Tổng hội giáo giới Việt - Nam. Nếu các trường học, gia đình và cơ quan giáo dục lưu ý áp dụng một phần nào thì

chắc chắn sự giáo dục sẽ đem lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Tóm lại khi nghĩ tới trẻ em phạm pháp ta không thể quên được trẻ em tiền phạm pháp hiện còn ở trong gia đình trong trường học và trong xã hội chung đụng với trẻ em lành mạnh và đang làm cho cái không khí tiền phạm pháp mỗi lúc một vẫn đục thêm, tạo thành một nguy cơ cho thế hệ ngày mai, tức là cho quốc gia, xã hội.

Muốn cải hóa thật sự trẻ em tiền phạm pháp cũng như trẻ em phạm pháp, phải tổ chức lại trại giáo hóa đã được thành lập từ thế kỷ trước và tìm một đường lối giáo dục đem lại những hiệu quả cụ thể. Giáo dục cần lao có một sức phát triển mãnh liệt tiềm năng của con người và do đó có thể hoán cải người xấu trở thành người Tốt. Giáo dục đó nên đem áp dụng tại trại giáo hóa của ta cũng như tại gia đình và trường học.

Tất cả công việc nầy đều đòi hỏi một sự cố gắng, một sự nỗ lực. Trong một cuộc cách mạng quốc gia, nếu người ta sợ cố gắng, nỗ lực thì cuộc cách mạng đó sẽ đi tới đâu ?

THIÊN-GIANG

-
- Đoàn kết làm thành sức mạnh. Đúng. Nhưng tạo thành sức mạnh ấy cho ai ?

Alain

- Một người được xem là già kể từ lúc y hết dám liều.

A. Delcœur

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Société d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG

**Société d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, Đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913



HEIDEGGER

HEIDEGGER và ý nghĩa con người

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

(xem tiếp từ B. K. số 155)

Mặc dầu chúng tôi chủ ý trình bày đơn sơ, nhưng vẫn cảm thấy chưa sáng sủa lắm. Cái đó chỉ vì triết Heidegger là *triết hiện hữu*, nó dẫn ta vào một lãnh vực như chưa từng có ai đi vào bao giờ. Các triết gia trước đây đều đã dừng lại ở bình-diện hữu-thể (l'étant), nghĩa là bình-diện sự vật, bình-diện duy sự, bình-diện cứng đống của những cái đã hình thành. Heidegger muốn dẫn ta vào lãnh vực ẩn hiện của hiện-hữu, nơi mà các hữu-thể đang hình thành, nơi mà ý-thức còn vương với đối-tượng trong mối tiếp-thông, nơi ta nghe đang gọi tên vạn vật. Cần phải đổi cái nhìn. Khi đã đổi xong, thì những gì Heidegger nói đây, chúng ta sẽ nhận thức dễ dàng.

Bây giờ chúng ta xem đến bản-chất con người xét như là một *In-der-Welt-sein*.

Chúng tôi hy vọng phần này sẽ dễ hiểu hơn và sẽ giúp bạn đọc hiểu thêm phần trên đây về Dasein. Nói đến *In-der-Welt-sein* là nói đến con người xét như nó hiện-hữu tại thế. Chúng tôi tạm dịch *In-der-Welt-sein* là *hữu-tại-thế*. Xin nhớ cho rằng *sein* trong danh từ *In-der-Welt-sein* cũng là một động từ như trong danh từ Dasein trên kia. Như vậy, nói một cách nôm na, con người chỉ là sự hiện hữu tại thế đó, và « thế » đây cũng không phải cái hộp đựng con người. « Thế giới » không có trước con người, nhưng chỉ xuất-hiện nơi khai độ cho con người mà thôi.

Để dễ hiểu và dễ nhớ điều c n bản này, có lẽ chúng ta nên bắt ầu bằng nhận định này : theo Heidegger, con người không sống *trong* không gian và cũng không sinh hoạt *trong* thời gian. Nói thế, vì Heidegger chủ

trường rằng chính sinh-hoạt của Da-sein phát sinh không gian và thời gian. Nó phát-sinh không gian, bởi vì những ý niệm căn bản nhất của không gian như xa gần, trên dưới, bên mặt bên trái v.v. đều bắt nguồn nơi con người, và nếu không có sự căn cứ vào cái trung tâm điểm là con người, thì không-gian trở thành một quan-niệm mơ-hồ, một khái-niệm do lý-trí tạo ra làm nền cho khoa Hình-học.

Không-gian, dầu là không-gian sinh-hoạt, dầu là không-gian trừu-tượng của Hình-học, cũng đều phát-sinh do con người. Hãy xem đứa hài nhi hai tuổi : nó chưa có ý-thức rõ rệt về không gian quanh nó, cho nên ta thấy nó quờ quạng giơ tay bắt cái đèn điện ở trần nhà, và đôi khi nó muốn « với lấy cả ông Trăng » ; trái lại, nó thường giơ tay quá xa để cầm những cái người ta đưa cho nó. Quan-niệm về không gian trừu tượng và đồng tính lại càng lệ thuộc vào cái nhìn của con người hơn nữa. Tuy-nhiên, thời gian mới càng nói lên sự lệ thuộc vào sinh-hoạt con người, như chúng ta thấy sau đây.

Heidegger đã tạo ra một danh-từ mới, tức động từ *existieren* (ek-sister) để nói lên sự *hiện-hữu* của con người. Và ông định nghĩa : « Hiện-hữu là tự vượt qua mình để đạt tới cái khả-hữu của mình, *Ek-sister c'est se dépasser vers son pouvoir-être* ». Tự vượt mình là bỏ cái mình hiện nay để đi tới một hiện hữu đang ẩn hiện trước mắt mình. Cái hiện-hữu ẩn-hiện trước mắt con người đó, Heidegger gọi nó

là *khả-hữu* (sein-können, pouvoir-être). Chính đây là chỗ phát sinh ra dự-phóng (projet), hay nói đúng ra, chính cái khả-năng phóng mình về phía trước như thế là dự-phóng. Nói thế, vì dự-phóng đây không phải là một dự tính theo nghĩa thông thường, nhưng chính là con người tôi ở thế tương lai. Tôi là dự-phóng đó : dự-phóng này dự-trù cái bản chất sắp thành của tôi.

Hiện-hữu là dự-phóng, và dự-phóng là thời-gian-tính. Đó là ba cơ-câu hiện-hữu (existentiaux) của con người xét như nó là một In-der-Welt-sein. Chúng ta cùng nhau tìm hiểu tương-quan bản-thể giữa ba cơ-câu đó.

— a) *Hiện-hữu* (ek-sister) là cơ-câu hiện-hiện nhất của con người. Mà hiện-hữu (ek-sister) là hiện-diện với thế-giới, để làm cho thế-giới đó có đối với mình, và để rồi chính mình là sự làm cho có thế-giới đó và làm cho nó thành *môi trường hiện-hữu của mình*. Heidegger hay nhắc cho ta nhớ rằng : con người không ở trong thế-giới, nhưng bản chất con người là làm xuất-hiện một thế-giới nơi khai-độ. Cái vừa xuất-hiện nơi khai độ đó, được gọi là *Cái-được-khai-minh*, tức thế-giới (monde) : nên hiểu một cách thấu đáo rằng « thế giới » đây có nghĩa là tất cả những gì mà con người đã ý-thức và kinh nghiệm, cho nên « thế giới » đồng nghĩa với *Thực-tại*. Tất cả thực-tại.

Cũng nên nhớ rằng hiện-diện và hiện-hữu (ek-sister) đây không có nghĩa duy-sự, cho nên hiện-diện đây

không đối-diện với một cái chi đã có trước và đã được truy-nhận rồi ; nhưng chính sự hiện-diện và hiện-hữu đây làm xuất-hiện cái mà con người hiện-diện với. Heidegger gọi hiện-hữu (*hữu* như một *hiện-diện*) là cơ-câu con người, bởi vì bản chất của con người là hữu như một hiện-diện. Bản chất con người là *hiện* (Da) *hữu* (sein). Và đó là đặc tính của con người. Sartre đã rập theo Heidegger để gọi ý thức con người là một « *révélation-révelée* » nghĩa là « sự mặc-khải được mặc khải », hay là sự vén màn bị vén màn. Bản-chất con người là tiếp thông với bản-chất vạn vật : và sự tiếp-thông này vén màn cho ta thấy bản chất vạn vật. Bản-chất của ý-thức là vén màn (*révélation*) ; và sự vén màn đó lại bị vén lên cho ta thấy (*révelée*). Ý-thức bao giờ cũng là ý-thức cái gì : vậy khi ý-thức vén màn cái chi, thì ý-thức là cái đó, « sự vén màn bị vén màn » là thể.

Nói bản-chất con người là hiện-hữu, hữu như một hiện diện, thì cũng như nói rằng « con người là ý-nghĩa ». Mọi cái nhìn, mọi hành-vi, cả những hành-vi vô-ý của con người đều là những ý-nghĩa, và đều là những phản-ứng của ta đối với môi-trường mà ta vừa « vén màn », vừa làm xuất-hiện. Tâm-lý-học ngày nay, nhất là ngành phân-tâm-học và ngành tâm-lý-học thăm sâu, cho ta thấy chính những phản-ứng vô-ý của con người mới là những phản-ứng chân-thành, và mới vạch rõ chân-tướng của con người. Thành thử mọi sự của con người đều mang nặng ý-nghĩa hiện-hữu : lời nói của ta nó

biểu-lộ ta, và sự thỉnh lặng của ta nó cũng biểu-lộ thái-độ của ta ; tại sao ta tha-thiết, tại sao ta quên, tại sao ta bẽn lèn, tại sao ta mơ màng, bằng ấy cái tại sao chỉ được giải-đáp thỏa mãn khi nào ta biết được những ý-nghĩa mà ta đã tiếp-thông nơi những người và những sự vật kia. Đây là chỗ chúng ta xác nhận mối tương-đồng và sự lệ-thuộc bản-thể giữa « thể giới » và con người « hữu-tại-thể »

— b) *Dự-phóng*. Con người có cơ-câu là dự-phóng (*pro-jet*) ; nói đúng ra, bản-chất con người là « luôn luôn bị ném về phía trước ». Con người không bao giờ yên ; nó luôn luôn xao-xuyến, luôn luôn dự-tính : bản-thể con người không ở trong con người, nhưng ở trước mặt nó. Heidegger dùng ba danh-từ cụ-thể để nêu lên bản-chất dự-phóng này của con người. Trước hết ông bảo bản-chất con người là lo âu (*Sorge, souci*) ; rồi ông chia cái lo âu này thành *bận-tâm* (*Besorge*) và *ân-cần* (*Fürsorge*). Khi ta lo âu về những câu chuyện thì gọi là *bận-tâm* ; khi ta lo âu cho những người thân yêu, thì gọi là *ân cần*. Nhưng tựu trung, lo âu hay *bận-tâm*, hay *ân-cần* đều ném con người về phía những sự cần phải làm. Nghĩa là ném con người về phía những cái có thể làm, có thể thực-hiện (*pouvoir-être*). Chính trong viễn-tượng này, Heidegger đã gọi con người là « hữu-cho-sự-chết » (*sein-zum-Tode*) : con người không thể không có những dự-định hoặc gần hoặc xa, hoặc quan-trọng hoặc tầm thường ; chính những dự-định này là hình-ảnh hiện-hiện của Dự-phóng căn-bản kia. Chúng ta không

HEIDEGGER VÀ Ý NGHĨA CON NGƯỜI

thể quan-niệm một con người không có dự-định. Sinh-hoạt là dự-định, thể-hiện những dự-định và dự-định thêm mãi không ngừng. Cho nên Heidegger có lý để coi Dự-phóng là cơ-câu hiện-hữu của người.

Nhưng chúng ta cần nhìn sâu hơn chút nữa: Dự-phóng không phải là thể-hiện những chương-trình đã được vạch sẵn cho ta. Đây cũng thế, chúng ta phải tránh lập-trường duy-sự. Chúng ta phải nhớ Heidegger coi Dự-định là cái làm nên hiện-hữu con người, vì vậy ông gọi nó là một cơ-câu hiện-hữu. Cho nên Dự-phóng đây không những là bản-chất con người xét như bản-chất đó luôn luôn bị ném về phía trước, nhưng Dự-phóng còn là cái làm cho con người có « thể-giới » để mà « hữu-tại-thể ». Con người thành con người trong cái Dự-phóng này: Dự-phóng này luôn luôn thể-hiện rồi lại luôn luôn Dự-phóng mãi thêm. *Khi hết dự-phóng là chết*. Cho nên Heidegger coi sự chết là Dự-phóng cuối cùng, chấm hết mọi dự-phóng.

Và ý-nghĩa sâu nhất của chữ Dự-phóng là: vì bản-chất con người ở *trước mặt* con người, tức cái mà chính con người nhất thiết sẽ là, cho nên Heidegger thường nói rằng con người tự tạo nên bản-chất của mình. Con người phải chịu trách nhiệm về bản-chất mình. Con người không mọc lên như cây cỏ, theo luật thiên-nhiên; con người chúng ta, mỗi người là cái mà mình tự tạo cho mình trong cái Dự-phóng căn-bản kia.

c) *Thời-gian-linh* (Zeitlichkeit). — Thời-gian đây không phải là thời-gian duy-sự của triết-học cổ-điển. Thời-gian đây được Heidegger gọi là thời-gian tính (temporalité) và được coi là cơ-câu của Dasein. Nhiều triết-gia, như Aristote, Kant và Bergson, đã nêu cao tính-chất lệ-thuộc của thời-gian đối với chủ-thể-tính của con người: tuy nhiên quan-niệm thời-gian của các triết-gia đó vẫn duy-sự, vẫn đặt thời-gian ở ngoài sinh-hoạt con người như kiểu một cái chi làm nền tảng cho lịch-sử-tính của con người. Heidegger là người đầu tiên đặt lại vấn-đề một cách đúng đắn: ông chủ trương rằng chính Dasein tạo nên thời gian, vì thời gian chỉ là hiện-hữu con người xét như hiện-hữu đó luôn luôn tự ném mình về phía trước. Aristote có lý để quả quyết « chỉ có thời-gian trong linh-hồn ta ». Và Bergson nhận định rằng « chiếc kim đồng hồ mỗi lúc chỉ ở một vị-trí, cho nên nếu không có trí nhớ của ta để nhớ rằng trước khi ở số 6, chiếc kim đã ở số 3, thì không có sự chuyển-động của chiếc kim, và tất nhiên là không có thời giờ ». Như vậy quan-niệm thời-gian bao giờ cũng giả-thiết sự đồng-thời của một lúc đã qua và một lúc hiện-tại, hoặc của quá-khứ và tương-lai; nhưng hai lúc đó đồng thời làm sao được? Thực ra chúng chỉ đồng thời trong bản-chất của con người, xét như bản-chất con người là « tự ném mình về phía trước »: nó đang ở hiện-tại, mà đã ném mình về tương-lai; nó đang ở hiện-tại mà lại ném mình cả về phía sau lưng nó nữa.

Khả-năng này của con người được Heidegger gọi là thời-gian-tính. Và thời-gian-tính được coi là bản-chất con người. Tại sao thế? Tại vì bản-chất con người là hiện hữu, nghĩa là hữu như một hiện-diện: con người chỉ hiện-hữu như thế được, do thời-gian-tính của mình. Con người hiện-diện với cái hiện nay, nhưng con người cũng hiện-diện với cái đã qua và cái chưa tới. Hiện-tại không phải là hiện-tại, nếu nó không là tương quan giữa quá-khứ và tương-lai; và quá-khứ sẽ không là quá-khứ, nếu nó không gắn liền với hiện tại; tương-lai cũng thế, nó chỉ là tương-lai vì gắn liền với hiện-tại và quá-khứ: như vậy, chỉ có một thời-gian-tính duy-nhất với ba thể xuất-hiện (mà Heidegger gọi là 3 extases). Ba thể xuất-hiện chỉ là ba hình-thái của cùng một bản-thể duy-nhất: và bản-thể này, chỉ có thể là con người. Trong ý đó, Heidegger không ngần ngại viết: « Thời gian là sự cảm-thụ thuần-túy về mình. Chính thời-gian tạo thành cái nhắm tung mình về phía trước. Cho nên thời-gian làm nên cơ-cấu căn-bản của chủ-thể-tính » (*Kant et le problème de la Métaphysique*, trg 244). Le temps est affection pure du soi, thời gian là sự cảm-thụ thuần-túy về mình: câu nói bí ẩn và quá chuyên-môn. Thực ra câu đó chỉ nói lên sự trải mình ra trong hiện-hữu, tức là thể hiện sự hiện-hữu đó.

Như thế, quá khứ không bao giờ chỉ là quá khứ, cũng như không thể có một hiện tại chỉ là hiện tại. Heidegger thường nói « chúng ta chỉ là

cái mà chúng ta đã là ». Hiện tại của ta hôm nay là thành quả của những thể-hiện và những ý nghĩ trước đây của ta: đứa trẻ con đã qua đi trong đời ta; người thiếu niên cũng đã hết thời của nó ở trong ta; tuy nhiên không có chi mất đi trong sinh-hoạt con người, xét như cuộc đời chỉ là một định mệnh duy nhất. Vì thế Heidegger nói « ta vẫn mang đứa trẻ và cậu thiếu-niên ở trong ta ». Và người ta có lý để nói như Nietzsche « đứa bé là cha của người lớn » nghĩa là người lớn mà tôi là hôm nay, không tự nhiên mà có, nhưng do sinh-hoạt của đứa bé mà tôi đã là khi xưa. Ta thấy hết năm nọ qua năm kia, hết chính-thể này qua chính-thể khác, rồi tự nhiên ta bị nhiễm cái thay đổi, ta tưởng cũng đã có cái chi hết đi trong ta: sự thực thì cuộc đời là một hiện-tại kéo dài tự khi ta ở trong lòng mẹ, cho tới khi ta sẽ nghỉ trong lòng đất. Cuộc đời mỗi người là một thời gian duy nhất với 3 thể xuất hiện là quá-khứ, hiện-tại và tương-lai, nhưng quá khứ vẫn được ta « hiện-tại-hóa » vì ta hiện-diện với quá-khứ. Về tương lai cũng thế, nó luôn luôn được ta hiện-tại-hóa.

*
* *

Để kết thúc mấy trang quá khô khan trên đây, khô khan vì tính-chất kỹ-thuật của triết Heidegger, chúng tôi muốn cùng bạn đọc tìm hiểu phương-diện « hiện-sinh » của triết này qua ý-niệm về sa-đọa (*Verfallen-sein*, l'être-déchu). Đây cũng là chỗ Heidegger trở cho ta thấy con đường

HEIDEGGER VÀ Ý NGHĨA CON NGƯỜI

dẫn tới bản chất chính-thực của con người.

Sa-đọa là gì và tại đâu có sa-đọa? Sa-đọa đây không có chút ý-nghĩa luân-lý nào hết, nhưng chỉ có nghĩa hữu-thể-học mà thôi. Đây sa-đọa chỉ nói lên sự an nghỉ của Dasein trong cái « thể-giới » mà nó đã khai-minh. Ý-thức là cái mà ta ý-thức : nếu ta dừng lại và an-nghỉ nơi cái « thể-giới » đó, thì lập tức ta mất bản-chất chính-thực của ta là Dasein. Ta không hiện-hữu nữa. Heidegger thường nhắc đến hai hình-thức của sự sa-đọa này : tính chất « thường-nhật » và tính-chất « dụng-cụ ».

Những người chỉ biết sống như mọi người, coi cái chi cũng *thường*, không còn có khả-năng ngỡ ngẫm : những người này sống trong thể-giới như những sự vật. Họ coi các hữu-thể dưới hình-thức cứng đờng của chúng, và họ bị *nhhiễm* cái vẻ « duy-sự » của cái thể-giới mà họ sống đó : thành thử chính họ cũng tự coi mình như những sự vật, những hữu-thể (les étants) trơ trơ. Họ quên bản-chất khai minh và tiếp-thông của họ ; họ quên bản-chất của họ là hiện-hữu, tức hữu như một hiện-diện. Họ ở trong thể-giới, tự đặt mình ở giữa những sự vật ; họ không hiện-diện, không đối-diện. Tình trạng này trở thành vô cùng nguy ngập, nếu chúng ta nhớ rằng bản chất con người là lo âu, luôn luôn vương vít với những người và những vật, vương vít công việc và vương vít dự tính. Khi mà lo âu bị con người dự phóng vào mớ những

cái « thường nhật », những cái « làm sẵn », thì sự thể-hiện đó càng ngày càng cuốn chặt ta vào những sự vật, và càng làm ta quên bản-chất hiện-hữu của ta.

Đi kèm với cái « thường nhật » này, còn một mối nguy hại khác nữa : đó là tính cách « dụng cụ ». Con người nào chỉ biết nhìn vạn vật dưới hình-thức dụng cụ, thì sẽ vương vào những dụng cụ đó, và rồi sẽ trở thành sự vật như những dụng cụ. Dụng cụ là sự trợ lực, là cái chi nối thêm vào khả năng tác-động của ta : chiếc xe để ta đi nhanh hơn, cái búa để ta đập cho mạnh, cái sào để ta chọc quả chín trên cây mà tay ta không với tới. Thế nhưng *dụng cụ đặt ta trong tương quan dụng cụ* : ta là kẻ xử dụng cái dụng cụ đó. Mà dụng cụ thì có tính chất *tắt-định*. Dụng-cụ là sự vật hơn các sự vật khác. Bởi vậy, khi con người sinh-hoạt với tinh-thần « dụng cụ » thì con người sẽ sa-đọa, sẽ bị dụng-cụ lôi xuống hàng sự vật. Hãy coi những người thợ máy trong phim « Thời mới » (Les temps modernes) của Charlot : anh thợ suốt ngày chỉ chuyên môn xoay bu-loong, khi hết giờ làm việc, ra đường anh vẫn muốn xoay cổ người ta, gặp gì anh cũng xoay như xoay bu-loong.

Sa-đọa là hiện-hữu không chính-thực (inauthentique) của con người. Nhưng sa-đọa lại là điều không tránh được : vì thế, Heidegger thường gọi hiện-hữu con người là *bị ném đó* (Geworfenheit, être-jeté). Khi ta ý-thức về mình, thì ta thấy mình *đã* bị ném

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

vào thế-giới rồi. Ta không có Dự-phóng, nhưng ta là Dự-phóng ; và nói thế để chỉ rằng hiện-hữu hình thành hiện-hữu, cũng như ta thấy Heidegger nói « thế-giới hình thành thế giới ». Ta chỉ phản tỉnh và tự tỉnh sau đó thôi, vì tự tỉnh là tỉnh ngộ về một tình trạng chưa tự tỉnh. Bình diện chưa tự tỉnh này, chính là bình diện hiện-hữu.

Như vậy thì làm sao thế hiện được một *hiện hữu chính thực* ? Hình như Heidegger không bận tâm bàn luận dài dòng về vấn đề này, nhưng qua những sách vở của ông và những khảo-luận của các triết gia nghiên cứu về ông, người ta có thể nêu lên hai điều kiện của hiện-hữu chính-thực: tiếp thông và lặp lại (*ré-pétition*). Heidegger coi *tiếp-thông* (*com-préhension*) là môi-trường của hiện hữu, vì hễ còn tiếp thông, thì còn hiện hữu, còn tìm ra những bản-chất mới của vạn vật. Trong ý này, Heidegger coi các thi gia là những người duy-nhất còn có khả-năng « gọi ra ánh sáng những bản chất còn ẩn-hiện nơi nền Đất ». Nên nhớ Thi-ca trong triết-học Heidegger có nghĩa đặc biệt là :

sáng-tác (*poiesis*). Khi ông nói đến Thi-ca, ông luôn nghĩ đến danh từ Hy-Lạp *poiesis* là sáng-tác. Sáng tác là gọi tên những cái gì chưa được gọi tên, hoặc chưa được gọi tên đúng như bản-chất chúng. Nếu Thi-ca là sáng tác theo nghĩa chặt đó, thì những nhà bác học cũng thuộc loại thi-gia. Ta hay nói về những người ít sáng kiến rằng « anh này ít trí tưởng-tượng quá ». Nếu ta nhớ Heidegger coi trí tưởng tượng siêu-nghiem là cơ-cấu của những cơ-cấu trong Dasein, thì ta dễ hiểu tại sao ông đề cao « sáng tác ». Vậy còn sáng-tác (Thi-ca) thì còn hiện-diện và hiện-hữu. Sau hết, khi nhìn cả cuộc đời như một định mệnh duy nhất, ta thấy Heidegger nêu cao thái độ *Wiederholung* (*ré-pétition*) mà chúng tôi tạm dịch là lặp lại. Thái-độ này làm ta *nhìn lại* quá khứ của ta để dễ am-tường Dự phóng của ta, hòng thế hiện một cách đích đáng : làm thế vì ta biết thời gian tính của ta có tính-chất nhất-thể và độc-đáo. Thái độ này đòi hỏi ta sinh-hoạt thận trọng biết chừng nào !

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

✧ Sự toàn thiện là sống mỗi ngày như ta sống ngày cuối cùng, và sống bình tĩnh, không yếu hèn, không giả dối.

Marc-Aurèle

✧ Làm đau chân anh, không phải là những chông gai trên đường mà chính là hạt cát nho nhỏ ở trong chiếc giày anh đang mang.

Charles Kingsley

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135. Bql-lô NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
29.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithel Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 429

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

CHUẨN BỊ

LÊN MẶT TRĂNG

CHẮC chắn vấn đề làm cho các nhà bác học Hoa-Kỳ và Nga-Sô quan tâm nhứt hiện nay không phải là tìm một giải pháp hợp lý và hữu hiệu cho vấn đề tài binh mà chính là vấn đề đưa con người lên mặt trăng. Sự thành công liên tiếp trong việc đưa con người bay ở ngoại tầng không khí quanh trái đất của bên này hay bên kia bức màn sắt và nhất là sự thành công của những chuyến bay song đôi của Nga-Sô và chuyến bay của Gordon Cooper (Hoa-Kỳ) cho phép người ta tin tưởng một cách chắc chắn con người sẽ đặt chân lên mặt trăng trong một thời gian gần đây. Riêng về Hoa-Kỳ thời gian này được dự liệu trước năm 1970; về Nga, họ vẫn giữ hoàn toàn bí mật.

Cứ lấy con số trung bình thì còn khoảng bảy năm nữa con người sẽ đặt chân lên mặt trăng, nhưng hiện nay, khổ nỗi, các nhà

bác học vẫn chưa đồng ý với nhau về cấu tạo địa chất của phần ngoài mặt trăng. Một số các nhà bác học cho rằng phần ngoài mặt trăng phủ toàn bụi, có người lại cho rằng ở đây chứa toàn băng, có nhà bác học khác lại cho rằng ở đây toàn dầu hỏa. Hiện nay con người lăm le đặt chân lên mặt trăng nhưng lại chưa biết rõ nơi mình đến. Do đó, trong những năm sắp tới cần phải có nhiều cuộc bay thám thính hay mở đường cho những cuộc bay về sau. Mặt khác, vấn đề đưa một người lên mặt trăng còn đòi hỏi nhiều cuộc bay thí nghiệm trong những năm sắp tới để giải quyết nhiều khó khăn về kỹ thuật. Trước hết là vấn đề chế tạo một hỏa-tiên có sức mạnh phi thường để đưa phi-thuyền lên mặt trăng. Vấn đề thứ hai là làm thế nào để phi hành gia đáp xuống mặt trăng và trở về bình an. Hai vấn đề

CHUẨN BỊ LÊN MẶT TRĂNG

chính này mang theo nhiều chi tiết không kém phần quan trọng mà phần lớn chưa được giải quyết.

Người Nga hình như tự mãn về chuyến bay của hai phi-hành-gia Nicolaev và Popovitch. Theo họ, đây là lần đầu tiên phi hành gia « lái » được phi thuyền. Cả hai người đều trao đổi tin tức cho nhau và có lúc họ chỉ cách nhau chừng hai cây số, có thể nhìn thấy rõ nhau. Nhưng cuộc bay mà người Nga cho rằng họ đã gần thực hiện được một sự « hẹn gặp » (rendez-vous) ở không gian, một nhà bác học không gian Hoa-Kỳ lại tuyên bố « không có gì tiến triển về phương diện kỹ thuật ». Sau chuyến bay song đôi của Nga, dân chúng Hoa-Kỳ chờ đợi câu trả lời của các nhà bác học không gian của họ : phải chăng người Nga đã tiến xa hơn Hoa-Kỳ trong lãnh vực này ? Chuyến bay 22 vòng chung quanh trái đất của Gordon Cooper vào ngày 15-5-1963 đã trả lời cho họ. Ta có thể kể một vài mục đích và thành công của chuyến bay này. Hai mươi hai vòng quỹ đạo dài lối 925.000 cây số, bằng đường đi trái đất mặt trăng và trở về. Vậy trước hết chuyến bay nhằm thí nghiệm sức chịu đựng của con người cần trong sự thực hiện một chuyến nguyệt du « chớp nhoáng » nhưng lâu hơn 34 giờ. Cũng trong thời gian này phi hành gia ăn (bằng các thức ăn chế biến sẵn), ngủ (8 giờ) và tập thể dục. Mục đích xem sức khỏe con người ở ngoại tầng không khí. Vào vòng bay thứ tư, phi hành gia thả ra một khí cầu sáng cho bay theo phía sau, có mục đích làm hiệu cho chương trình bay hẹn gặp sau này. Ngoài ra, Gordon Cooper còn nhìn xuống một ngọn đèn pha cực sáng được rọi lên nền trời từ thành

phố Bloem-Fontain có mục đích thí nghiệm việc đáp phi thuyền từ quỹ đạo xuống mặt đất trong tương lai. Tóm lại, chuyến bay của Cooper đã ghi thêm vài tiến triển về kỹ thuật, giúp Hoa-Kỳ thực hiện dễ dàng chương trình Gemini trong một ngày gần đây.

Chương trình Gemini có gì lạ ? Trước hết trong phòng ở phi thuyền sẽ có hai phi hành gia ngồi thay vì một người như từ trước đến nay. Điều này chuẩn bị cho chương trình Apollo đưa ba người lên mặt trăng về sau. Thứ hai, phi hành gia phải lái phi thuyền đến chấp vào hỏa tiễn Agena-B được phóng lên và đưa vào quỹ đạo trước đó. Nếu sự thí nghiệm này thành công, người ta sẽ thực hiện dễ dàng chương trình hẹn gặp ở quỹ đạo mặt trăng (lunar-orbit rendez-vous). Điểm thứ ba, người ta thí nghiệm vấn đề đáp phi thuyền xuống mặt đất bình an bằng cách dùng một cái cánh có tên là aile de Rogallo để giảm một phần vận tốc phi thuyền.

Như trên đã nói, hiện còn nhiều giả thuyết về cấu tạo địa chất mặt trăng nên trước khi cho phi hành-gia đáp phi thuyền ta phải biết rõ nơi đây là bụi, nước đá hay... dầu hỏa. Sau khi chương trình Gemini hoàn thành, Hoa-Kỳ sẽ thực hiện chương trình số 8. Số 8 chính là hình quỹ đạo phi thuyền sẽ được tách rời quỹ đạo trái đất, bay thẳng lên mặt trăng, vào quỹ đạo mặt trăng và bay chung quanh nhiều vòng để khảo sát mặt trăng bằng các loại máy đặt trên phi thuyền. Chương trình cũng dự liệu, sau khi bay về quỹ đạo quanh trái đất, phi thuyền sẽ được tiếp tế nguyên liệu và ba phi hành gia sẽ được thay ba người khác. Một hỏa

THIÊN-TỨ

tiền đưa ba phi hành gia từ trái đất lên, hẹn gặp (nhờ kinh nghiệm ở chương trình Gemini) phi thuyền vừa đi thăm chị Hằng về trao cho phi thuyền này những nguyên liệu khối đặc và đồng thời trao luôn ba phi hành gia. Sau đó, phi thuyền mới tách rời phi thuyền cũ, đưa ba phi hành gia cũ về lại trái đất, trong khi ba phi hành gia mới cho phi thuyền tách rời quỹ đạo trái đất nhắm hướng chị Hằng. Chương trình số 8 mới nghe qua thật khó tin, không khác gì chuyện khoa học giả tưởng, nhưng chắc chắn người ta phải thực hiện được trước khi cho người đáp xuống mặt trăng. Thực vậy, thực hiện được hai chương trình Gemini và số 8, người ta mới giải quyết được những vấn đề về kỹ thuật còn khó khăn hiện nay trong chương trình đưa người lên mặt trăng.

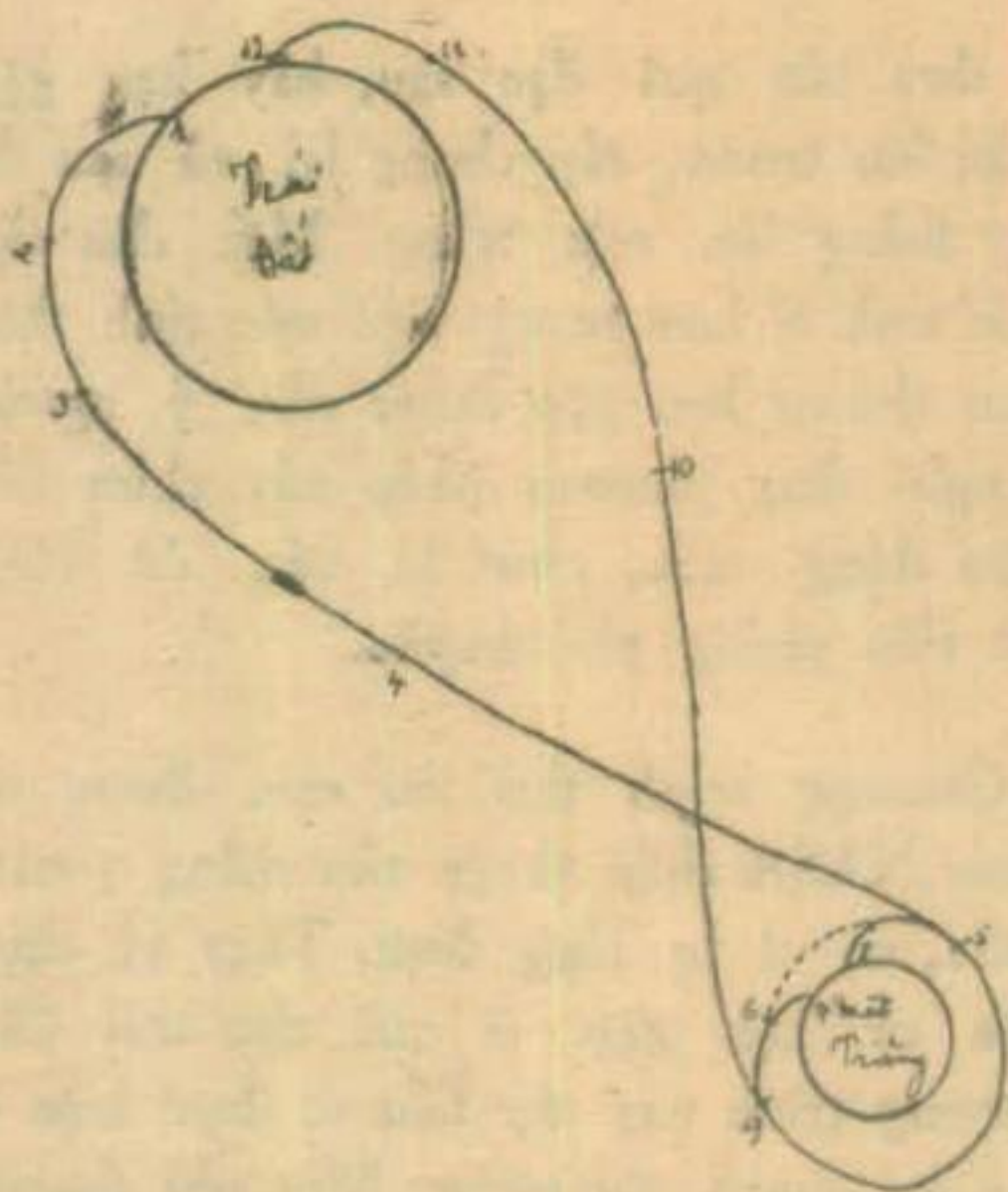
Trước kia người ta dự liệu dùng phương pháp bay thẳng (direct light) và đậu thẳng ở mặt trăng nhưng sau đó chương trình này không được chấp nhận vì có nhiều trở ngại khó vượt qua. Trước hết người ta không dễ gì làm cất cánh nổi phi thuyền Apollo nặng 65 tấn và cho nó bay với tốc độ 40.000 cây số mỗi giờ, dầu người ta có thể chế tạo được hỏa tiễn khổng lồ Saturn C-5. Do đó, người ta nghĩ đến giải pháp hẹn gặp ở quỹ đạo trái đất rồi bay đậu thẳng ở mặt trăng (earth-orbit rendez-vous with direct landing viết tắt EOL). Thoạt đầu, giải pháp này nghe có vẻ hấp dẫn nhưng xét ra vẫn phải còn gặp nhiều trở ngại. Chương trình dự liệu như sau: trước hết, bắn lên và đặt vào quỹ đạo phần đầu của phi thuyền với nguyên liệu. Phần ca bin của đoàn phi hành gia sẽ được phóng lên

và đưa vào quỹ đạo sau, bay hẹn gặp phần lên trước, ráp chung lại và sau đó bay thẳng lên mặt trăng. Mặc dầu cần phải tinh tế hơn trong việc ước tính thời gian cho sự hẹn gặp được như ý, người ta nghĩ rằng phương pháp này chưa tiết kiệm đúng mức, nhứt là vấn đề dùng hỏa tiễn phóng phi thuyền.

Chương trình thứ ba mới được cơ quan NASA chấp thuận vào tháng 7 năm 1962, có vẻ lạ lùng hơn. Thay vì thực hiện sự hẹn gặp ở quỹ đạo trái đất, chương trình này dự liệu sẽ thực hiện ở quỹ đạo quanh mặt trăng. Một phi thuyền chở ba phi hành gia được phóng thẳng từ trái đất lên mặt trăng. Sau vài vòng bay ở quỹ đạo mặt trăng, hai phi hành gia sẽ tách rời phi thuyền đáp xuống mặt trăng. Phi hành gia còn lại vẫn tiếp tục bay quanh mặt trăng. Khi muốn nhập bọn để trở về trái đất, hai phi hành gia ở mặt trăng lái phi thuyền lên hẹn gặp với phần phía trên; sau đó, tất cả cùng trở về đáp xuống mặt đất. Chương trình hẹn gặp ở quỹ đạo mặt trăng này hiện đang được Hoa-Kỳ coi như an ninh nhất, rẻ nhất và thực hiện được mau nhứt trong các phương sách đưa người lên mặt trăng. Ta nên tìm hiểu rõ hơn về chương trình này.

Đến cuối năm 1961 và đầu năm 1962, phần lớn các nhà bác học không gian Hoa Kỳ đều nghĩ đến giải pháp đầu tiên: bay thẳng lên mặt trăng hay chương trình hẹn gặp ở quỹ đạo trái đất. Trước đó vài năm, Trung tâm nghiên cứu Langley thuộc cơ quan NASA đã chú trọng đặc biệt đến chương trình hẹn gặp trong việc thực hiện một trạm giữa không gian. Các mục

CHUẨN BỊ LÊN MẶT TRĂNG



Sơ lược các giai đoạn trong chương trình LOR

(hình trích trong tạp chí : *Inter. Science and Technology*)

Các giai đoạn :

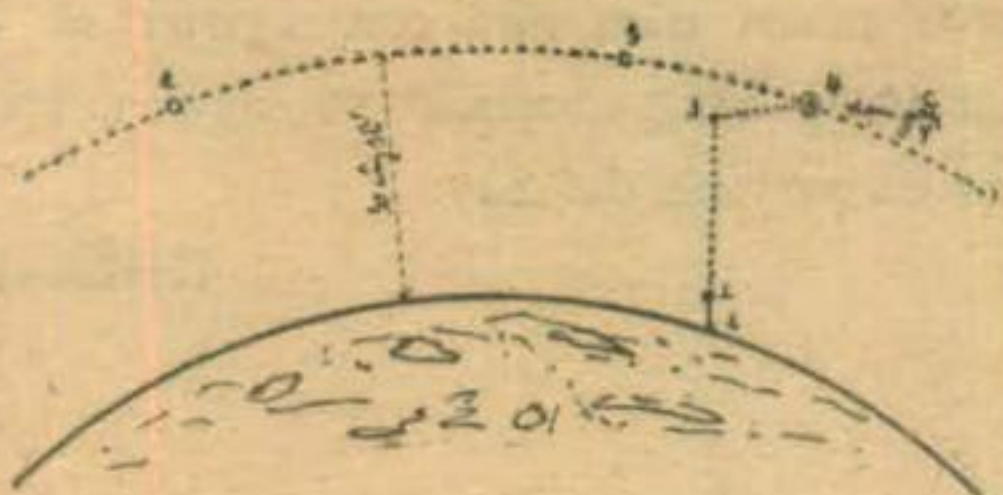
- 1) Phóng phi thuyền
- 2) Điều hướng ở quỹ đạo
- 3) Ra quỹ đạo trái đất
- 4, 10) Điều chỉnh
- 5) Vào quỹ đạo mặt trăng
- 6, 7) Tách rời phi thuyền, đáp xuống mặt trăng
- 8) Hẹn gặp
- 9) Ra quỹ đạo mặt trăng
- 11) Trở về trái đất
- 12) Đáp xuống

tiêu chính được nêu ra lúc đó là : sự hẹn gặp ở không gian có thể thực hiện được không ? dựa trên những căn bản khoa học có chắc chắn không ? dự trù việc thí nghiệm một sự hẹn gặp ở quỹ đạo trái đất, chứng tỏ chương trình hẹn gặp có nhiều hứa hẹn trong việc khám phá không gian về sau, đặc biệt trong chương trình lên mặt trăng.

Trước tiên các nhà bác học của trung tâm thí nghiệm nhiều lần sự hẹn gặp ở quanh trái đất nhưng sau khi khảo sát, cân nhắc hơn thiệt, họ chọn giải pháp hẹn gặp ở quanh mặt trăng (sẽ gọi tắt là LOR). Chương trình do nhà bác học J. C. Houbolt hướng dẫn và với sự cộng tác của hơn mười nhà khoa học khác của trung tâm, hoàn thành vào tháng 12 năm 1961.

Từ năm 1960, khi ý tưởng về một chuyến bay thẳng đang được phổ cập, Houbolt thường trình bày công việc khảo cứu của Ông trong hai phần : thứ nhất.

những kết quả đại cương về sự hẹn gặp, thứ hai, chương trình hẹn gặp ở quỹ đạo mặt trăng. Lúc đó, ít người chú ý đến chương trình khảo cứu của ông, thậm chí có nhiều nhà khoa học cười, nhưng cũng có người cho còn quá xa xôi, không dễ gì thực hiện được. Một tập báo cáo đại cương của nhóm ông được gửi đến Ủy ban thám hiểm mặt trăng thuộc cơ quan NASA. Ủy ban này muốn có bản báo cáo rõ ràng hơn. Bản báo cáo tỉ mỉ gồm hai quyển dày cộm về LOR được gửi đến NASA. Vào khoảng thời gian đó, EOR hy vọng Hoa Thịnh Đốn chấp thuận làm chương trình đưa người lên mặt trăng. Tuy nhiên, nhiều trung tâm khảo cứu khoa học không gian trong đó có Marshall Space Flight Center do nhà bác học Von Braun điều khiển nghiên cứu LOR. Bắt đầu từ tháng hai năm 1962 nhiều cơ quan kỹ nghệ không gian ủng hộ LOR. Vào tháng 7 năm 1962, NASA cho biết quyết định chọn LOR thay cho



Sơ lược sự hẹn gặp ở quỹ đạo mặt trăng

EOR, làm chương trình đưa người lên mặt trăng.

Trong bất cứ chương trình thám hiểm mặt trăng nào cũng cần phải đưa một « phòng ỏ » được trang bị tất cả những điều cần thiết về điều khiển, liên lạc v. v... lên mặt trăng. Trong hai chương trình đầu, phòng ỏ đáp xuống mặt trăng nên phi thuyền phải lớn và do đó hỏa tiễn dùng để phóng phải thật lớn. Trong trường hợp phòng ỏ còn ở quỹ đạo mặt trăng (theo LOR) và hai phi hành gia đáp xuống mặt trăng bằng một phi thuyền phụ, nhỏ thì tránh khỏi dùng một phi thuyền vĩ đại. Đây chính là điểm lợi đầu tiên của LOR.

Trong phép bay thẳng hay EOR, phi thuyền sẽ được đặt ở quỹ đạo mặt trăng hoặc bởi một hỏa tiễn Nova hoặc hai hỏa tiễn Saturn C-5 và một lần thực hiện sự hẹn gặp ở quỹ đạo trái đất. Trong cả hai trường hợp phi thuyền đều đậu xuống mặt trăng và như vậy nếu có bề nào, cả ba đều chết. Phân tích tỉ mỉ hơn về xác suất của các giai đoạn thực hiện một vòng bay trái đất — mặt trăng — trái đất LOR có xác suất thành công cao hơn. Một ưu điểm khác của LOR là phi thuyền nhẹ bằng một nửa trong trường hợp bay thẳng hay EOR, chỉ cần dùng một hỏa tiễn Saturn

C-5. Do đó, chương trình LOR có thể dùng nguyên liệu đặc thay vì lỏng như hai chương trình đầu. Hơn nữa, nhiều cuộc thí nghiệm về sự hẹn gặp cho biết ở quanh mặt trăng để thực hiện hơn. Vấn đề khó khăn chính trong chương trình LOR là lúc hẹn gặp để trở lại trái đất. Ta có thể mô tả các giai đoạn chính theo hình vẽ sơ lược bên cạnh. Phần phi thuyền đậu ở mặt trăng sẽ bay lên thẳng đứng và nhắm hướng thẳng này nhờ... một ngôi sao đúng vào giờ định trước với phi thuyền bay ở trên. (giai đoạn 1) Phi thuyền tiếp tục bay thẳng lên đến giai đoạn 3 và bắt đầu di chuyển ngang theo hướng một ngôi sao khác. Ở giai đoạn 4, cả hai phần phi thuyền bay đến hẹn gặp nhau.

Với kỹ thuật và sự tính toán hiện nay hai phần phi thuyền có thể gặp nhau ở vị trí sai nhau vài phần và có vận tốc khác nhau vài phần mỗi giây. So sánh với sự sai biệt trong khi thực hiện EOR thì các con số trên không đáng kể. Sở dĩ được ưu điểm này là nhờ phi thuyền bay quanh mặt trăng với vận tốc bằng một phần năm so với phi thuyền bay quanh trái đất, vì phi thuyền nhỏ (dễ di chuyển), vì ở mặt trăng không có không khí.

Tóm lại, sự thực hiện hẹn gặp ở quanh mặt trăng hiện nay được coi như dễ dàng hơn ở quanh trái đất và do đó, chương trình LOR được coi như rẻ hơn, an toàn hơn và dễ hoàn thành sớm hơn. Đó là kết quả của các công cuộc khảo cứu về không gian hiện đang cho phép người ta dự liệu như trên, nhưng trong tương lai, chắc gì con người sẽ lên mặt trăng bằng phương tiện này. Kinh nghiệm

CHUẨN BỊ LÊN MẶT TRĂNG

cho biết không đầy hai năm, Hoa-Kỳ đã bước qua hai chương trình nên rất có thể trong một ngày gần đây, nhờ một sự khám phá khoa học nào đó làm cho chương trình trở nên lạc hậu. Chỉ có thời gian mới

trả lời cho chúng ta biết trong vòng trên dưới mười năm nữa con người sẽ lên mặt trăng bằng cách nào và người nước nào được vinh dự này.

THIÊN-TỬ



- Khi mình chưa có thể làm những gì mình muốn thì phải biết muốn những gì mình có thể làm.

Térence

- Thích gái đẹp, vẫn có thể làm đặng nghiệp bá.
Thích rượu chè, vẫn có thể làm đặng nghiệp bá.
Không biết dụng người mới không làm đặng nghiệp bá.
Dụng người mà không tin thì cũng không làm đặng nghiệp bá.

Quản-Trọng

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TỪ NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BAO-HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

Nhạc Việt ở xứ người

Mộng-Trung



Mộng-Trung

Bạn,

30-3. *Balé*. — Trong chuyến đi với mục đích phổ biến nhạc Việt cổ truyền năm nay tôi cũng được ban tổ chức của nhóm Thanh-niên âm nhạc Thụy Sĩ mời đến trình bày về nhiều lối hò, hát, ca ngâm trong 23 buổi nói chuyện do anh Trần-Văn-Khê trình diễn trong 21 tỉnh và làng của nước Thụy-Sĩ ở vòng quanh biên giới Pháp — Thụy-Sĩ và Thụy-Sĩ — Ý-Đại-Lợi.

Như bạn đã biết, cũng giống những chuyến đi trước: từ đời sống hằng ngày bước qua việc thực hiện mộng tưởng đối với hoàn cảnh riêng tôi không được dễ dàng như người khác, mà là cả một vấn đề. Công việc và một bè con không cho phép tôi nhận lời ban tổ chức trọn vẹn được. Vì thế tôi chỉ có thể tiếp anh Trần-Văn-Khê trong 8 ngày cuối cùng với 9 buổi trình diễn (sau khi anh đã mệt nhoài với 13 buổi trình diễn trong 12 ngày). Mười ngày trước hôm tôi phải có mặt tại Thụy-Sĩ tôi đã nhận được của ban tổ chức nhóm Thanh niên âm nhạc Thụy-Sĩ một tập giấy xe; trong ấy có tất cả những vé cho tôi dùng đi từ Pháp sang Thụy-Sĩ rồi trở về và từ tỉnh này sang tỉnh khác trong thời gian tôi lưu trú tại Thụy-Sĩ. Như vậy lẽ ra, tôi chỉ có việc xách hành lý lên xe nữa là xong chuyện. Thế mà sáng nay đầu 9 giờ xe mới chạy, 5 giờ khuya tôi đã dậy xếp đặt mọi việc, rồi thì giờ còn dư lại tôi ngồi... lo lắng. Sáu giờ rưỡi tôi gọi điện thoại kêu taxi chở tôi đến gare de Lyon

để gọi hành lý đi trước, nhưng vì nhân viên các hãng xe autobus, métro và sở hỏa xa đình công nên tôi gọi cả giờ vẫn không có chiếc taxi nào có thể đến rước, tôi đành phải đem hành lý ra đường cái đợi xe vậy. Đường từ ngoại ô vào Balê thẳng và rộng, xe xả hết tốc lực tiếp nối vút qua trước mắt mình mát mát mà chiếc nào cũng đầy những người. Nhớ đến chuyến xe Thụy-Sĩ sắp rời ga và những tấm áp phích đã dán tại Tramelan cho thiên hạ hay 8,30 chiều nay sẽ có tôi hát trong buổi trình diễn của anh Trần mà tôi rồi cả ruột nhưng rồi con tôi đã kêu được chiếc taxi vừa đưa khách từ Balê ra gần vùng chúng tôi ở. Lên xe rồi mà ruột vẫn rối bời vì xe nhà hôm nay tuôn [ra, thế cho autobus và métro, chạy nghẹt các nẻo đường nối đuôi nhau san sát thời giờ trôi qua khá lâu mà xe vẫn không tiến tới được bao nhiêu. Vào đến nhà ga con tôi lại xuýt cãi nhau với nhân viên lo việc chuyển hành lý, vì ông này đã xẵng giọng bảo tôi phải tự xách lấy cái va li nặng gần 30 kí lô lên xe, mặc dầu ông ta dư biết từ Pháp sang Tramelan không có chuyến xe « suốt » mà hành khách phải đổi xe những 5 lần ! Bạn thử nghĩ, mỗi lần đổi xe thì giờ ít, hành khách đông, xe tại ga nhiều, đường đi quanh quèo và có khi phải đi bộ thật xa, mình ngớ ngẩn tìm kiếm cũng đủ hết giờ, xe chạy mất, không kể sức đâu mà còn vừa xách nặng vừa chạy kiếm xe ? Mãi sau ông xếp phòng tôi can thiệp, ông nhân viên phụ trách đó mới chịu kéo lê chiếc va li của tôi lên cân và dẫn lên đó bao nhiêu cần nhần.

Kiểm được sổ cửa vào chuyển xe đi Thụy-Sĩ, tôi vội tìm lên toa thượng hạng có đề chữ Dijon (tên địa điểm thứ nhất tôi phải đổi xe đi đến Besançon). Tôi đã viếng Thụy Sĩ hai lần, nhưng đi bằng xe nhà và chỉ đến ngay những thị trấn to như Genève, Lausanne, Bern, Zürich v.v... nên đường xá rất dễ đi. Nay mới lần thứ nhất đi một mình bằng xe lửa đến một địa điểm xa tít vùng Jurabernois lại gặp ngày trời mưa như trút nước, tưởng tượng phải đổi xe những 5 lần với đôi giày gót cao và bộ áo dài lết thết sang như đi dự dạ hội mà tôi đâm ngán và lo lắng vô cùng. Rồi khi đến Dijon tôi được biết nhân viên sở hỏa xa có đình công nên thay vì đổi xe 5 lần thì phải đổi đến 6 lần mới tới Tramelan ! Như thế tôi sẽ đến nơi không đúng với giờ của nhân viên ban tổ chức hẹn đón tôi tại Thụy-Sĩ. Bạn không thể tưởng tượng được là tôi lo lắng và cực khổ dường nào trong chuyến đi này. Xe chạy trễ, ngừng nhiều nơi mà hôm nay nhằm thứ bảy ; vừa là ngày nghỉ cuối tuần của học sinh nội trú vừa là ngày bắt đầu vào lễ Pâques. Đến mỗi ga, xe vừa ngừng lại thì học sinh đủ cỡ tay cặp sách, tay va-li, tràn lên xe chen nhau tìm một chỗ đứng.

Đình công xe thiếu nên đầu tôi có ở toa thượng hạng cũng không khỏe được. Bọn họ đập giày đầy bùn lên giày mình, để cặp lên đùi mình,

choàng tay lên đầu mình tìm một cây vịn và ngã bổ vào người mình khi xe chạy quanh. Trong xe khói thuốc xông đến ngạt thở. Chịu trận như thế cho đến lúc gần tới biên giới Thụy-Sĩ, hành khách lần lượt xuống hết trong toa còn một mình tôi rồi chỉ độ vài ga nhỏ nữa xe đến Le Locle tôi phải đổi xe để đến Chaux de Fonds. Bắt đầu từ đây, cảnh núi rừng cao rộng đang khoe vẻ đẹp tuyệt vời với muôn ngàn hình ảnh ảo kỳ trong chiếc áo tuyết mỏng trắng ngần ; thế mà tôi chẳng còn lòng dạ nào để thưởng ngoạn. Không quen đường sá, toa xe tôi lại ở gần toa cuối cùng, mỗi lần xe ngừng tôi không tài nào đọc được tên của nhà ga ; vì ở Thụy-Sĩ người ta không có dựng những tấm bảng nhỏ đề tên thành phố hay nhà ga cách vài cây số trước khi xe tới nơi, để báo cho hành khách biết trước mà dự bị xuống xe. Tôi có dặn người soát vé gọi tôi xuống nhưng chắc họ đã quên. Xuống sớm hay đi lỡ cũng đều bị trễ xe và lạc đường, tôi liền mở cửa toa này đi sang toa khác tìm người soát vé hỏi thăm. Xe lại chui xuống hầm núi mà vì thiếu điện nên trong xe không có một ánh đèn. Mỗi năm nước Pháp và Đức vay điện của Thụy-Sĩ và đến mùa hè thì trả lại. Năm nay trời lạnh ghê gớm nên Thụy-Sĩ biết trước Pháp và Đức không có cơ trả lại cho mình, vì thế chưa tới hè mà họ đã bóp bụng hà tiện lần. Trong xe không đèn không sưởi và trong thành phố đèn cũng ít hơn mọi năm. Hầm tối đen như mực, một mình trong chuyến xe trống không, tiếng bánh sắt nghiền đường rầy vang vào vách hầm làm tôi rợn cả người. Chưa có chuyến đi nào kỳ dị như vậy. Đoán xe sắp ngừng tôi không dám chần chờ cứ đi trong bóng tối ngược về phía đầu xe tìm xếp ga. Xe vừa chui ra khỏi hầm thì nó lại leo lên đường cầu sắt bắt vòng theo miệng hồ, cầu bị treo cao dài theo triền núi cheo leo khỏi ngọn cây nên xe bỗng chạy chậm lại. Lòng mình không kịp bình tĩnh với những thay đổi cấp tốc bên ngoài thì cánh cửa toa mở. Ông Xếp ga đến xét thông hành tôi và dẫn theo một em gái bé. Em khóc nức nở năn nỉ ông rằng cô em đang đợi đón em tại ga Le Locle, không thấy em chắc cô em sẽ lo em lạc, ông gởi trả em về Pháp giờ đó em không biết phải đi đâu. Nhưng Ông xếp nhất định không cho em sang Thụy-Sĩ vì lẽ em chưa trưởng thành mà qua biên giới không có giấy phép của cha mẹ.

Xe ngừng, trừ số hành khách vừa lên tại biên giới Pháp để đi chợ bên Thụy-Sĩ thì khách từ phương xa đến chỉ có tôi và em bé. Em khóc lóc ôm cặp trở về nước Pháp, tôi buồn bã xuống đổi xe đi Thụy-Sĩ mà không biết chắc mấy giờ mình sẽ tới nơi.

Tôi phàn nàn với người soát vé chuyển xe đi Chaux de Fonds sự bất tiện về việc thiếu bảng đề tên nhà ga thì Ông bảo :

— Không riêng chi bà, du khách ngoại quốc không quen đường sá cũng thường bảo như vậy. Chưa hết đâu bà ạ, đường xe lửa ở Thụy - Sĩ

rất nhiều nhưng ít có chuyển xuất. Xe chỉ chạy từ quăng ngắn, muốn đi xa, hành khách cứ phải đổi xe luôn, đáng ghét lắm. Phần bà phải đổi từ Le Locle đến Chaux de Fonds, Sonceboz, Tavannes rồi mới tới Tramelan !»

Xe đến Sonceboz lúc 4 giờ 30 chiều, tôi phải đợi hơn một tiếng đồng hồ mới có chuyển chạy đi Tavannes. Giờ này ban tổ chức ở Tramelan có lẽ đang chờ đón tôi tại nhà ga. Buổi diễn thuyết bắt đầu vào 8,30 mà mãi đến 7,50 tôi mới tới ga Tramelan. Cùng xuống xe với tôi tại đây chỉ có hai bà người Thụy-Sĩ. Mưa vẫn còn rơi, trời bắt đầu tối và trên sân ga không có một bóng người. Tôi muốn đứng tại ga chờ nhân viên ban tổ chức nhưng nhớ lại chỉ còn có 45 phút nữa tôi phải ra sân khấu, có lẽ anh Trần cùng các nhân viên đi đón tôi cũng đang lo tôi đi lạc nên tôi muốn kiếm gặp họ sớm để cõi gánh lo cho họ. Tôi định hỏi thăm một người trong vùng về chỗ anh Trần may sao bà khách cùng xuống xe với tôi biết tên một nhân viên trong ban tổ chức. Chưa lo cơm chiều lại có con nhỏ mà bà tươi cười sốt sắng nhận lời đưa tôi đến nhà Ông Bà L. Cả ngày vất vả lo lắng giờ đây lại phải đi bộ dưới trời mưa ! Bụng đói, tóc tai bơ phờ áo quần lướt bướt tôi ráng cuốc bộ lên dốc đồi gần đấy mà trí cứ thắc mắc chỉ còn vồn vẹn có 35 phút nữa là đến giờ trình diễn, tôi quỳnh lên thấy chơn như muốn diu lại.

Bà L. gặp tôi như bắt được vàng. Bà đưa hai tay lên trời mà « trâm » như mưa bắc :

— Dữ không, bà có biết mọi người đều náo động lên vì bà chăng ? Giờ này mà ông Trần và Ông S. còn đi kiếm bà ở các ga vùng lân cận ; tôi cũng mới về tới nhà và chưa ai ăn uống chi cả. Dù sao tôi cũng xin lỗi bà, vì bất ngờ có vụ đình cộng mà chúng tôi mới để bà cực khổ thế này. Chúng ta sẽ nói chuyện ấy sau, giờ đây mời bà vào trong cho ấm, rửa mặt rồi dùng vài lát bánh để còn lấy sức trình diễn. Chỉ còn độ mười lăm phút thôi, chúng ta không đủ thì giờ dùng cơm đâu ».

Tôi rửa mặt thay áo rồi ngồi vào bàn ăn. Bà L. không ngớt ra vào trông ngóng anh Trần và Ông S. Tôi đói lả mà chỉ dùng được vài lát bánh mì và một tách sữa tươi. Vừa nghe tiếng xe ngừng trước ngõ là mẹ bà L. reo lên. Anh Trần và Ông S. người nào cũng mặt mệt chưa chút nét băn khoăn nhưng họ vẫn tươi cười mừng tôi đã đến. Các Ông cũng chỉ kịp dùng vài lát bánh rồi cụ bị đàn trống đi đến nhà họp. Đọc đường trò chuyện, tôi mới hay rằng các ông đã đón tôi ở ga Tramelan vào lúc 5g, 30 chiều. Không thấy tôi các ông đợi thêm vài chuyển nữa. Bặt âm hao, các ông hoảng hốt gọi điện thoại đến nhiều ga hỏi thăm thì người ta bảo không thấy có người đàn bà Á-đông nào đến các ga trên đây cả

Các ông chỉ còn có nước gọi điện thoại từ Tramelan qua Pháp ngay về nhà tôi thì con tôi cho biết có đình công nhưng tôi đã đi từ 9 giờ sáng. Thế là mọi người chạy xe đến các ga vùng kế cận kiếm tôi. Trong lúc ấy, tôi đang ở trong chuyến xe từ Sonceboz chạy đến Tavannes, khi họ đến Tavannes thì xe tôi đi đang chạy về Tramelan. Bà L. và Ông S. bảo tôi rằng :

— Chúng tôi khổ tâm không kém Ông Trần. Trời tối thế này mà bà phải đi đến một vùng xa lạ, nếu hiện giờ bà chưa có mặt tại đây thì chẳng những đêm hát kém nhiều hứng thú cho diễn giả và thính giả mà có lẽ chúng tôi đã nhờ sở cảnh sát tìm bà hộ chúng tôi cũng nên ».

Thấy tôi mệt như anh Trần không để tôi phải hát nhiều tuy vậy tôi cũng ráng làm được vừa lòng thính giả. Xong buổi diễn thuyết tất cả nhân viên ban tổ chức cùng chúng tôi đến khách sạn dùng cơm ; mọi người bảy giờ mỗi hỏi thăm tôi những chi tiết về chuyến đi Balê — Tramelan và thuật lại cho tôi nghe nỗi lo âu của mọi người về việc tôi trễ xe.

Đấy, lúc nào những chuyến đi của tôi cũng bắt đầu bằng những xáo trộn, cực khổ hay náo động như thế đấy bạn ạ.

Biết tôi cần được nghỉ ngơi Ông Bà S. đưa tôi về nhà Ông Bà. Dân Thụy-Sĩ vùng Jurabernois nói tiếng Pháp nhưng họ kéo mạnh chữ K và cuốn chữ O thật tròn và cứng như dân miền Nam nước Pháp. Ông Bà S. cũng như mọi người dân Thụy-Sĩ thuộc hàng trung lưu mà nhà cửa chẳng những đủ cả tiện nghi lại trang hoàng vô cùng đẹp đẽ. Nữ chủ nhân tuổi ngoài ba mươi và đã có bốn con, có đôi mắt hiền từ và miệng luôn luôn tươi cười. Người bà ốm nhỏ nhưng rất đảm đang, chỉ độ một tiếng đồng hồ mà bà dọn dẹp trong ngoài, bếp núc, đồ con ngủ, lo sắp sẵn áo quần và đồ điểm tâm cho mọi người để sáng mai dậy sớm đi xem lễ nhà thờ. Bà tiếp khách thực tình, niềm nở và săn sóc tối rất chu. Trong giường tôi ngủ, áo gối và «drap» trắng tinh thêu đầy hoa màu rực rỡ, trên ghế vát sẵn một bộ khăn lau mặt, lau tay, một cái gang rửa mặt màu hồng và một bàn chải đánh giày, bàn cạnh bên có đủ cả bánh ngọt, trà nóng, ly, tách và một chai nước suối. Đã hơn nửa đêm mà tôi can ngăn thế nào bà cũng nấu được cho tôi một ấm nước nóng đổ vào chai cao su cuốn trong khăn bông rồi để vào giường tôi cho ấm. Bà chúc tôi ngủ ngon và dịu dàng bảo khē :

— Trời tuy không lạnh lắm nhưng tôi đoán bà không khác tôi đâu : Sức yếu, đường xa lo nhiều ăn không ngon lại còn bị đổi chỗ nằm quen thuộc, chắt nóng an ủi được mình ít nhiều trong trường hợp như thế ».

Dài theo cuộc đời, tôi ít khi tự lo săn sóc cho mình. Lúc chui vào chăn ấp chai nước nóng tôi mới thấy lời Bà S. chí lý và tôi thiếp ngay đi trong mảnh lòng đời tuy mới, lạ, ở tận góc trời xa nhưng vẫn đậm đà ấm áp.



Vùng núi Jura phủ tuyết
(30-4. Tramelan)

Sáng 31-3. Tramelan.— Sáng ra trong lúc dùng điểm tâm với Ông Bà S. chúng tôi đang thăm hỏi lẫn nhau về đời sống và phong tục của dân Thụy-Sĩ và Việt Nam thì anh Trần và bà L. đến xin lỗi Ông Bà S. đưa tôi đi lên vùng núi Jura xem tuyết.

Bà L. lệt bệt với cái thai gần ngày nhưng bà không có vẻ mệt nhọc lại vui cười bảo tôi :

— Lẽ ra 11 giờ trưa chúng tôi mới đưa Ông Trần và bà đến Court để sửa soạn buổi trình diễn vào 4, g 30 chiều nay, nhưng khi vừa mở cửa thấy tuyết tôi nhớ Ông Trần có nói : trước khi đi Thụy-Sĩ bà có ước sẽ được thấy núi Jura phủ tuyết những vài thước tây nên tôi vội vàng đến khách sạn mời Ông Trần cùng lại đây để đưa bà đi xem tuyết.

Chắc bạn cũng đoán tôi sung sướng như trẻ con được bánh. Suốt năm nặng gánh gia đình tôi chỉ đi nghỉ vào dịp hè, mùa đông tôi không có thì giờ để lên những vùng núi thật cao ở Thụy-Sĩ ; nơi đây tuyết đông đặc kinh niên những mấy thước tây. Nay là mùa xuân, tuyết đã ngót rori, trên đồi — nếu còn — tuyết cũng chỉ lên cao độ ít phân như tôi đã thường thấy trong thành phố ở Pháp về mùa đông. Và lại chiều hôm qua trời mưa ướt át và không có một bông tuyết rori, thế mà chỉ một đêm hóa công đã ra phép màu cho lời ước của tôi thành sự thật. Tôi có cảm giác lối đi lát bằng nước đá trên phủ một lớp bông gòn, hai bên lề là những bức tường tuyết cao độ vài thước tây. Đường trơn trượt mà bà L. cho xe leo từ từ theo những lối quanh dẫn lên đồi cao. Nhìn suốt xuống đến chơn trời, những cánh rừng thông xanh mênh mông vô tận đang say ngủ im lìm dưới chiếc mền tuyết trắng nõn nà không biên giới vào giờ này chưa có một dấu hoen ở của vết chân phàm tục. Muôn trùng gốc thông cao vút lạng lẽ vươn mình thi gan cùng băng giá, giăng thẳng cành lá là đã ra hứng những tai hoa thủy tinh từ trên lòng trời rải xuống và lạnh lùng để cho thợ

tạo muôn đời điểm tô lên đây vẻ đẹp thần tiên. Tiếc rằng thì giờ không cho phép tôi thả hồn đi xa nên anh Trần chụp vài bức ảnh rồi vội trở về cho Ông Bà S. quay một đoạn phim kỷ niệm để Ông Bà còn đưa chúng tôi thẳng xuống Court. Ra về bà L. và ông Bà S. từ già chúng tôi với những cái siết tay thật chặt, đôi nụ cười vương buồn và vài câu chúc thành công.

Chiều 31-3. Court. — Ban tổ chức Court tiếp cơm trưa [chúng tôi ở khách sạn «Con ngựa trắng» (Le cheval Blanc) và tặng chúng tôi những hộp bánh Sô-cô-la danh tiếng ở Thụy-Sĩ, Chủ tịch và nhân viên ban tổ chức ở đây là những cậu trai trẻ độ 23 đến 28 tuổi làm việc rất hăng hái và chu đáo, và tiếp khách đúng giờ và rất mực lễ phép. Tôi hỏi thăm các Ông về tài chánh của hội vì không phải chỉ có anh Trần và tôi được mời đến đây, mà năm nào cũng có rất nhiều nhạc sĩ, ca sĩ, học giả của các nước được hội Thanh niên âm nhạc bên này mời đến trình diễn để cho học sinh và thanh niên gần khắp nước Thụy-Sĩ có dịp được mở rộng hiểu biết. Các Ông cho biết hội này không những được chánh phủ trợ cấp mà tư nhân giúp công và của rất nhiều; nhờ vậy hội đứng vững và làm việc đắc lực.

Chiều nay thính giả khá đông có cả cô A.M.P. chủ tịch hội thanh niên âm nhạc ở Moutier đưa nhiều bạn đến dự. Cô bắt tay tôi tươi cười :

— Tôi cùng bạn bè đổ đường đến đây cốt để nghe bà vì ở mấy địa điểm trước chúng tôi không được hân hạnh tiếp bà. Hơn nữa đầu đây là lần thứ ba chúng tôi đến nghe Ông Trần chúng tôi vẫn thấy thích thú. Ông Trần có cách trình bày rất hấp dẫn và mỗi lần trình diễn ông cho lóe thêm lên một ánh sáng lạ mắt trong vườn nhạc Việt mà chúng tôi đang muốn tìm hiểu.

Một nhân viên sở vô tuyến truyền hình Genève đến chào chúng tôi. Ông J.E. dự buổi diễn thuyết chiều nay với chủ ý mời chúng tôi trình bày trọn chương trình buổi nhạc ở đài vô tuyến truyền hình Thụy-Sĩ. Nếu chúng tôi thuận thì sau buổi diễn thuyết, Ông J.E. sẽ đón chúng tôi thẳng về Genève cách Court gần hai trăm cây số. Trước khi đi Thụy-Sĩ tôi có đàn cho đài vô tuyến truyền hình Pháp nên nay tôi muốn nhận lời Ông J.E. để có dịp biết thêm cách làm việc của đài vô tuyến truyền hình Thụy-Sĩ. Thế là sở phí ăn ở của chúng tôi do hội âm nhạc Tramelan vừa sang gánh cho hội Court khi sáng — đáng lý hội này phải đài thọ đến chiều mai — thì chiều nay sở phí ấy lại về phần sở vô tuyến truyền hình nhận lãnh theo lời yêu cầu của Ông J. E.

Thính giả ngồi nghe chăm chỉ và rất hài lòng với những bài hò, hát, ca, ngâm đượm đủ vui buồn của tôi tượng trưng cho giọng

hát đặc biệt của ba miền nước Việt. Họ cũng vô cùng thích thú và lạ lùng khi thấy anh Trần một mình đóng nhiều vai, nhái nhiều giọng hát giọng cười, anh thoát vui, thoát buồn, thoát giận, thoát say, khí sắc anh thay đổi rất mau chóng trong mỗi vai một cách tự nhiên lột được tinh thần những nhân vật trong các vở tuồng làm cho nhiều khán giả phải buột miệng khen là kỳ tài. Khán giả không ngớt khen ngợi y phục và cách đậm mặt của những vai đào kép trong các phim màu của gánh Minh Tơ; chỉ tiếc cô đào Điều Thuyền mặc y phục xưa mà mang giày cao gót thời nay, một tướng cướp để vai trần mặt lại bôi phấn quá nhiều và y phục bằng lụa.

Buổi diễn thuyết chấm dứt, cô A.M.P. khen ngợi chúng tôi với những giọng lệ. Tài hoạt bát của anh Trần làm cô say mê thì giọng ngâm sa mạc của tôi chẳng may đã làm cô xúc động. Tôi đã có thấy những giọng lệ của những người Việt xa cố hương khi nghe quốc nhạc, nhưng nay cô A.M.P. là người sanh trưởng ở Y-Pha-Nho nghe hơi sa mạc mà nhớ cố hương đến rơi lệ làm tôi ngạc nhiên vô cùng. Chúng tôi dùng cơm chiều với Ông J.E ông chủ tịch ban tổ chức ở Court và cô A.M.P. Trước khi chia tay tôi và cô chụp chung một tấm ảnh kỷ niệm rồi lúc già từ, chúng tôi dường như quyến quýt; ra đi lần thứ hai tôi để lại đây một chút tình.

(Còn tiếp)

MỘNG-TRUNG

SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT-BẢN GIAO-ĐIỂM

● **SỨ MỆNH VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI** *tiểu luận của ALBERT CAMUS* — *TRẦN-PHONG GIAO dịch* — *NGUYỄN-MẠNH-CƠN giới thiệu* — Bán tới ngàn thứ Ba, gần hết.

Đang in :

- **TRƯỜNG CA** *thơ ngũ ngôn và lục bát của LÝ-MINH*
- **HOA THIÊN LÝ** *tập truyện tình cảm thời đại của DUYÊN-ANH*

Trở lại

BÀI THƠ «CON MUỖI»

L.T.S.: ... Sau bài « Nền kiền diêm khi nhận tác giả những bài thơ xưa » của thi sĩ Đông-Hồ đăng trên tạp chí Bách-Khoa số 154, chúng tôi nhận được nhiều bài đề cập đến bài « Con muỗi » được đem làm đề thi thi Trung Học đệ nhất cấp vừa qua. Nhận thấy ý kiến chung quanh bài thơ gửi tới phần nhiều trái ngược hẳn nhau và vấn đề ấy không thể kéo dài quá đáng, chúng tôi lựa đăng hai bài tiêu biểu nhất trong số các bài gởi đến (bài của Ô. Phạm-Liễu (trích đăng) và của Ô. Lê-Văn-Siêu (đăng trọn). Sau đó chúng tôi đăng thêm bài của nhà văn, đồng thời là nhà giáo, Vũ-Hạnh đề mong tìm lời kết luận thỏa đáng cho vấn đề này.

CON MUỖI

*Mình thì ngắn ngắn cẳng thì dài,
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.
Ít sức biết đâu mang nổi núi,
To gan có lúc cần cần voi.
Xua tanh lũ kiền tuồng vô dụng,
Gây mặt bầy ong dạn bắt tài.
Mình bạch gấm ra thua nghĩ hết,
Ăn người rồi lại nói bên tai.*

Theo thứ tự trình bày của tác giả, chúng tôi xin giải từng hai câu một :

*Mình thì ngắn ngắn cẳng thì dài,
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.*

Hai câu này tả hình dáng con muỗi và nói sự liều lĩnh của nó. Ba chữ « chẳng sợ ai » ta phải nhận chân rằng đó là hành động của kẻ bất tài, anh hùng rơm, làm càn, không suy nghĩ phải, trái. Thực ra, nếu là kẻ thức giả thì ở đời này, gặp điều có nghĩa lý đều phải sợ và phải biết mảnh lối để tránh những hành động phi lý chứ ? Đằng này con muỗi chính là vật nhỏ nhỏ mà lại chẳng sợ ai. Ý chính của câu thơ là cười kẻ bất tài, làm càn vậy !

*Ít sức biết đâu mang nổi núi,
To gan có lúc cần cần voi.*

BÀI THƠ « CON MUỖI »

Câu « *Ít sức biết đâu mang nổi núi* » xin quý vị hãy lật tự điển Từ Hải (1) về chữ « văn phụ » có nói : Trang tử Ứng đề vương : « Kỳ ư trị thiên hạ dã do thiệp hải tạc hà nhi sử văn phụ sơn dã » Văn phụ sơn dã, dụ lực tiểu nhậm trọng dã, thể ngôn văn phụ bản thể.

Xin dịch là : « Dem nó mà trị thiên hạ, ấy là vượt bể đào sông, mà sai muỗi đội núi ». Muỗi đội núi chỉ sức kém mà nhiệm vụ thì quá nặng nề, lời nói ở đời về muỗi đội núi gốc từ đây.

Lại nữa trong Nam Hoa Kinh (2) của Trang tử mục Ứng đề vương cũng viết : Kiên-Ngô kiến Cuồng Tiệp Dư viết : Nhật Trung-Thủy hà dĩ ngữ nhữ ? Kiên Ngô viết : « Cáo ngã Quân nhân giả dĩ kỳ xuất kinh, thí nghĩa đạt nhân, thực cảm bất thính nhi hóa chư ». Cuồng Tiệp Dư viết : « Thị khi đức dã. Kỳ ư trị thiên hạ dã, do thiệp hải tạc hà nhi sử văn phụ sơn dã. Phê thánh nhân chi trị dã, trị ngoại hồ chánh nhi hậu hành, xác hồ năng kỳ sự giả nhi dĩ hĩ ».

Nhượng Tống đã dịch đoạn này (3) :

« Kiên Ngô ra mắt Cuồng Tiệp Dư, Cuồng Tiệp Dư hỏi :

(1) Tự điển Từ-Hải bộ cú quyền II trang 139.

(2) Trích trong « Les pères du Taoïste » của Léon Weiger xuất bản năm 1950, trang 264, phần Hán-văn, tiết B.

(3) Nam-Hoa-Kinh, bản dịch của Nhượng-Tống. Nhà xuất bản Tân-Việt xuất bản năm 1944, trang 148-149.

— Nhật Trung Thủy lấy gì bảo người ?

Kiên Ngô nói :

— Bảo tôi rằng : « Kẻ làm vua người ta, tự mình ra mẫu thường, thước nghĩa, người ta nào ai dám không nghe theo mà cảm hóa ».

Tiếp-Dư nói :

— Đó là đức giả dối. Dem nó mà trị thiên hạ cũng như lợi bể đào sông, mà sai muỗi công núi. Cách trị của thánh nhân có trị ngoài đâu, chính rồi mới làm, chắc chắn ai được việc ấy mà thôi».

Câu *To gan có lúc cần càn voi* chẳng qua để đổi lại câu trên cho cân xứng trong một bài thơ Đường và cũng để diễn tả một hành động nói ầu làm càn thôi.

Thực ra, con muỗi như ta đã biết, có gì đâu mà to gan.

*Xua tanh lũ kiến tuồng vô dụng,
Gây mặt bầy ong dạng bắt tài*

« *Xua tanh lũ kiến* », bốn chữ này do một thành ngữ Hán văn « *quần nghị xu chiên* » nghĩa là bầy kiến đuổi theo mùi hôi nhưng ở đây dùng chữ « xua » thì ta phải hiểu rằng xua là chạy theo, hiểu như chữ xua nịnh, chữ nôm xua viết chữ xua cũng do chữ xu.

« *Gây mặt bầy ong* », bốn chữ này cũng do một thành ngữ Hán văn nữa, « *phong điệp du hương* » nghĩa là ong bướm hút trộm mùi hương, ý nghĩa của hai câu trên phải chăng là cười bọn bắt tài vô dụng, suốt đời chỉ biết

PHẠM-LIÊU

đuổi theo bả vinh-hoa hoặc ky cốp làm giàu...

Trong quyển Tây Hồ và Santé thi tập do con rể chính cụ Phan sao lục, trang cuối cùng có phụ lục bốn bài thơ sau :

1) Con muỗi. 2) Con rận. 3) Con trâu (2). 4) Chim lồng cá chậu.

Bốn bài này theo cụ Lê Ấm hiện ở Đà-Nẵng thì chép theo truyền văn chứ không thấy trong di thảo. Một bài thơ thuộc vào loại nghi vấn như bài con muỗi lại đem ra cho thí sinh Trung học đệ nhất cấp, phần đông học sinh mới mười bốn mười lăm tuổi đầu, đường đời chưa kinh-nghiem cô-diễn học chưa thông, thì hỏi làm sao mà hiểu nổi một bài thơ vào loại châm-biếm trào phúng với điển-tích vô cùng sâu xa như thế ?

— Một tài liệu nữa : « Phan-Tây-Hồ tiên sinh lịch-sử », di cảo của cụ Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng về trang cuối cùng (3) cũng có phụ bốn bài thơ, trong đó có bài « con muỗi ».

— Trong hai tài liệu kể trên, bài thơ « con muỗi » đều được ghi vào cuối sách. Vì thế chúng tôi lấy làm thắc mắc nên thân đến gặp ông Ngô-Thành-Nhân chủ nhân nhà xuất bản Anh Minh tại Huế để dò hỏi. Sau hai lần tiếp xúc chúng tôi đã được ông Ngô-Thành-Nhân cho chúng tôi xem bài thơ « con muỗi » mà ông bảo là thủ bút của cụ Minh-Viên, (không phải

thủ bút của cụ Phan-Chu-Trinh). Bài thơ viết trên giấy trước kia trắng nay đã hóa vàng, nét mực đen đã nhợt nhạt, thơ bảy chữ mà viết không xuống hàng, chữ quốc-ngữ viết xiên theo lối cổ nhiều chữ quên đánh dấu.

Theo thiện ý của chúng tôi bài thơ con muỗi như đã giải bày là một bài thơ châm-biếm vào loại hay, vì những lời chỉ trích rất chua chát sâu cay điển tích lại thâm trầm sâu sắc.

Những luận chứng và tài liệu vừa trích dẫn trên đây thiết tưởng cũng có thể cho ta tin rằng bài thơ « con muỗi » của cụ Phan-Chu-Trinh được.

Có một điều đáng tiếc là có giáo sư đã hướng dẫn học sinh rằng bài thơ con muỗi chính là tâm trạng cụ !

Than ôi ! một ông thầy thuốc chích lăm một vị thuốc chỉ có thể giết chết một bệnh nhân thôi, nhưng một nhà giáo lăm thì có thể làm sai lệch tư-tưởng của cả một thế-hệ non trẻ đang lên.

PHẠM-LIÊU

(1) Tây Hồ và Santé thi tập do Lê Ấm, con rể của cụ sao lục và xuất bản năm 1961.

(2) Bài thơ Con trâu, chúng tôi được nhiều giáo sư cho biết là của Nguyễn-Văn-Lạc, tức Học Lạc, một nhà thi sĩ Nam Hà.

(3) Phan Tây Hồ tiên-sinh lịch-sử, do Anh-Minh xuất bản tại Huế năm 1959, chủ nhân là Ngô-Thành-Nhân, người cùng huyện Tiên Phước tỉnh Quảng-Tín, là quê-hương của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng.

BÀI THƠ «CON MUỖI»

**Có thể được nhận là của
cụ Phan-Chu-Trình không ?**

LÊ-VĂN-SIÊU

Gần đây, dư luận phân vân không rõ bài thơ «con muỗi» (để thi giảng văn trong kỳ thi Trung-Học Đệ-nhất-cấp) có phải là của Cụ Phan-Châu-Trình không ?

Người nói phải, người nói không, nhưng chúng dẫn bằng cứ thì chỉ còn cày đèn con rế Cụ Phan (Cụ Lê-Âm) là người giữ những di cảo của Cụ. Điều các cứ là chính Cụ Lê-Âm khi cho in quyển Santé Thi-tập cũng lại chưa thêm dưới bài thơ một lời tôn nghi vì không thấy chép trong di cảo.

Như vậy, làm thế nào để có thể dứt khoát một lần về vấn đề phải hay không, một vấn đề xét ra cũng không lớn lao gì cho nền văn-hóa của xứ sở ?

Vấn đề lớn lao ở đây chính lại là làm thế nào để những việc như thế không thể xảy ra được nữa.

Trong văn chương, chúng ta đã rất khổ tâm vì nạn tam sao thất bản ngày xưa rồi. Đến ngày nay, giữa thời đại khoa học, sau khi đã được thấy những phương pháp giữ gìn di sản văn-hóa của tiền nhân ở nước người ra sao rồi, mà chúng ta vẫn còn đề nỗi khổ tâm như trên

cho đời sau, thì thật là một điều đáng nên lấy làm xấu hổ.

Chúng ta từng đã thấy ở nước người sau khi một danh nhân lịch sử tịch đi thì người ta chắt chiu để giữ gìn từ cái vé cấm đồ, cái trang sổ ghi tiền chợ, cho đến cả những mảnh thư tình vụn vặt, như thế đời sau, ai muốn viết gì về danh nhân ấy mới có đủ tài liệu chính xác mà dùng và đối chiếu, thì vẫn đề hồ nghi làm sao xảy ra nổi ?

Còn trái lại ở nước ta, — ngay bây giờ, — nội trường hợp của Cụ Phan-Châu-Trình may mà có Cụ Lê-Âm giữ gìn di sản tinh thần của Cụ Phan, nên khi có gì hồ nghi còn có chỗ mà hỏi. Nhưng Cụ Lê-Âm liệu sống được bao nhiêu năm nữa, và cái rương cái tủ của một tư gia liệu có gì để bảo đảm được cho khỏi mỗi mọt và hư hại đến tài liệu dựng bên trong.

Đợi cho đến chừng di sản tinh-thần tan nát hết bây giờ mới ngửa mặt lên trời mà than tiếc, thì thật là đại vậy.

Hồi gần 40 năm trước, trong tập Phan-Tây-Hồ tiên sinh lịch sử, cụ Huỳnh-Thúc-Kháng đã viết những lời như sau :

«Dân nước văn minh có một cái tâm lý sâu xa, khác hẳn những dân nước hèn là : sùng bái anh hùng. Đối với một người ái quốc, không những tượng đồng bia đá, sử truyện kỷ niệm, phiêu biểu cái công nghiệp danh-dự của người ấy, mà cho đến

một nét bút, một câu thơ, một tấm ảnh lu, một tờ giấy rách cũng trân trọng gìn giữ, như một vật quý báu nhất trong thế giới để mà tỏ ý sùng bái người danh nhân. Xem thế thì biết quốc dân có cái đặc tánh sùng bái người ái quốc mà sau người ái quốc mới xuất hiện nước mạnh dân khôn, nguyên nhân cũng nhiều mà tâm lý ấy là một cái quan hệ to tát vậy. »

(Giai nhân kỳ ngộ trang LXIV)

Lời của cụ Huỳnh thật đáng để chúng ta suy nghĩ.

* *

Nay trở lại vấn đề bài thơ Con muỗi. Chúng tôi thấy có thể nhận được bài thơ ấy đích là của Cụ Phan-Châu-Trinh. Bởi những lý do này :

Chính trong sách Giai Nhân kỳ ngộ, một tác phẩm căn bản bao gồm hết khí tiết của tác giả, có thể nói là tác phẩm tự thuật tất cả những mảnh đời của mình, cụ Phan đã nhiều lần ví nhà chí sĩ vai gánh giang sơn như con muỗi mòng mang hòn núi cả.

Đoạn nhà Ái quốc Nhật Bản nói chuyện với Ba Ninh Lưu nữ sử người Ái-Lan, câu 1195, cụ viết :

Khác người có chút thi thi

Khen cho óc lớn kẻ gì thấy to

(G.N.K.N. tr. 96)

Đoạn ngồi trên tàu nghĩ về người nữ sử không chịu lay chổng để lòng lo việc nước ấy, Cụ viết :

Thế đem chút sức muỗi mòng

Toan mang núi cả anh hùng lắm! hỏi

(G.N.K.N. tr. 84 câu 1061)

Đền đoạn nhà ái quốc Nhật Bản hỏi nhà nữ ái quốc Ái-Lan là cô Hồng-Liên, khi cô đền yết kiến ông Nham-Xưởng-Đã (Gambetta) xem ông có nói gì về nước mình không. Cô nhắc lại rằng Ngài nói :

Thương ôi ! ếch giếng xem trời

Mặt vung còn lớn là loài đầy thò

(G.N.K.N. câu 2241)

Rồi cô an ủi bạn :

Gẫm trong Ngài nói mấy lời

*Công bình chính đại xin người đừng
căm*

(G.N.K.N. câu 2247)

Thì nhà ái quốc Nhật đã trả lời :

Chàng rằng Ngài nói thực nhằm

*Chính ngay giữa trán Ngài châm
một mối*

(G.N.K.N. 2248)

Cũng lại là hình ảnh của một con muỗi đốt.

Con muỗi nó ngang tàng :

Minh bạch găm ra thua nghĩ hết

Ấn người rồi lại nói bên tai.

Chính cái khía cạnh ngang tàng ấy là một đặc tính kỳ lạ của nhà chí - sĩ đất Quảng-Nam.

Khi ở Côn-đảo, Cụ được trả tự do, về ở vùng Mỹ - Tho (1911), Chính quyền Pháp vẫn cứ tiếp tục trông nom quản cò, Cụ cho rằng đã được tha về thì tức là người không tội rồi mà lại không được tự do hành động thì

BÀI THƠ « CON MUỖI »

không khác chi ở tù, Cụ gởi thư cho
chính quyền xin trả Cụ ra Côn - Lôn
(G.N.K.N. tr. LVI)

Ngang tàng đèn như thề. Nhưng
đèn viết thư cho Giám ngục Santé
nói : « Quan lớn không xứng đáng là
người Đại diện cho nước «Pha-lăng-
sa» và nói : «Quan lớn là một tên quen
án gian dối, thay mặt cho quân thù
nghịch tôi, lấy ý riêng mà bắt tôi,
giam tôi, thì từ nay tôi cứ đem lời lẽ
ra mà chống cự lại với những việc
gian dối không công bình của quan
lớn... » (Thư số 3 ngày 27-4-1915),
thì thật quả là khó có hai người ngang
tàng được như thề.

Một câu nói nữa, kể ra hoang
đường như chuyện thời Đông - Chu
Liệt quốc, nhưng đã tiêu biểu rõ rệt
cho khí phách của Cụ, một con người
không biết sợ chết. Câu ấy thề nầy :

« Thằng Phan-Châu-Trinh thà chết
thì nó xách cái đầu của nó, nó quăng
xuống đất như chơi, chớ nó chẳng
chịu làm thân trâu ngựa cho người
ta cưỡi trên đầu trên cổ nó đâu !...
Tôi thà chết tại giữa buồng giam quan
lớn, tôi thà lấy máu tôi mà bôi đầy
đầu, đầy mặt, đầy cổ, đầy mình quan
lớn, tôi bôi cho đỏ cả buồng giam
gian dối, tôi tắm, hôi thúi của quan lớn,
tôi chẳng chịu chết mòn, chết rục,
chết vắng, chết thối, ở cái buồng
giam 6-21 đâu ! (Thư số 4 ngày 2-
5-1915).

(G.N.K.N. tr. LXXVI)

Cái khí phách ngang tàng ấy ta đã
gặp ở hầu hết các trang trong sách
Giai-Nhân Kỳ-Ngộ.

Điều đáng lưu ý là, ở trong ngục
Santé, khi tranh đấu với cường
quyền và gửi những bức thơ nầy lửa
ấy đi rồi, không khác gì...

... Ngài nói thực nhằm

*Chính ngay giữa trán Ngài chằm
một mối*

nhà chí sĩ ngang tàng của chúng ta
nằm nhìn con muỗi bay mà không lẽ
nào lại không cảm hứng làm bài thơ
« Con muỗi » để mà tự thuật.

Qua bài thơ này, chúng ta có thể
nhìn thấy thật rõ hình ảnh của tác giả
nhỏ nhít như « một con sỏ không »
đương phải cưỡng lại cả một khối vĩ
đại của cường quyền thực dân nó đè
trên lưng mình.

Cưỡng lại như thề, nhưng Cụ đã
không chịu dùng chiến thuật giả dối,
lén lút như thói thường, mà lúc nào
Cụ cũng đường đường chính chính,
minh minh bạch bạch, nghênh ngang
như không thèm coi cường quyền
của thực dân là cái quái gì cả. Cho
nên mới nói :

Minh bạch găm ra thua nghl hết

Ăn người rồi lại nói bên tai.

Trong cuộc sống thực, chính Cụ
đã hết vào Nam lại ra Bắc, đi Hải-
Phòng, đến Quảng-Đông, sang Nhật-
Bản, rồi lại về Hà-Nội, lại vào Nam,
giữa thời oanh liệt của thực dân đô hộ
mà không giàu gièm gì ai hết. Có khác
gì con muỗi nó minh bạch vo ve bên
tai bảo cho người ta biết rằng « tao
cắn đây nấy » rồi bây giờ nó mới cắn,
hay đã cắn rồi, thì lại đến tận tai bảo
cho người ta biết rằng « tao cắn đây ».

BÁCH KHOA CLVI

Tư cách một con vật như thê thì hơn đứt các con vật khác rồi. Mặc dầu là nó nhỏ, — chỉ nhỏ như một con muỗi, — mà gan óc của nó hẳn phải là cùng mình vậy.

Khác người có chút thi thi

Khen cho óc lớn kẻ gì thấy to !

Cụ ca ngợi con muỗi như thê kẻ cũng đúng lắm thay !

Đứng về phương diện khảo cứu văn-học-sử, tìm hiểu các khía cạnh tâm lý của tác giả ở những hoàn cảnh khác nhau trong từng giai đoạn một trong đời, thì bài thơ này thật đã rõ ràng là những lời thơ khẩu chiêm của nhà chí sĩ khi bị giam cầm trong nhà lao, vừa mới cãi cọ dữ dội với viên Giám ngục xong, lòng còn đầy căm phẫn đối với những kẻ thù gần và xa, kẻ thù gần là những bọn giám ngục và vây cánh của lũ quan cai trị Pháp trên đất Pháp. Kẻ thù xa là những bọn « quan trường Annam » đã như những con sâu con kiến đương rúc rịt những miếng thịt thời ở nước nhà. Câu « xua tanh lũ kiến tuồng vô dụng » trong bài thơ để tỏ ý khinh bỉ đám quan trường bu theo những mùi hôi tanh ấy, đã được thầy trở lại trong Giai-Nhân Kỳ-Ngộ :

*Biết ngày nào choặng ngợi chữ
ca-cù*

Gớm lũ kiến loài sâu chỉ quá ghét
(câu 685)

Nhưng nhà chí sĩ trong vòng tù ngục ở đây sau khi thốt lời căm phẫn đối với kẻ thù như vậy cũng đã không quên những em út và những

môn đệ lúc này đương tần mẫn làm việc gầy mặt ở mọi nơi, nhưng xem ý ra chưa thành được một lực lượng gì đáng kể :

Gầy mặt bấy ong dạng bắt tài

Cái điều mà Cụ ao ước ở bấy ong, không phải là gầy mặt lâu như thê, mà chính là :

Xa gần mấy nhóm ong ròi

Giùm lương giúp vãi gái trai một lòng

(G.N.K.N câu 14)

Chớ còn lẩn quẩn mãi như hiện lúc Cụ bị giam, thì sốt ruột lắm.

Bởi thê câu kết mới hợp lý, sau khi so cả bấy ong ấy với một « con muỗi » lúc này đang bị giam giữ trong nhà lao.

*
* *

Xét giọng thơ như thê đã đủ nhận được ra tác giả. Nhưng nếu lại để ý cách điệu và lời hành văn đặc biệt của tác giả, thì không thể còn đề nghi ngờ được nữa.

Trong tập Phan-Tây-Hồ Tiên-sinh lịch-sử, Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng đã viết về bạn mình như thê này :

« Đọc sách có con mắt riêng, làm văn tạo xuất cách mới, không làm những lời tìm câu lật chữ, vẽ bóng pha màu, như bọn văn-sĩ xằng... Bất kỳ để mục gì, vào đèn tay Tiên-sinh thì sao cũng mở ra một lời mới để tỏ ý bi ca khẳng khái của mình ».

(G.N.K.N. tr XXXXVI)

Cái con mắt riêng và xuất cách mới ấy ở trong bài thơ này là nhìn thấy

BÀI THƠ « CON MUỖI »

sự minh bạch của con muỗi, nhìn thấy chỗ to gan của nó khi dám cắn cả voi và nhìn thấy hình tượng nó mang trái núi trên lưng không khác gì một gánh giang sơn đè trên vai kẻ sĩ.

Xuất cách mới ấy còn hàm chứa cả trong chỗ vượt ra khỏi tất cả lệ luật gò bó của thơ, chẳng cần khổ công tìm câu lặt chữ cho nó phải đôi nhau chan chát, mà cũng không cho ai có thể đọc câu trên rồi lại đoán nội được ra câu dưới, như thói thường.

Tỉ dụ như :

*Lòng nhọc chánh thì uơn, một cái
đờn ca nghe đất dậy*

*Kẻ đi người ở lại, hai ta tâm sự
phủ trời soi*

Hoặc như :

Thôi cũng cùng đâu xem cuộc thế

Có đâu dư bụng chứa tuồng đời.

Hoặc như :

Xiềng sắt lang thang ra cửa đông

Ngâm nga ngợi hát lười còn không

Giòng nôi mòn mỏi non sông lặng

Ai dễ Côn-Lôn ngã tấm lòng.

Cả đến những điệp tự « ngăn ngăn, nhỏ nhỏ... » trong bài thơ và gặp thấy rất thường trong Giai-Nhân Kỳ. Ngộ, tác giả đã buông xuống như cách nói chuyện hàng ngày, không có vẻ gì dụng tâm làm văn chương, để văn có thể hại đến ý mình định phô diễn, đó cũng lại là một đặc tính văn

chương riêng của Cụ Phan, mà người đọc văn cần nhận xét ra vậy.

Xem như thế, chúng tôi thấy đã có thể dứt khoát được với vấn đề đề bài thơ « Con muỗi » đích là của Cụ Phan-Châu-Trinh.

* *

Nhưng lại có vấn đề khác, chúng tôi mong cũng được dứt khoát nữa.

Đó là vấn đề ở trong những thơ văn của Cụ Phan có nhiều bài học quý giá lắm, mà chính những người sùng kính Cụ có khi chưa đề công nghiên cứu đến nơi. Lại nhiều di sản tinh thần Cụ để lại cũng chưa được in để phổ biến. Những di sản ấy cần được dùng làm chính kinh chính sử để dạy học và rèn luyện tinh thần cho nhân dân. Nếu để mai một đi thì thế hệ chúng ta sẽ đắc tội với lịch sử.

Trộm nghĩ như ở nước Nhật kia mà cũng còn nảy ra được những hội học như Hội những người bạn của Balzac, Emile Zola v.v... thì sao ở nước ta, chúng ta lại chẳng chịu lo thành lập Hội những người ái mộ Cụ Phan-Châu-Trinh, để thường ngày trao đổi ý kiến với nhau trong khi học hỏi những di sản văn hóa của Cụ, và để hàng năm tổ chức những buổi lễ kỷ niệm vị anh hùng hiem có ấy của nước ta mà phổ biến những lời răn dạy của Cụ.

Mong quý vị độc giả sẽ chỉ dạy thêm cho.

LÊ VĂN SIÊU



TRƯỜNG HỢP BÀI THƠ CON MUỖI

VŨ-HẠNH

Vào hạ tuần tháng tư vừa qua, *Con Muỗi*, sau khi châm-chích đầy nẩy hàng vạn học-sinh Trung-Học, đã châm-chích vào các vị giáo-sư, các bậc phụ-huynh và chích sâu xa hơn hết vào các người làm văn-ngệ.

Sự trạng bị *Muỗi* châm-chích đã gây được nhiều dư-luận sôi nổi, tạo thành khá nhiều luận-chứng hoàn-toàn trái ngược. Mặc dầu có người chấp thêm lông cánh để biến con muỗi thành «trò con muỗi» và mong «cho nó bay đi», vẫn-đề cũng không thể nào dừng lại ở một mong mỏi giản-đơn như thế. Do đó người ta vẫn không quên nó một cách dễ-dàng. Và nhiều ý-kiến gần xa lại được tiếp-tục tỏ bày, tiếp-tục trái ngược.

Căn cứ vào những lập-luận đã có, chúng ta nhận thấy có hai thái độ hoàn toàn chông đời hẳn nhau:

Một là thái độ phủ-nhận giá trị đồng thời phủ nhận tác-giả bài thơ, cho rằng một người ái-quốc nhiệt-thành, thi-văn điêu luyện như cụ Tây-Hồ không thể sản-xuất ra một thi-phẩm bất thành văn-lý, ngớ ngẩn, tầm thường đến thế.

Hai là thái độ xác nhận cụ Phan chính là tác-giả của bài thơ ấy. Và thái độ này lại chia thành hai luận-

giải khác nhau: một đảng quan niệm cụ Phan đã làm bài thơ châm biếm sâu cay những hạng đi hút máu người mà còn vênh-vang tự đắc, một đảng cho cụ mượn thơ nói lên thái độ ngang tàng khí phách của mình.

Thái độ phủ nhận cũng như xác nhận trên đây, mặc dầu trái ngược hẳn nhau, vẫn có một điểm gặp gỡ cộng-đồng. Dù ít dù nhiều, hoặc gần hoặc xa, đó cũng là những biểu hiện của một thái độ thiết-tha đối với danh-nhân, thiết-tha đối với di-sản tiền-nhân, nói chung là cái nỗi niềm mến yêu dân tộc đòi hỏi gần bó, bảo-tồn.

Những người không muốn cụ Phan phải là tác-giả của một bài thơ tầm-thường hẳn vì quá yêu-kính cụ, yêu-kính con người hiên ngang, sự nghiệp cao đẹp của cụ, nên không thể nào chịu nổi một sự xúc-phạm đến cụ bằng một bài thơ kém cỏi, không có xuất xứ rõ ràng. Nếu bài thơ ấy với lời tôn-nghi «chép theo truyền văn vì không ghi trong di cảo» cứ việc nằm yên trong những tác phẩm *Phan Tây Hồ Tiên-sinh lịch-sử* của cụ Huỳnh Thúc Kháng hay *Tây Hồ và Santé thi tập* của người con rể cụ Phan là ông Lê Âm, thì sự thắc-mắc, nếu có, cũng chỉ là một nghi vấn văn học bình-thường. Đảng này, bài thơ được đem làm đề khóa-bản và, nói như thi-sĩ Đông-Hồ, «làm đích đề mà tranh khôi đoạt cảm» cho mấy mươi ngàn sĩ-tử, nên nỗi thắc-mắc mới biến thành cơn phần-nộ lớn-lao. Bởi lẽ đem một bài thơ kém cỏi, dù là chính

BÀI THƠ « CON MUỖI »

thức của cụ Tây Hồ, để làm đề bài khảo thí, là đã vô tình hay là cố ý làm giảm uy-phong của cụ. Có biết bao nhiêu thi-phẩm xuất xứ rõ ràng, tiêu biểu xứng đáng cho cụ Tây Hồ cả về chí-hướng cũng như văn-tài, sao không lựa chọn đề mà phát huy tài-đức danh-nhân vừa làm bài học hữu-ích cho lớp sĩ-tử? Vì vậy, những người đã từng hưởng ứng phong-trào ái-quốc do cụ Tây Hồ khởi xướng ngày xưa, hay là những người có lòng thiết tha đối với danh-nhân, lịch-sử, tất nhiên không thể tự ngăn-ngừa mình bày tỏ ít nhiều phản-ứng. Có thể trong tâm trạng ấy còn kết-hợp cả nỗi lòng bất-bình của những phụ-huynh thầy con em mình không được khảo thí bằng những văn-bài hợp-lý, hợp-tình. Và có thể, trong đây còn cái nhu-cầu sâu sắc của những con người văn-nghệ muốn thầy biểu dương cái đẹp hơn là cái xấu, của những nhà giáo muốn thầy đề cao giá trị tích-cực hơn là tiêu-cực. Như vậy, tinh-thần phủ-nhận trên đây đã bắt nguồn từ những mối tình cảm chân-thành, có những động-cơ tốt đẹp, chúng ta không thể như một tác-giả, mượn lời Tản-Đà, buộc họ « mang tội ác lớn » để cho qua đi khá nhiều sự thực mà tác-giả ấy đáng lẽ phải có trách-nhiệm thừa-nhận trước hơn ai hết.

Bên cạnh thái độ phủ nhận trên đây, thái độ xác nhận giá trị bài thơ, xác nhận tác giả là Phan Tây Hồ, cũng đã nói lên tâm lòng thiết tha bảo tồn di sản dân tộc của một số người. Ý thức được sự nghèo nàn của cái gia

tài văn hóa mà tổ tiên ta để lại, những lớp người này có cái tâm lý giữ gìn chứng tích tiền nhân vô cùng sốt sắng, không muốn để cho rơi vãi, lạc loài những gì có thể lưu dấu người xưa. Trong sự mến yêu quá khứ dân tộc, nơi họ còn có tâm lòng băn khoăn đi tìm cái mới, đi tìm sự thực thường thấy trong những con người khảo cổ. Vì thế không chỉ là một câu văn hay một bài thơ, mà « từ cái vé cấm đỏ, đèn mảnh thư tình vụn vặt » của các danh nhân, nói như ông Lê-Văn-Siêu, đều đáng chất chiu gìn giữ để làm tài liệu chính xác đối chiếu, biên khảo về sau. Do đó, số người xác nhận bài thơ *Con muỗi* là của cụ Phan-Tây-Hồ cũng không kém về nhiệt thành. Họ là những người có dịp gần gũi cội nguồn xuất xứ di sản cụ Phan, có dịp nghiên cứu công phu một số tác phẩm của cụ, hay họ là những người có trách nhiệm lựa chọn để thi và đã đặt sự bảo tồn chứng tích tiền nhân lên trên yêu cầu hợp lý của bài khóa bản.

Tóm lại, hai thái độ ấy, phủ nhận cũng như xác nhận, là những diễn biến khác nhau của một tinh thần dân tộc trước một trường hợp liên hệ đến cả danh nhân và cả văn chương, giáo dục nước nhà. Không có tâm lòng thiết tha như thế tất không phủ nhận hay là xác nhận nhiệt tình như thế. Chúng ta cảm ơn những người đã lên tiếng đó, vì họ gợi đến cho ta một số ý tình tốt đẹp, trong khi họ không chấp nhận thái độ thờ ơ đối với cuộc đời dân tộc, dù cuộc đời ấy biểu hiện ở

trong mặt nào của cuộc sinh hoạt hàng ngày.

Tuy nhiên, sau đó, chúng ta có thể bày tỏ một lời nhận xét, là sự nhiệt tình đã khiến một số tác giả chỉ nhìn thấy mỗi lập luận của mình mà làm ngơ đi khá nhiều khía cạnh dị đồng ở trong sự thực. Những tác giả nào phủ nhận đều đã chỗi từ một cách thật là dứt khoát cũng như những tác giả nào xác nhận cũng đã quyết định một cách quá đổi hần hoi.

Các vị đã quá nhiệt thành tự bênh vực mình nên không nhường cho sự trạng khách quan — là bài thơ kia — tự biện hộ nó. Trong phần lập luận đẩy ra và phần lập luận thu vào hầu như không có một khoảng trống nào cho sự hồ nghi.

Mà những sự kiện, ở trường hợp này, thấy còn sống trong tình trạng hồ nghi. Chúng ta chưa có một tài liệu nào hoàn toàn xác thực để làm luận cứ vững vàng. Chính nhờ tiếp tục thảo luận mà đến bây giờ, chúng ta có hai giả thuyết — vẫn là giả thuyết — hợp lý : một là thủ bút cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, một người đồng thời với cụ Tây-Hồ, một người mà tính cương trực, liêm khiết không ai là không cảm phục. Những điều ghi chép của cụ có thể khiến ta tin được, song chỉ có thể mà thôi, bởi lẽ vấn đề văn học, lịch sử không chỉ dựa vào mỗi chút lòng tin. Hai là những lời phê phán, chứng giải của ông Lê-Văn-Siêu, một người đã đề khá nhiều thì giờ, công phu nghiên cứu chú giải tác phẩm *Giai-nhân Kỳ-ngộ* của cụ

Tây-Hồ. Những điều mà ông liên hệ bài thơ *Con-muỗi* với quyển *Giai-nhân kỳ-ngộ* thực là quý giá, và đã đặt được thi phẩm trên đây vào trong toàn bộ công trình tác giả, kể cả nội dung lẫn phần hình thức đề mà xác định về nó trong những tính chất cộng đồng và những tính chất cá biệt. Tuy vậy, những luận giải này chỉ là những điều liên hệ tương đối chứ chưa tuyệt đối, hợp lý chứ chưa xác thực. Do đó, nó vẫn là một giả thuyết đáng nên tôn trọng, đáng làm cơ sở đề mà nhân đây tìm tòi thêm nữa về sau, bởi lẽ sự thực không thể chỉ căn cứ vào mỗi sự liên hệ.

Với một mẫu xương, mảnh sọ, nhiều nhà khoa học có thể khôi phục được một giống người đã mất ngàn xưa, thì với bao nhiêu tài liệu đã có, hoặc là sẽ có, những người khảo cứu văn học có tài, có một phương pháp tiến bộ, ngày kia sẽ minh chứng thêm sự thực. Hiện tại, dựa vào một số luận cứ hợp lý, đáng kể như trên, ta chỉ nhận định bài thơ đã nói có thể là của cụ Phan-Tây-Hồ mà thôi. Chúng ta không nên vội vàng xác quyết để ngăn chặn đường tìm kiếm của kẻ đi sau, mà nên để cho lịch sử văn học thông dòng đi tới những sự kiểm chứng hợp lý và khoa học hơn.

Tóm lại, chúng ta tôn trọng người xưa nhưng cũng tôn trọng sự thực. Sự thực, chúng ta đang tiến lại gần nhưng chưa nắm vững. Ta hãy bằng lòng với những kết quả thu đạt và hãy đợi chờ, và hãy kiểm tìm. *Con muỗi*, vì thế, dù ai muốn nó bay đi

BÀI THƠ « CON MUỖI »

để bay luôn cả trách nhiệm của mình,
vẫn chưa bay được. Nó còn đậu lại,
không phải để tiếp tục trò châm chích,
mà để đặt định với ta một sò vắn đề.

Vắn đề trước hết là sự truy tầm
xuất xứ của những văn thơ cổ điển
còn ở trong một tình trạng xuất xứ
hồ nghi, vắn đề phương pháp, vắn
đề thái độ. Sau hết, còn lại vắn đề

thời sự của bài *Con muỗi*, là một thi
phẩm như thề có xứng đáng làm đề
thi hay chẳng, thì nhiều tác giả trước
đây đã trả lời rõ quá rồi. Hơn nữa,
một bài khóa bản mà đến bây giờ vẫn
còn gây sự phân vân cho biết bao
người thi sự có mặt của nó ở nơi
trường thi không phải là điều mong
đợi.

VŨ-HẠNH



- Đức nhỏ mà giữ chức cao, trí thấp mà tính việc lớn, khó khỏi họa,
Kinh Dịch
- Tai họa như con dao : mình có thể dùng nó để cắt, hoặc bị nó cắt,
tùy theo mình biết nắm nó bằng lưỡi hay bằng chuỗi.

James Russel

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, *Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội)* — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

- *Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.*
Installations de gazothérapie.

*Note service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

Lớp học trưa

Đứa học trò cuối cùng của lớp sáng vừa ra khỏi cổng thì lũ học trò nhỏ chạy ủa vào sân, bụi cát lại một lần nữa tung lên mù mịt, phong kín những khuôn mặt trẻ thơ ướt đầm mồ hôi. Mai vẫn giữ nguyên chiếc khăn tay che mũi và miệng, từ lúc vào trường nàng chưa dám bỏ nó ra một lần nào. Chỉ lười một tí là lát nữa miệng sẽ ròn rợn vì sạn bụi. Mặt trời nằm đúng trên đỉnh đầu, suốt ngày chẳng còn lúc nào nóng hơn lúc này.

Lũ trẻ xếp thành hàng đôi trước lớp rất nhanh. Những đứa chạy vào đầu tiên, chiếm được hàng đầu, được đứng trong bóng mát của mái hiên thì tỏ ra thích thú và kiêu hãnh nhìn cô giáo mỉm cười như muốn khoe tài tranh đấu của chúng. Từ đầu niên học tới giờ, Mai chưa làm sao bắt chúng đứng ngay hàng được vì mấy đứa đứng sau, bị cát làm bỏng chân, cứ nhảy nhót như con chơi chơi và gào xin cô giáo cho vào lớp lẹ. Những đứa không

có mũ thường phải dùng cặp hoặc sách vở làm cái che đầu tạm thời. Mai vội ngoắc tay ra hiệu cho chúng vào lớp, sợ giam chúng ngoài sân một lúc nữa thì quần áo, mũ, cặp sách vở của chúng sẽ bốc lửa.

Trong khi lũ trẻ gân cổ hô khẩu hiệu trong ngày. Mai lấy ra một con dao nhỏ cạo những vết nẻ còn dính trên mặt chiếc bàn gỗ nứt nẻ. Ông giáo dạy buổi sáng đã già, mắt kém, trường lại không có đèn điện nên ông thường thắp nến suốt nửa giờ đầu buổi học để kiểm soát sổ sách, trong khi chờ đợi mặt trời lên cao đem ánh sáng tới. Bây giờ thì ánh sáng thừa thãi quá, thừa thãi đến làm hoa mắt cả thầy lẫn trò.

Lợi dụng lúc học trò còn đang hăng hái, khoẻ mạnh, Mai hấp tấp giảng bài mới. Nếu nàng chậm trễ thì cái mái tôn sẽ thủng nàng, nó tỏa sức nóng hầm hập như tạt lửa xuống đám trẻ nhỏ và chúng sẽ ngủ la liệt, rồi chính nàng cũng cảm thấy rã

LỚP HỌC TRƯA

rời còn hơn chúng nữa. Mới chép xong bài ám-đọc mấy đứa đang ngồi sát vách ván về phía mặt trời đã có vẻ lờ mờ, Mai lên tiếng nhắc mấy đứa ngồi gần ra không muốn làm việc gì hết. Nể cô giáo, chúng uể oải cúi đầu xuống vở hì hục nắn nót được đôi dòng.

Mặt trời nghiêng về phía tây, những vệt nắng to và dài bắt đầu từ các kẻ nứt trên vách gỗ kéo dài trên mặt bàn, trên đầu, trên mặt lũ trẻ. Bụi vẫn trong ánh nắng làm thành một bức màn trắng, chói chang. Mai không trông rõ mấy bàn cuối lớp nên từ lúc này, những đứa còn khỏe, không buồn ngủ, bắt đầu làm ồn. Chúng chui xuống gầm bàn tổ chức các trò chơi nhỏ cho đỡ nóng. Mai chỉ cần can thiệp khi chúng rút thước kẻ ra quật nhau.

Bốn đứa ngồi ở bàn đầu, ngay cạnh cửa ra vào nhao nhao lên :

— Cô cho đội mũ ạ.

— Nắng lớn rồi cô.

Rồi không đợi cái gật đầu của cô giáo, chúng đồng loạt đội mũ lên đầu. Mũ không che nổi lưng nên lưng lũ trẻ đã bắt đầu ướt sũng mồ hôi. Đã nhiều lần Mai dõn cho mấy đứa bé xấu số này ngồi vào chỗ mát, nhưng những đứa khác không chịu nổi sự nóng bức, dõn ép, nên thỉnh thoảng lại đẩy chúng văng ra, gây nhiều vụ cãi cọ lời thôi vô ích. Những bàn mát mẻ nhất thường đã có sáu, bảy đứa chiếm rồi. Và vì cái bàn chỉ đóng cho bốn đứa ngồi nên hai đứa ngồi đầu bàn bao giờ cũng tỉnh táo hơn các bạn vì lần nào chúng sợ ý chộp ngủ là bị đẩy rơi xuống đất ngay.

Lúc này bàn, ghế, sách vở, cái gì sờ vào cũng thấy nóng hôi hổi.

Mai đứng lom khom ghế số ra gọi vài đứa lên trả bài cũ, mỗi lần có đứa thuộc bài nàng lại ngạc nhiên và cho chúng điểm lớn nhất. Đứa nào đọc bài xong cũng có vẻ mệt mỏi vì xúc động và vì việc ra khỏi chỗ ngồi rồi trở về gặp nhiều khó khăn. Bàn ghế kê sát nhau, những đứa ngồi giữa muốn ra thì chỉ có cách là lòn dưới gầm bàn, nếu không trèo qua đầu các bạn chúng.

Gọi đến tên Nguyễn-Văn-Cường, Mai bỏ bút xuống bàn, thở dài chờ đợi. Cường giật mình nhìn cô giáo rồi cuống quýt thò tay vào học bàn lôi quần áo ra mặc. Thằng bé này tự trọng hơn các đứa trẻ khác, nhà nó lại giàu, mỗi lần đi học nó bị cha mẹ bắt mặc đủ quần đùi, áo lót rồi ở ngoài là áo sơ mi, quần dài và đi giày da cẩn thận. Vì thế cứ đến cửa lớp là nó không chịu nổi nóng phải cởi phăng giày, quần áo ngoài vo thành một bó nhét vào học bàn, lúc sắp sửa về hay lúc phải lên trình diện trước cô giáo nó mới lôi ra sử dụng. Còn thường thì nó vẫn mặc quần đùi như các bạn nó. Mai không chú ý đến nạn cởi quần áo trong lớp vì, ngoài trò Cường ra, thì chẳng còn đứa nào làm thế cả. Áo quần đứa nào cũng vá víu, ngắn ngủn, rách rưới, trông thiên trắng địa, đón gió tứ phương, nên có mặc quần áo hay không thì cũng vậy.

Cường đã mặc xong quần áo, một tay giữ thắt lưng, một tay cầm quyển vở lách thếch chạy lên đứng khoanh tay trả bài. Nó là đứa học trò ngoan, khôn và giỏi chịu đựng nhất của Mai, thường thường cứ lúc ra chơi vào một quá nó mới lim dim

ngủ ít phút. Thấy nó ngáp lia lịa, Mai ngạc nhiên hỏi :

— Giờ đã buồn ngủ sao ?

Cường bảo chữa :

— Thừa cô, bữa nay nóng hơn bữa qua.

Giác quan của trẻ con thực là tinh tế. Mai không hiểu làm sao chúng có thể phân biệt được sức nóng chênh lệch của hai ngày. Cả tháng nay nàng thấy ngày nào cũng nóng nực ghê gớm như ngày nào. Có khác một chút thì cũng như người ta vừa đi từ lò than sang lò lửa. Tuy nhiên Mai cũng nhận thấy rằng hôm nay nàng cảm thấy mệt và khác nước sớm hơn thường lệ. Thành Cường chợt tỏ cáo :

— Mấy trò ngồi bàn áp chót ngủ hết rồi, cô.

Mai lững thững đi đánh thức những đứa ngủ, Cường lảng xãng chạy theo phụ giúp cô giáo. Những đứa được đánh thức ùn ùn kéo nhau ra khỏi lớp đi rửa mặt, đứa nào cũng có vẻ bơ phờ, chán nản, Mai phải cho hai đứa lớn nhất lớp đi kèm chúng. Nếu không bị kiểm soát chúng sẽ luyên tiển sự mát mẻ ở ngoài trời và cứ chơi quanh quẩn bên vòi nước, không chịu trở lại lớp học. Một vài đứa tỏ ra rất lì, được gọi dậy, mở mắt ra chỉ nhìn thấy nét mặt hiền lành của cô giáo chứ chẳng thấy ông hung thần mắt đỏ, nanh dài nào chúng liền nhắm mắt ngủ tiếp. Rót rài, mồ hôi chúng chảy đầy trên sách vở pha với màu mực xanh đỏ làm cho bài học của chúng biến thành những hình thù lạ lùng. Quyển vở, sau cùng, chỉ còn hơi hơi giống quyển vở mà nếu nó bị rơi vào một thùng giấy vụn thì thật khó mà tìm lại được.

Biết có ép những đứa này thức chúng cũng không làm được trò gì, Mai đành để yên cho chúng ngủ. Hy vọng giấc ngủ làm chúng quên được cái nóng khủng khiếp của lớp học.

Có tiếng gõ lách cách vào vách ván ở cuối lớp rồi tiếng bà giáo Hoa vọng sang :

— Tới giờ chơi rồi phải không cô Mai ?

Mai nhìn đồng hồ, đã quá năm phút. Người lao công già nằm ngủ say sưa trên chiếc bàn kê trong văn phòng. Không có ai đủ can đảm đánh thức ông ta lúc này để nhắc ông ta công việc đánh trống. Ông ta sẽ ngồi cầu nhàu ăm ỉ rằng ông ta phải làm việc quần quật suốt từ sáu giờ sáng đến bảy giờ tối, trong khi không có luật lao động nào cấm ông ngủ trưa cả. Trong ba mươi mấy năm làm việc ông chưa hề phạm lỗi lần nào vậy thì không thể vì một có ông chậm đánh trống báo giờ chơi mà người ta dám trách cứ ông.

Mai trả lời :

— Dạ, tới giờ rồi.

Nàng sai một đứa học trò chạy lên văn phòng đánh trống và dặn nó đập đủ nghe thôi, đừng để ông lao công già phải giật mình tỉnh giấc.

Khoảng sân lại bốc cát bụi mịt mù, lũ trẻ lao đầu trong ấy và hò la thỏa thích.

Sau giờ chơi bộ mặt các lớp đổi khác. Những đứa khỏe mạnh nhất cũng mềm người ra, mệt lử. Có bao nhiêu hăng hái chúng đã đem tiêu dùng vào công việc chạy nhảy dưới ánh nắng mặt trời gay gắt, và hô hấp bao nhiêu là cát. Chúng

LỚP HỌC TRƯA

dùng tay áo quạt mồ hôi trên những khuôn mặt đỏ ửng, nhem nhuốc.

Sức nóng cứ tăng mãi, mái lớp bằng xi-măng tường sắp sửa rạn ra, nứt nẻ. Mai lắng nghe cả giờ cũng không thấy bà giáo Hoa nói một tiếng, thỉnh thoảng mới có tiếng bà đập thước kẻ xuống mặt bàn để giữ trật tự. Dơ thước kẻ lên rồi đập xuống cũng là một việc quá khó nhọc. Bà có chữa và bốn hôm nữa sẽ được bắt đầu nghỉ hè. Ông giáo Vinh dạy ở lớp đối diện với lớp của Mai chốc chốc lại ôm một bình nước lớn chạy ra ngồi ở cửa lớp để rửa mặt, rửa chân tay. Tội nghiệp! Ông mập quá nên không có tài chịu nóng bằng các bạn đồng nghiệp gầy còm của ông. Ngày nào ông cũng đem theo một bình lớn chứa nước đá lạnh. Lúc nóng quá, ông Vinh ngồi ở ngay cửa lớp đổ nước ra tay vỗ lên mặt, lên gáy, xoa nước khắp tay chân và uống vài ngụm vào bụng. Sau khi trong ngoài đều mát mẻ, ông Vinh hả hê, đường hoàng và hăng hái trở lại lớp với vẻ tự tin của một chiến sĩ sắp lâm trận được mặc giáp sắt cẩn thận, thừa khả năng chống chọi với gian nguy.

Nhưng chỉ mười lăm phút sau là ông Vinh lại phờ phạc ôm bình nước trở ra chân tay mặt mũi ông khô queo, có ướt là ướt mồ hôi: ông lại vội vàng vỗ nước lên mặt, lên gáy để tạo nguồn sinh lực mới.

Mai không làm sao nói lớn được nữa, cổ nàng khô và rát, đầu thì nóng bừng bừng và nặng chiu như lên cơn sốt, chân tay rã rời, mỗi cử động hình như đều làm tăng thêm nhiệt độ. Số học trò đội mũ trong lớp càng càng ngày nhiều,

những đứa ở bàn cuối thì chỉ chờ dịp cô giáo ngoảnh đi là chui tọt xuống gầm bàn ngồi cho mát. Một vài trò ngủ đã lác đác thức dậy, nằm gối cái đầu ướt đầm mồ hôi lên đôi tay khoanh lại và mở đôi mắt lơ lơ nhìn lên bảng đen, ngẩn ngơ như đang tự hỏi rằng mình còn bị nhốt trong căn phòng nóng bỏng này cho tới bao giờ.

Thỉnh thoảng cũng có một vài luồng gió nổi lên đem theo mùi tanh nồng của cống rãnh bốc hơi và mùi phân gà, phân heo.

Gần tan học cụ giáo Chung bắt đầu đi từng lớp thu tiền mua xổ số. Cụ là người cẩn thận nhất trường nên trong cái cặp da dày cộm của cụ bao giờ cũng có năm, sáu cái quạt đủ kiểu, ai muốn mượn cũng được. Cụ Chung vẫn thắc mắc không hiểu sao mình đã phải dạy học ba năm liên tiếp vào buổi trưa, lại hăng hái tham gia vào khá nhiều công tác xã hội, mà vẫn chưa bị mắc bệnh lao. Cụ đi chụp hình phổi rất nhiều lần và mỗi lần được biết là phổi mình còn trắng thì cụ liền tỏ ra nghi ngờ khả năng của máy chiếu phổi. Chả lẽ phúc nhà cụ lại lớn đến thế. Càng ngày xương mặt cụ càng lộ ra. Tuy nhiên, cụ Chung biết chắc rằng không chóng thì chầy rồi vì trùng lao cũng đến với cụ. Trong trường hợp ấy chỉ có hy vọng duy nhất là trúng số độc đắc. Cụ Chung hô hào các đồng nghiệp chung với cụ mua giấy số. Mọi người không tin tưởng ở hảo tâm của thần tài nhưng ai cũng vui vẻ góp tiền để nuôi nguồn hy vọng cho một đồng nghiệp già đáng thương của mình. Mỗi tuần, vào ngày

thứ tư như hôm nay, cụ Chung đi từng lớp thu tiền và báo cáo về sự thất bại của loạt vé mua trước.

Cụ Chung đã đến trước cửa lớp của Mai :

— Cô có dò sổ kỳ rồi không ?

— Dạ, thưa cụ, không.

— Trật hết rồi cô. Rủi quá. Giá được chừng trăm ngàn cũng đỡ. Có chừng năm chục ngàn là tôi có thể mua được mảnh vườn trồng cây ăn trái...

Sợ ông cụ kể lai rai về ước vọng trong tương lai, Mai vội góp phần tiền của mình và an ủi :

— Chắc kỳ tới trúng đó bác.

Ông già mỉm cười hy vọng vừa lúc tiếng trống tan học nổi lên. Đưa lũ trẻ ra sân xếp hàng xong, Mai đem sổ sách lên gửi ở văn phòng, ông hiệu trưởng già đã đến ngồi sau bàn giấy, làm công việc buổi chiều. Nhìn những nét mặt bơ phờ của đám nhân viên dậy buổi trưa

ông mỉm cười thông cảm. Ông giáo Vinh vừa vuốt mồ hôi vừa than :

— Bữa nay trời nóng quá. Coi mấy đứa nhỏ ngồi học thiệt tội nghiệp hết sức.

Nhắc chiếc tẩu thuốc lá ra khỏi miệng, ông hiệu trưởng bắt đầu lên tiếng an ủi như mọi lần :

— Sang năm có ngân quỹ chắc người ta sẽ dẹp các lớp học trưa đi. Các ông, các bà cứ yên trí, trường học còn đang được xây nhiều mà. Những lớp này chỉ là lớp tạm thời, đâu có để mãi được. Minh còn chịu không nổi nữa là con nít. Đầu năm tới, tôi sẽ xin một ít quạt điện cùng xin mắc điện vào trường, lúc đó khỏi lo nóng nực.

Những ông già đứng yên nghe vói về tin tưởng. Mai chán nản bỏ về ngay vì nàng vốn không ưa nghe người khác kể những chuyện có tính cách hoang đường.

NGHIÊM-THỊ-VŨ-PHI



Nỗi niềm

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

nỗi niềm bi thiết ai hay

năm năm nước cũ sông này trôi xuôi

in lên sắc xám da trời

nét buồn thiu nửa cuộc đời lang thang.

N. T. H.

Thăm hỏi

HOÀNG-THỊ-BÍCH-NI

Rồi mai anh về không?
Em nguyện lòng vẫn đợi
Thấp ánh mắt chờ mong
Những đêm buồn vời vợi...

Những ngày anh hành quân
Qua khe suối, băng rừng
Nhìn nước đi, đồ,
Có nghe lòng băng khuâng?

Những chiều khi nắng xè
Vang tiếng kèn điểm quân
Quây quần vui tập thể,
Có chợt buồn cô đơn?

Đón biên khu đêm lạnh
Phiên gác khuya canh trường
Nhìn sao trời lấp lánh
Có chạnh niềm nhớ thương?

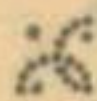
Anh có buồn thăm hỏi:
Vì đâu anh ra đi?
Thép giăng buồn biên giới
Lòng vương buồn chia ly...

Đêm nay em nguyện cầu
Cho đời thôi chinh chiến
Cho Người về bên nhau
Cho vẹn tròn ước nguyện...

Đêm nay đang nguyện cầu
Em thấy lòng xao động
Hồn quặn niềm thương đau...
Vọng từ xa tiếng súng...

Có ai chết đêm nay?
Người em cùng quê mẹ?
Người con quê hương này?
— Trời ơi chưa xót thế.

H. T. B. N.



niềm khát vọng của loài rêu

định hoàng sa

Trong tấm lối nẻo đường hăm khúc khuỷu
dẫn loanh quanh vào vực thăm hư vô
đã linh cảm mơ hồ sương lạnh lẽo
còn ưu-tư hoa phù thế băng quơ
mắt giun để muốn âm thầm nhắm lại
đưa bàn tay củi mục xám xanh này
mặc thượng đế lũ côn trùng siêu loại
dẫn vào phiên đoán xử một trò chơi
nổi ghê tởm như một loài hóa phẩm
làn hương thơm hoen ố vị tanh hôi
mái tóc xanh bỗng thay màu mốc ẩm
nụ hoa đầu ung héo giữa cảnh tươi

còn một chút ngọt ngào trong đáy cốc
 đem nhúng vào ao nước đục bùn nâu
 cho trộn vện một cánh bèo cô độc
 ném vào thêm bi-đát cả môi sầu
 nhưng khổn nỗi chút gì vô ngh a đó
 chẳng hiển ngao thân-phận của loài rêu
 cũng xao-xuyến vì một mùi hương cổ
 lòng biển sâu cuộn cuộn sóng dâng triều
 dù cơn lốc của ma quyền sắp dậy
 xin hãy cho nguồn rung cảm lưu đầy
 được thồn thức no-nê và run rẩy
 thú đau thương vắng mặt đã lâu ngày
 còn một chút máu hồng trong huyết-quản
 cũng xin dùng tô đẹp ánh sao này.

D. H. S.



**BUỒN
 MAY
 CAO
 NGUYỄN**

Chị ở đó nhìn rừng qua cửa sổ
 Đồi tiếp đồi, lũng thấp lấp đầy sương
 Dấu chân voi hằn trên đường đất đỏ
 Ngọn lim già chól vót gót mây vương
 Chiều tắt nắng, ngựa xa về bước mỏi
 Rung rung bồm — gió thoảng — bụi son bay
 Gò cương ngựa, em nhìn quanh nhận lối
 Chị kia rồi, khăn trắng vẫy theo tay
 Chị kia rồi, áo chàm xanh sắc lá
 Dáng mờ chìm trong sắc núi hoàng hôn
 Chị đứng đó như bóng người hóa đá
 Em reo lên và se sắt trong hồn!
 Có một người chưa biết đường trở lại
 Để sương rừng vẩy rét đóa phong lan!
 Ngày cũng buồn như mắt chờ mòn mỏi
 Ai sẽ đến ai xuân lỡ, thu tàn?
 Mai chia tay, xin chị đừng tiễn biệt
 Em về xuôi mang bụi gió đôi miền
 Không gặp chị với duyên cười tuổi nguyệt
 Chỉ thấy nhiều mây lợp trắng cao nguyên

TƯỜNG-LINH

Người tìm tuyệt đôi

Lời giới thiệu 1

Khát vọng nào sôi rạo
Trong linh-hồn trẻ thơ
Như âm-thanh huyền-bí
Ám-ảnh tự bao giờ.

Và nhiều đêm dần vật
Suy-nghi mãi không ra
Hắn hỏi thăm tình-ái
Thưa đây có phải là...

Người con gái đùa-cợt
Dìm hồn xuống vực sâu,
Hoang mang trí đại vương sầu,
Chập chờn sương khói ngàn dâu mịt mù.

Thời-gian vào hư-vô,
Hồn buồn ôm mặt khóc
Tiếng ai ca mơ hồ
Trong mộng đời ung độc?

Gục đầu từng đêm thanh
Như một lần tội-lỗi.
Tâm-tư vỡ tan-tành,
Nhớ thương lên vời-vợi!

Người đi bằng hơi thở,
Gõ nhẹ cửa lòng đau.
Nghèo-nản không dám mở.
Để trăng thu phai màu

Giấy xanh không biết nói
Thì hẹn ước điều gì?
Không quen lời lừa dối,
Mặc tình người xét suy.

Chiều chiều ra cửa ngõ
Dìm mình trong lãng quên
Chim xa mờ phương gió
Mà niềm tin... niềm tin!!!

Lời giới thiệu 2

Hắn say nhục-dục vô duyên,
Ngỡ mình xóa được nỗi phiền bao
la.

Vào khuya điệu hát quỉ-ma
Vẫn từ tiềm-thức vọng ra bề hồn
Người ơi! Dừng lại bên cồn
Nửa vời sóng gió dập dồn thuyền
nan...

Hồn sông trần trướng theo bản ngã,
Áo không che-dầu được đê-hèn.
Lời mơ thể-hiện lòng man rợ,
Ta mãi điên cuồng trong tối đen.

Quen tuồng giả dối trên sân khấu.
Tâm ái-tình kia gọi dục-tình.
Đôi phút say sưa tìm cảm giác,
Quên mình ý-thức tiếng tâm-linh.

Ôi, trong viễn-tượng kinh-hoàng ấy,
Bỗng nổi ba-đào thú-tính xưa.
Đêm mộng liêu trai buồn sách vở,
Trở canh sa đọa khóc sao vừa?

Còn chút lương tri kêu rạo mãi,
Mà rồi thể xác có nghe đâu!
Ta bắn khoắn hỏi từng giấc ngủ,
Địa ngục, thiên-đường lại khác nhau?

Hồn chết khi còn hăm một tuổi,
Trời ơi! Áo-ảnh rộn muôn màu.
Cổ đem tàn-lực ra tranh-đầu,
Máu đã khô rồi, mắt đã sâu.

Xin trả hồn đau ra ánh sáng!
Duyên xuân trần-thế đã phai mờ
Xin trả hồn đau ra ánh sáng
Hướng đời lỡ mất, trí bơ-vơ.

dạ-thào

CON MUỖI ĐÊM NAY

y - u y ê n

KHI đến trước một bãi rác, Tôn giật mình dừng lại.

— Có lẽ mình đi lầm đường.

Tôn nghĩ bụng. Anh nhớ lại những lời chỉ dẫn của người bạn mấy hôm trước, không thấy chỗ nào nói đến bãi rác này cả.

— Nhưng ở đầu ngõ vào đây, chẳng có cây trứng cá là gì ?

Thắc mắc, Tôn thò tay vào túi quần tìm tờ giấy vẽ đường tới nhà ông giáo Kính, nhưng chỉ thấy có tấm vé xe buýt. Anh lục lại túi sau, tìm trong ví, giở từng tờ cuốn lịch bỏ túi, cũng tuyệt-nhiên không thấy.

— Chết thật ! Đến nước này chỉ còn cách quay về.

Tôn thần mặt, cố ôn lại từng lời của người bạn, nhưng chỉ nhớ lại những câu lộn xộn «Cây trứng cá ở đầu ngõ...» «quán cà-phê của người cụt tay có cái

đàn ghi-ta» «cái mép kéo tới mang tai của ông giáo», «tấm bảng hình chữ-nhật vừa kẻ tên trường học, vừa quảng-cáo thuốc gia-truyền» ...

— Chỉ tại mình cầu-thả, lơ-đăng, không chú ý đến lời chỉ dẫn của anh ta.

Tôn thấy việc tự trách mình như vậy hơi quá đáng. Thực ra, lúc nói với Tôn dường như người bạn đang có một xúc-động mạnh. Anh còn nhớ mang máng vẻ mặt bối rối của anh ta.

Tôn cố ghép lại những câu vừa nhớ lại cho có mạch-lạc. Anh thất-vọng ngay «Cây trứng cá ở đầu ngõ...» chắc chắn là cây trứng cá ở đầu ngõ ông giáo Kính đang ở. Nhưng còn «quán cà-phê của người cụt tay...» «tấm bảng chữ-nhật»? Lúc nói đến hồi gia-đình ông giáo Kính còn tản-cư trên Thái-nguyên, đến chuyện cô Nguyệt — con gái ông — đi chợ bị phi cơ bỏ bom, dường như người bạn cũng nói đến những chữ «quán cà-phê»,

CON MUỖI ĐÊM NAY

«cụt tay» và khi kể lại ngày về thành của ông giáo, người bạn chẳng nói đến tấm-biển quảng-cáo thuốc gia-truyền với nghề dạy học ở một khu nào đó, vùng Bạch-Mai đó sao? Nhưng sao bây giờ, nghĩ đến chỗ ông giáo đang cư ngụ, Tôn vẫn yên trí mình sẽ gặp quán cà-phê có người cụt tay, sẽ thấy tấm bảng hình chữ-nhật?

Tôn quay trở lại, hy-vọng sẽ gặp những thứ đó.

Bóng anh đổ trên những tấm ván gỗ trên mặt lối đi. Những căn nhà lá nhà tôn ở hai bên, cái nhô ra cái thụt vào, cái cao ngất-ngheo, cái thấp lè-xè bao quanh Tôn, lạnh-đạm. Đi được một lát, anh toan dừng lại trước một quán nước để tìm người chủ-quán cụt tay với cây đàn ghi-ta, nhưng thấy ba bốn người con gái trát phấn, mặc áo cánh nylon đứng trước cửa, anh lại vội vượt qua. Tuy nhiên, anh cũng liếc nhanh vào quán. Quán vắng teo với những chiếc bàn phủ khăn nhựa sặc-sỡ. Một người đàn bà ốm tong ốm teo ăn vụng sang trọng ngồi duỗi chân trên mấy cái ghế kê sát nhau, cầm cúi đọc báo.

Tôn thất-vọng. Có những tiếng cười rinh-rích sau lưng anh.

Tới gốc cây trướng cá đầu ngõ, Tôn dừng lại rút khăn lau mặt. Trời chiều. từ căn nhà đóng cửa im ỉm sau lưng anh phát ra tiếng ca vọng-cổ bi-ai lẫn với tiếng điện lẹt-xẹt, trong ra-dô. Tôn tò mò quay lại, nhìn vào. Dưới cái trái lợp tôn ở đầu nhà, một người đàn ông cời trần đang lau lại cái xe bán bánh mì. Bụng hấn ta phình tròn

đầy những bắp thịt, một chân dường như có tật. Hấn ra tay cầm khăn lau, bước từng bước xung quanh cái xe, cẳng chân trái hết kéo về phía trước lại oằn ra phía sau, trông lè lết nhưng thật nhịp-nhàng.

Thấy có người nhìn mình, hấn ngừng hẳn mặt lên. Nhưng mái tóc không chải, lòa xòa đã buông gọn xuống, xén chéo một đường từ mi mắt bên trái tới đuôi mắt bên phải. Một tay hấn cầm cái khăn ướt để yên trên mặt kính xe, một tay hấn vội gạt mái tóc lên. Đôi mắt hấn hoăm hoăm nhìn Tôn.

Tôn khó chịu, bỏ đi. Và không hiểu sao, Tôn lại quay vào ngõ.

Đi được mười bước, Tôn mới chợt thấy mình hơi ngó-ngẩn. Đã toan trở ra xong Tôn lại chặc lưỡi, nghĩ thầm:

— Vào tìm một lần cuối cho đỡ ân hận.

Nhưng lần này, không như lúc nãy, Tôn không những nhìn mà còn để ý nghe ngóng nữa. Anh vừa đi vừa lắng xem có nhà nào ồn-ào tiếng trẻ học bài không. Tôn nhớ lại những chiếc bàn học kê khắp-khểnh trong căn nhà chứa thóc của ông giáo Kính. Trên những tấm bàn ấy, thằng cu Tôn thường phải nhòm người lên mỗi khi muốn chấm mực hoặc muốn nói chuyện với một bạn ngồi ở bàn trên. Tôn còn nhớ cả cái giường tre nhỏ để điều đóm ở góc buồng học. Đã nhiều lần, Tôn tò mò lại gần, cúi xuống tìm trong bóng tối dưới gầm giường những cây mạ trắng xanh như những cây giá và dáng lù lù của một con cóc lăm-lì. Ngày ấy, cu Tôn thấy trong căn buồng chứa thóc có nhiều điều bí-hiểm, kỳ-lạ. Ngay đến cả chị Nguyệt

con ông giáo Kính, Tôn cũng thấy lạ-lùng. Chị có mặt thường xuyên trong căn nhà ba gian nửa tối nửa sáng này. Hầu như trong đám trẻ con, chỉ có chị là người quen thuộc, gần gũi với những cây mạ, con cóc dưới gặm giường, với những con mối lo-đăng kêu « tắc tắc » trên các kèo nhà. Tôn cũng thấy chị là người duy nhất nuôi được những con chim sẻ non xinh-xắn. Những con chim này cũng như đám trẻ thường hay chấp-chới chạy theo chị, hai cánh nhỏ xiu rung rung, cái mỏ như hạt thóc chiêm chíp đòi những hạt gạo đổ trong lòng bàn tay chị. Trong cảnh này, Tôn cũng như các bạn đều mê tít mắt. Tôn thường ngậy người ra nhìn, mắt không chớp, nước rãi nhiều giọt giọt trên cái môi đỏ hồng.

Chị Nguyệt vốn sẵn yêu Tôn, thấy Tôn như thế lại càng yêu hơn. Chị cho Tôn một cái lồng đỏ, một con chim non và đưa Tôn về tới cái điểm ở đầu xóm. Chị vẫn thường đưa Tôn về như thế. Tôn thường ôm vớ đi trước, chị thường cầm một cành rong theo sau. Nếu Tôn không mang trong người một vật gì quý như cái lồng chim, như đồng xu đồng, chị đưa Tôn đến quá cổng nhà bác Mão — nơi có mấy con chó vàng chó vện thường nằm — thì chị trở về. Còn những buổi Tôn ở lại ăn cơm thịt bồ câu rim nước mắm với chị hoặc sợ anh em thằng Hạ đón đường bắt nạt, chị đưa Tôn về tận cái điểm ngồi đầu xóm. Mỗi khi chia tay với chị để ù té chạy về nhà, Tôn thường quay lại nhìn mái tóc kẹp của chị, thấy chị cao hơn mình đúng nửa cái đầu.

Dạo đó, người cô Tôn chưa có con nên thương Tôn rất mực. Các buổi tối,

lúc nằm bên cô, Tôn thường tản-mản nói chuyện về chị Nguyệt. Có lần nghe Tôn nói thích chị Nguyệt hơn cả hai người chị lớn của Tôn, cô cười hỏi đùa :

— Bây giờ cu Tôn còn muốn về bên Dục-Đức với mẹ nữa thôi ?

Hỏi câu này, cô tưởng Tôn sẽ cười hích hích, rúc đầu vào nách cô, không ngờ Tôn lại oà lên mếu, nhất định đòi về với mẹ ngay đêm hôm đó. Cô Dì — tên người cô Tôn — hỏi-hận vì đã lỡ lời, hết sức dỗ dành nhưng Tôn vẫn mếu máo không thôi.

Tôn bỏ cô, lại nằm co ro ở một góc giường, nhất định không nói một lời với cô, nhất định không quay mặt về phía cô nằm một lần. Cô bảo Tôn nín khóc, cô sẽ cho cái bánh đậu Hải-Dương, Tôn không chịu, cô dọa bỏ Tôn ra gốc nhãn ngoài vườn cho con cú ăn thịt, Tôn không sợ, cô... ngâm kiêu đồ Tôn, Tôn chẳng nghe. Giữa lúc ấy có tiếng chị Nguyệt lanh lảnh gọi cô ở ngoài cổng, tự nhiên cô thấy Tôn im tiếng, trở mình nhìn cô.

Tôn càng thích chị Nguyệt, càng thấy mến thầy giáo Kính. Tôn còn nhớ hôm mới đi học, thầy mặc quần nâu áo nâu, đi guốc mộc đứng trên gò đất bên kia bờ ao, cười với Tôn. Cô Dì một tay nắm chặt tay Tôn, một tay chỉ sang phía bờ ao, nói :

— Thầy Kính đợi cu Tôn đó. Đi mau lên, chóng ngoan.

Tôn nghe nói giật mạnh tay lại, mặt đỏ rần, mắt long lanh. Cô Dì mím môi, kéo Tôn sấn sệt. Tôn khóc và kêu to « cháu không đi, cháu không đi, cháu không đi » Cô Dì vừa giận, vừa mệt, thở không ra.

CON MUỐI ĐÊM NAY

Cô hết nhìn Tôn lại ngoảnh nhìn sang phía gò thầy giáo Kính đứng, bối rối về mặt, tay chân vụng về.

Một lúc khá lâu sau, Tôn mới vào ngồi trong căn nhà chứa thóc. Cô Dī để Tôn ngồi đấy, ra ngoài mua giấy bút cho Tôn.

Thầy giáo Kính — hồi đó chừng bốn mươi tuổi — lại gần Tôn, ngắm nghía bên trái, bên phải, đằng sau, đằng trước. Cái cổ cò của thầy nghiêng về bên này, nghiêng về bên kia. Đôi kính trắng gọng đồng trên mũi thầy lúc la lúc lác. Thầy nói giọng ồ ồ (sau này Tôn mới biết thầy hay khôi hài) :

— Con trai gì mà nhát thế. Được cô cho đi học là sự quý hóa vô ngần, cơ sao lại buồn ?

Rồi thầy lại cười, nụ cười vụng về hở hết cả răng lẫn lợi. Thầy cũng biết vậy nên vội vã chum môi lại ngay, mồm thầy phồng lên khiến Tôn cười lên hì hì. Cười xong, Tôn lại muốn nắm chặt lấy tay cô Dī, vừa giật vừa la vừa giậm chân bạch bạch.

Khi cô Dī mua được vở, được bút mang vào, thầy Kính đứng đón ngoài cửa, chỉ tay về phía Tôn hỏi :

— Có phải cu Tôn là con thứ ba ông Cả làng Dục-Đức ?

Cô Dī giọng như muốn kể lể :

— Vâng ạ, nếu kể cả hai chị gái thì cháu là thứ ba, còn kể về hàng trai, cháu là con cả đấy ạ.

Thầy Kính xoa tay :

— Thật là đáng kính !

Thấy vẻ ngờ ngác của cô Dī, thầy vội vã tiếp :

— Ngay từ khi được biết ông Cả ở hội chim làng Trong, tôi đã biết ngay ông hiền như vậy chắc sẽ sinh con quý. Cứ xem ngay cách luyện chim của ông, ai cũng rõ ngay ông là người đáng kính.

« Đáng kính », hai chữ Tôn thường nhớ lại mỗi khi nghĩ đến ông giáo Kính. Mỗi khi nói hai tiếng này, trông ông có vẻ nhiệt thành khôn tả. Mắt ông mở to và mồm ông như muốn kề sát vào mặt người nghe. Nói đến tính thích truyện Kiều của cô Dī, ông nói « đáng kính », đến việc uống trà tàu, « đáng kính », đến chuyện Tôn chịu xa mẹ sang ở với cô, cũng « đáng kính ». Tóm lại, với tính tình cởi mở, dễ dàng và trang trọng của ông, mọi việc dù tầm thường đến đâu cũng đều « đáng kính » cả.

Sau này, lớn lên, ra tỉnh học, đôi lúc nghĩ đến thầy cũ, Tôn tự hỏi không biết ông Giáo Kính có còn gặp được nhiều điều « đáng-kính » như trước ? Và nhất là những ngày nghe tin hai vợ chồng ông và Nguyệt tản-cư lên mạn ngược, Tôn lại càng thắc-mắc, chẳng biết có còn dùng hai tiếng đó nữa không và nếu còn, hiện nền văn-minh co-khí với chiến-xa, đại bác, có được ông nhiệt thành, mở to mắt, gán cho hai chữ « đáng kính » ? Tới bây giờ, ngay khi vừa bước chân vào cái ngõ có cây trướng cá, Tôn cũng cười một mình, nghĩ việc tìm kiếm lại người đã từng dùng bữa bái hai chữ « đáng kính » có là cũng là một việc « đáng kính » lắm lắm vậy chăng ?

Sau khi đã để ý, không thấy nhà nào có vẻ là một nơi dạy học, Tôn dừng lại

trước bãi rác cải lại quai dép. Mấy đứa trẻ cỡ mười bốn mười lăm đeo cần xé đang lom khom trên những ụ rác, dừng lại nhìn Tôn một lát với vẻ soi mói, rồi lại cúi xuống tiếp-tục tìm kiếm. Những tấm áo bằng vải bố, bạc thếp trên người chúng hoen ố mờ hôi.

Tôn chắc bọn này không tỏ đường lối ở đây lắm, toan lại hỏi thăm, chợt từ đầu ngõ có một ông già đi tới, đầu đội chiếc nón đàn bà che khuất nửa mặt làm Tôn thấy ngờ ngợ. Hình như đã có lần anh trông thấy cái cằm choắt lại, phơ phất mấy cụm râu đen xoắn xoắn của ông lão.

Đang rung động với những kỷ-niệm êm-dềm vừa qua trong trí, Tôn thấy có cảm-tình ngay với ông lão khi nhìn bóng ông nổi rõ trên đường. Anh ngập-ngừng nghĩ bụng :

— Biết đâu ông ta chẳng là... Mình thử hỏi ông ta xem...

Anh vội tiến lên đón ông lão. Thấy vậy, ông lão dừng lại, kéo xích nón về phía sau để lộ khuôn mặt nhỏ xương xương, cái trán ngắn ngắn, vầng chác, ngang ngạnh. Đôi mắt hấp háy có những sợi lông mày trắng cong như móng gà, nhìn Tôn như chờ đợi. Bỗng Tôn thấy thấp thoáng ở phía quán nước mấy người con gái ngấp nghé nhìn lại. Anh cau mặt, chợt nhớ đến một người bạn đã ra đi. Nhìn lại ông già một lần nữa để thấy trí nhớ của mình khá chắc chắn, Tôn vội-vã vượt qua mặt ông già, đi như chạy.

Thái độ của Tôn làm ông già ngạc-nhiên đến ngờ-ngẩn cả người, nhưng ông vẫn nói theo, giọng gấp rút :

— Cậu hai... Này cậu hai... Tự-Do lựa chọn mà...

* *

Bước vào nhà, vừa treo mũ lên mắc, Tôn đã nghe tiếng cha hỏi từ trên gác xuống :

— Tôn đã về đây ư? Có tìm thấy nhà ông giáo không?

Tôn mệt mỏi đáp :

— Con đã cố tìm cả buổi chiều nhưng vẫn không thấy.

— Lạ nhỉ? Thế có thấy cái ngõ anh Xuân anh ấy về không?

— Có, thầy ạ. Thế mới lạ chứ. Con chẳng hiểu tại sao cả.

Tôn nghe có tiếng « ừ hừ » ở trong miệng cha, không hiểu cha muốn diễn-tả điều chi. Anh vội thay quần áo, lấy guốc ra sau nhà rửa chân.

Mẹ Tôn đang ăn cơm ở chái đầu bếp, thấy con, bà bỏ thìa, vịn to ngọn đèn. Cái bóng nặng nề của bà thoáng nhúc nhích trên tường.

— Mày đi đâu về thế?

Bà hỏi dứt câu lại cầm bát tiếp tục ăn, mồm nhai tóp tép đều đều.

— Con đi thăm ông giáo Kính nhưng không tìm thấy nhà.

Tôn nghe rõ từng tiếng mình nói và tưởng như sau đó còn vang giọng nói kéo lê của mình. Anh múc nước vào chậu thông thả rửa mặt, kỳ cọ tay chân. Bỗng tối xung quanh Tôn đã làm căn nhà có vẻ yên tĩnh, mấy đứa em anh đi ra ngoài đường phố chơi khiến căn nhà lại yên,

CON MUỖI ĐÊM NAY

tỉnh hơn. Ở trên gác có tiếng thầy Tôn đang rũ chiếu phành phạch. Tôn chắc ông sửa soạn giấc ngủ theo thói quen, chứ tối nay ông làm sao đi nằm sớm được khi ông còn nhớ tới ông giáo Kính, còn muốn từ ông giáo Kính để lần mò về những ngã đường xa xôi nhưng quen thuộc ngày trước.

Nghĩ vậy, Tôn thấy những bức nhọc lúc chiều tan biến hết. Anh lại thấy yên tâm, thông thả như lúc mới bước lên xe vào thành phố, Tôn cười vu vơ trong tối, nghĩ thầm :

— Từ lâu mình tưởng mình đã thành người lớn, không ngờ những nỗi vui buồn thoát đến, thoát đi như những ngày mười lăm, mười bảy.

Tôn thấy tâm hồn mình như rất trẻ, rất trẻ vì quá giản dị, quá giản dị vì... ờ ờ... v ười biếng, trẻ nải chăng ?

— Mình hay lẫn lẩn như một nhân vật trong tiểu thuyết cũ.

Tôn vừa nghĩ vừa đổ ào chậu nước lên chân.

Lúc thấy con ngồi vào bàn ăn cơm, mẹ Tôn lại hỏi :

— Ông giáo Kính có phải là ông giáo cùng làng với chồng cô Dị ?

Câu hỏi trước của mẹ đã làm Tôn ngạc-nhiên, câu hỏi này lại thêm cho Tôn sự khó chịu. Anh còn đang bứt rứt chưa biết trả lời sao, thì thầy Tôn đã mang cái đèn nhỏ đi xuống đáp thay lời Tôn :

— Mẹ thằng Tôn lẫn lẩn quá sức Nói đến ông giáo Kính mà hỏi han gốc tích rõ tâm vô tính đến mức đó thì thôi.

Dứt lời, ông ra phía chuồng gà, soi lại mấy cái cửa gỗ đã chằng dây thép. Mẹ Tôn hỏi :

— Thằng Tiến đã chèn gạch ở cửa chuồng gà con chưa hả ông ? khéo nó mãi chơi, lại bỏ chơi như tối hôm qua thì lại béo con mèo nhà cụ Quế.

Rồi bà chép miệng, như nói một mình :

— Dạo này gà con khó mua lắm, không cẩn thận thì mất cả chì lẫn chài.

Tôn đang ăn ham hố, thấy mẹ nhắc đi nhắc lại mãi tiếng «gà», vội nuốt hết miếng cơm trong mồm rồi hỏi :

— Nhà còn nhiều gà vịt không hả mẹ Đến hôm này cô Dị về chơi có liệu phải đi chợ như năm ngoái không ?

— Mày thì lúc nào chỉ lo ăn lo uống. Chỉ sợ đến hôm này lại kêu không có móng tay để nhổ lông gà vịt thôi.

Nói xong bà cụ đứng dậy, trước một mãnh dóm làm tấm xà răng. Thấy có ấm nước để trên bàn, bà vớ lấy tu một hơi dài. Đoạn bà bước ra ngoài vừa buộc lại cái khăn mỏ quạ. Tôn nói theo giọng khó chịu :

— Trên nhà có tắm chuốt, có nước nóng sao mẹ không dùng ?

Bà cụ như không nghe thấy, tắt tưở đi ra phía cửa. Nhưng một lát sau, bà đã hối hả quay lại như quên điều gì, Bà lại phía đầu bếp rồi cất tiếng gọi Tôn :

— Tôn ơi, lại giúp tao một tay mí nào.

Ông Tôn mang đèn lại, thấy vợ đang cúi xuống mấy sọt rác có ngọn, ông gắt :

— Mẹ thằng Tôn rõ lẫn thẩn, không lo đi đòi nợ lại định khuôn mấy sọt rác này đi đâu ?

— Mang đi đổ chứ còn mang đi đâu ?

— Mang xuống dưới cầu sông ấy à ? Có họa diên thì mới làm thế.

— Ai hơi đâu mang xuống sông.

— Thế thì mang đi đâu ?

— Bỏ ra ngoài đường, nhờ thằng chà và đến chở đi.

Nghe vợ giải thích, ông Tôn « à » một tiếng rồi hỏi, giọng ngần ngại :

-- Thuê nó có nhiều tiền lắm không ?

Giọng bà Tôn trở nên tự phụ :

— Có cho nó đồng nào uống rượu thì cho, làm gì phải thuê với mướn. Ngày nào nó chẳng vác hàng đỡ tôi.

Ông Tôn lại « à » một tiếng nhưng với vẻ an tâm hoàn toàn. Ông bảo bà :

— Thôi, có đi thu tiền thì đi đi không có các cửa tiệm lại đóng cửa hết. Còn chỗ rác, cứ để đấy, chút nữa mấy đứa nhỏ đi chơi về, chúng nó khác khiêng ra.

Biết chồng đã nói, khó lòng mà cãi lại, bà Tôn bỏ mấy sọt rác, lại tắt tưới, hấp tấp đi ra phía cửa.

Một lát sau, hai cha con Tôn lên cả nhà trên, Ông Tôn pha cà phê cho Tôn một ly. Hai cha con im lặng khuấy đường cho tan, tiếng muống va vào thành thủy tinh nghe kêu lanh canh, Tôn nửa muốn nhắc đến truyện ông giáo Kính, nửa lại ngần ngại. Anh có cảm giác rất quen thuộc là lúng túng khó chịu khi một mình

ngồi đối diện với cha để chủ tâm nói một câu chuyện. Từ lâu, Tôn vẫn thấy khi mình nói với cha một cách vừa hứng thú vừa tự nhiên là khi có mặt của các em hay của mẹ. Còn bây giờ, biết cha đang thích truyện ông Giáo Kính, Tôn thấy mình như tự mang một bốn phận. Ý nghĩ này như có một sức mạnh kỳ lạ, xua đuổi mau chóng những hình ảnh êm đềm trong những ngày nhỏ dại của Tôn mà Tôn thấy lảng vảng quanh Tôn khi Tôn chưa ngồi xuống ghế. Nhớ lại những lần nói chuyện với cha về một vài người vắng mặt hay đã chết, Tôn lại càng thấy khó nghĩ. Từ trước tới giờ, Tôn đã nhiều lần dựa vào những lời nói của cha để riêng tư nhớ đến chị Nguyệt, đến ông giáo Kính hay cô Di, đến những ngày đông tháng giá trong làng,... nhưng đồng thời, Tôn cũng thấy cha lại dựa vào mình nhiều hơn, để nói, để thấy lại một thời xa xôi đã mất của ông.

Cách đây năm năm, sau khi bỏ việc tại một sở tư, ông Tôn về với gia đình, mang theo ý nghĩ giao phó việc nuôi con cho vợ và một sự tin tưởng kiên nhẫn nhưng vững chắc vào tương lai các con. Ông bình tĩnh sống cuộc sống mới, thu hẹp và xa lạ. Điều này khiến Tôn ngạc nhiên không ít. Nghĩ lại mười mấy năm vừa qua, cha anh đi làm hết chỗ này đến chỗ khác, luôn luôn xa cách gia đình để tự do sống một đời phóng túng, nhiều lúc Tôn đã đặt cho mình nhiều câu hỏi mà không trả lời được. Những ngày ấy, Tôn thấy cha sống trong một thế giới rộng lớn quá và trong người ông dường như cũng có nhiều điều thật bí ẩn, rắc rối. Có lần ngồi bên Tôn ông lại nói những chuyện xa lắc xa lơ ở tận núi Phú-Sĩ bên Nhật hoặc

CON MUỖI ĐÊM NAY

tận những hòn đảo ở vịnh Hạ Long. Tôn thắc mắc, tưởng tượng giữa cha và những nơi đó có một dây liên lạc chặt chẽ, thân ái vô cùng.

Mỗi khi được phép nghỉ về thăm nhà, ông Tôn thường có nhiều bè bạn tới thăm viếng, lắm người ăn vận rất lịch sự nhã nhặn. Họ vui vẻ ăn những bữa cơm có thịt gà rô-ti, thịt chim hầm... ở nhà Tôn hoặc cùng thầy Tôn tới những tiệm cơm tám giò chả ở hàng Buồm. Trong lúc ăn uống, Tôn thấy họ nói năng rất tự nhiên thân mật và nhiều khi, cũng như thầy Tôn họ nói tới những điều Tôn không hiểu, như biết hoặc mới nghe mang máng một hai lần. Họ nói tới ông quận Bảo ở Đồ-Sơn, đến những tòa nhà sang trọng của người Pháp ở Tam-Đảo, đến những con thuyền hành hương nơi động Hương-Tích, đến một bát họ lớn do ông Phan Móc ở hàng Bông Thợ Ruộm làm cái, đến những ván bài tổ tôm hấp dẫn ở Cửa Nam... Họ còn nói nhiều, nhiều nữa và Thầy Tôn cũng còn nói nhiều, nhiều nữa. Đặc biệt là trong các câu truyện

bao giờ mọi người cũng dừng lại lâu khi nói tới tổ tôm và kết thúc câu truyện bằng cách rủ nhau đi tìm không khí đó. Thời gian được nghỉ, thường thường thầy Tôn chỉ dành độ một nửa cho gia đình, cho việc ăn uống, đi xem hát, còn một nửa, chắc chắn là cho tổ tôm. Nếu mẹ Tôn có vì vậy mà than van, thầy Tôn lại cười xuề xòa giải thích :

— Mẹ mày rõ lẫn thẩn. Ta thì tuần nào chẳng đánh tổ tôm, nhưng tổ tôm đánh ở nơi làm việc khác xa với tổ tôm Hà-Thành một trời một vực.

Riêng Tôn, rất thích cha chơi bài, nhất là chơi ở nhà để Tôn dễ được « châu rìa ». Sau mỗi canh bạc, Tôn tưởng như hai cha con gần gũi nhau hơn vì vừa cùng chung một sự lo lắng, thất vọng hay vui mừng tuy không biết rõ cách đánh tổ tôm, nhưng Tôn cũng biết thấp-thỏm khi thấy cha một tay cầm ván bài bạch định, một tay cho vào nọc rút quân, hoặc khi đếm đi đếm lại thấy bài của cha có tám, chín cây điều.

LỬA HỒNG

Gởi một tâm hồn

*Bao năm ngưng đọng Hồn Thương
Giờ tan theo nước tràng giang hững hờ ..*

*Sầu riêng đã tỏa cùng Thơ
Tình chung ai nỡ thờ ơ cho đành..*

*Vì dầu đời mãi loanh quanh
Cũng xin giữ chút lòng thanh Lửa Hồng. .*

13-VI-63

NGUYỄN-NGU-Í

BÁCH KHOA CLVI

Biết rõ ý thích của cha như vậy, nên Tôn không khỏi lạ lùng khi thấy cha hàng năm chẳng cầm tới quân bài. Trừ những ngày tết, đánh dăm ba hội vui xuân, ông Tôn dường như hoàn toàn kìm hãm được sở thích của mình. Nhưng thực ra, Tôn biết cha cũng như mình, nhiều lúc tỏ ra vô cùng nhu nhược. Nhiều lúc anh hoang mang, nghi ngờ, thấy mình sợ hãi vu vơ. Nếu trước kia, anh nghe thấy cha nói nhiều đến những cánh hoa anh đào trên núi Phú-Si, đến những con thuyền vang tiếng tụng kinh trôi vào động Hương-Tích, bây giờ, anh thuộc lòng giá một con vịt, một củ hành tây, một ký thịt vai do những lời nhắc nhở hàng ngày của cha.

Không những ông Tôn đã bỏ cái thói quen chơi bài, bạn bè ông, cũng ít khi ông nhắc tới. Có lẽ vì những người này vẫn còn khá giả như cũ và vẫn đang còn những bữa tiệc tùng bưng ở xung quanh ông. Nhưng ông lại tha thiết với những truyện ngày trước hơn bao giờ. Những lúc ôn lại dĩ-vãng, ông đã bỏ hẳn thời gian mình làm việc, vượt ngược hẳn về thời gian còn đình đám, còn những hội thả chim ở làng. Có hôm, ông tả lại cái thú phiêu phiêu khi nương người theo đà đu, nói đến đôi mắt tròn lên sợ hãi của một anh nhất gan lao từ trên cao xuống, rồi bỗng nhiên lên tiếng hỏi vu vơ :

— Không biết thằng cả Đạo có phải là cháu ngoại bà trưởng Chắt không ?

Trước những câu hỏi như thế, bao giờ anh em Tôn và mẹ cũng ngơ ngác nhìn nhau. Khi bà Tôn lên tiếng trả lời một cách do dự, thì lại bị mắng là

« lẩn thẩn » sau khi ông đã lục lọi trí nhớ và thấy mình có thể giảng giải rành mạch cho mọi người cùng nghe về mối liên hệ họ hàng giữa cả Đạo với bà trưởng Chắt. Tất nhiên lần này, mọi người vẫn không thể không ngẩn ngơ, ngơ-ngác như lần trước.

Lại một lần, Tôn thấy cha vừa sửa lại cái hàng rào, vừa lẩm bẩm một mình cả buổi sáng, khiến anh vô cùng kinh dị và phục tài độc thoại của cha sát đất.

— Con mẹ Vân đối với cái Bốn cũng như thằng Tôn đối với lũ con thằng Nhiệm... ờ ờ... không... như con cái Thìn đối với bà ba Mẹo ..

— Tám đưa con trai thủ hạ Nhâm, về sau hình như chỉ còn một đứa sống sót thì phải... Có lẽ là thằng bé út... ờ ờ, không, thằng Toàn, thằng thứ sáu mới đúng... ờ ờ, không biết thằng Toàn có phải là thằng thứ sáu không ?... Thứ nhất là thằng cả Bưởi, thứ hai, thằng hai Thơm, thứ ba...

Tôn nghe cha mà như nghe tiếng người nói ở một nơi xa lạ. Anh áy náy, buồn rầu, mong sao ông nói tới những điều mình biết để có thể làm ông vui hơn một chút. Hôm nghe người bạn thuật truyện ông giáo Kính, anh về nói lại với cha rồi hai cha con thức gần tới sáng để nói chuyện, hết như cảnh hai người bạn ý hiệp tâm đầu, lâu ngày cách biệt nay mới gặp nhau.

Nhưng bấy giờ, Tôn lại thấy khó khăn nghĩ mình « phải » nói với cha những điều cha đương chờ đợi.

CON MUỐI ĐÊM NAY

Cách đây nửa tháng, người bạn cuối cùng ở trong ngõ Tôn đã đi nốt. Anh ta theo một người bạn lên Pleiku làm ăn để mẹ và một đứa em ở lại, thế là Tôn hết chỗ đi nói chuyện đông dài vợ vãn. Hôm anh ta ra đi, có dặn Tôn nên vì anh mà thỉnh thoảng lui tới thăm nom, bà cụ cho bà cụ đỡ buồn. Nhưng Tôn chỉ theo lời anh có một lần, đó là lúc tiễn anh ở bến xe ra về. Tôn tạt vào nhìn bà cụ lụi cụi vo gạo ở cửa bếp, nói rằng anh đã đi kịp chuyến xe bốn giờ chiều. Từ đó, chỉ những tối thứ bảy rảnh rang, nhàn nhã lắm, Tôn mới lại thăm bà cụ chừng nửa giờ đồng hồ. Còn trong những ngày thường, Tôn đóng cửa đọc sách, sửa soạn một kỳ thi sắp tới. Tôn cũng không hay nhắc nhở đến những người bạn đã ra đi hoặc mới ra đi nữa. Gia đình Tôn cũng theo Tôn mà quên dần họ đi. Thầy mẹ Tôn hầu như ai bận việc nấy, sẵn sàng bỏ vào quá khứ những năm trước đây bạn Tôn đến chơi đầy nhà.

Nhiều lúc một mình nghe tiếng nói của mình, Tôn thấy trống trải, nhớ tiếc một điều gì xa xăm, nhưng Tôn không giám cho rằng đó là tình bạn cũ của Tôn. Tôn cố tránh xa những ý nghĩ phiền phức không đem lại cho mình một phần khởi nào. Tôn cố đọc sách và đọc không ngừng, nhưng sách học trò vốn ít gây hứng thú nên chỉ chiếm độ nửa thời - gian Tôn dành cho chữ nghĩa. Thường thường những buổi chiều tan học sớm, Tôn đạp xe buýt vào thành - phố tìm mua một ít sách bán bên lề đường về đọc thêm. Thỉnh thoảng, gặp một tác-phẩm mến-thích dù cũ dù mới, Tôn cũng mang đến một tiệm sách nhỏ ở trên quận thuê đóng lại bằng

bìa cứng rồi xếp vào tủ kính cẩn-thận. Nhưng những trường-hợp ấy hiếm lắm, còn đa số là loại sách làng-nhàng, đọc một lần rồi thôi cũng không áy náy. Loại sách thứ hai này, Tôn xếp chồng chất trên cái bàn thấp kê ở đầu giường Tôn nằm, một hai ngày lại phải phủ bụi một lần.

Tôn thấy mình tự-dưng sinh-hoạt có vẻ thông-thả, đều-dặn vô cùng. Tâm-hồn Tôn tuy chẳng có gì thích-thú lắm nhưng cũng không một lần giao-động mạnh vì một đụng chạm đáng kể. Nhưng không hiểu sao, sau tuần trăng vừa qua, sau khi nghe nhắc tới ông giáo Kính, Tôn lại thấy bưng bưng ý muốn tìm lại dấu vết của những ngày nhỏ dại. Nhiều lúc thoáng nhớ tới đám bạn đã tản mác mỗi người một nơi, Tôn lại càng tha-thiết nghĩ rằng dĩ-vãng lúc này có lẽ khá hợp cho mình. Anh bắt đầu nhắc nhở đến ngày về của cô Di. Hiện giờ cô ở một tỉnh-ly miền Trung với người con trai. Hàng năm cô về thăm gia-đình Tôn một lần vào mùa xuân, đúng kỳ giỗ ông nội Tôn. Những chuyến về đều đặn đúng cữ của cô khiến Tôn đặc-biệt lưu-ý tới ngày giỗ đó, ngày 24 tháng giêng. Mỗi lần cô về, nhà Tôn đột nhiên có một không-khí mới-mẻ và ngày giỗ càng tăng thêm phần long-trọng.

Bầy trẻ trong nhà dường như gặp lại vẻ rộn-rịp của mấy ngày tết đã tắt ngấm từ lâu. Cô Tôn mừng tuổi chúng bằng những đồng tiền mới cứng, bằng những câu nói ngày xuân. Chúng xoắn xuýt lấy cô như xoắn xuýt một cái gì vừa mới, vừa đẹp. Có đứa tròn xoe mắt

ngó cô như ngó một kỳ-quan. Những lời nói của cô hầu như cũng mới mẻ, lạ-kỳ. Giọng cô dài và to át cả những câu hỏi, lời gọi ầm ỏi của chúng nên càng có sức hấp-dẫn mạnh. Người cô cao và gầy, cô lại thường đi guốc cao gót, trông lưng lửng giữa đám trẻ con. Vì vậy, chẳng đứa nào buồn vì không được ngắm rõ cô.

Năm nay chúng lộ vẻ ngóng cô từ hôm 22 tết. Chúng cãi nhau, đánh nhau nhiều lần vì đứa nào cũng bảo-thủ dự-đoán của mình về ngày cô tới nơi. Đến ngày 23, thằng Tiễn, thằng Minh bỏ nhà đi cả buổi sáng để lên quán Cây Thị đón cô. Đến trưa, hai đứa len lén đi tắt cánh đồng, vượt qua vườn mía sau nhà về lấy cặp đi học. Mặt đứa nào cũng nhễ-nhại mồ-hôi, quần áo ướt đầm, chân tay vấy đầy bụi đỏ. Trông vẻ buồn thiu của hai em, Tôn cười thầm. Sau bữa cơm, Tôn kiểm mấy cuốn sách rồi cũng đi lên phía quán Cây Thị.

Quán Cây Thị dựng cạnh ngôi chùa Phước-Chân-Tự trên một gò đất rộng, sát đường nối quận với thành-phố. Từ nhà Tôn tới đó phải vượt hơn một cây số đường mòn vòng vèo. Con đường này hẹp như bờ ruộng lại lắm vũng cát nên xe rất khó đi. Về mùa này, nắng cháy sáng loáng biến nó thành một dải đất trắng khô đủ làm phồng chân người không mang giày dép. Những ruộng, vườn hai bên đường, cỏ trở thành màu lửa, nằm chết dưới lớp bụi. Những thân cây rải rác bên đường phần nhiều là những cây gòn, cây so đũa trơ trụi, gầy guộc.

Tôn bước rất đều. Xung quanh vắng im, xa xa có tiếng máy gạo đập xuống mặt sông Vực nghe « sạch sạch ». Được nửa đường, Tôn thấy sống lưng chợt thoáng mát, nhưng mặt bắt đầu nóng rất, mồ hôi giổ giọt trên má, ứa tràn xuống cổ. Hai cánh tay trở nên bóng và lóng lánh những lỗ chân lông. Một hai cơn gió vẫn vor mang đầy khí nóng hun vào lòng mũ, phả vào trán, nghe gai gai người. Quần áo khô không khồng, trừ chỗ sau lưng ướt nhoét theo một vệt dọc. Tôn há mồm, thấy môi rấp, đầu lưỡi tê tê, đắng đắng. Dần dần, Tôn muốn gãi vào vài chỗ nhưng không dám nhấc mạnh tay, không dám dừng lại để thấy hoàn toàn bị ngột ngạt, bức bối. Tôn bẻ cổ, áo dựng lên bao quanh cổ. Bìa cuốn sách Tôn mang theo đầy những vết ngón tay nhoe nhoét.

Khi sắp tới một khu vườn rộng, Tôn bỗng thấy hai người con gái sấn cao ống quần khiêng cái thang tre, đột ngột hiện ra, chạy băng băng trước mặt. Trên thang xếp ba bốn thùng vú sữa có ngọn. Những tấm lá hai mặt vàng, xanh đã héo xoắn lại, phơi lồ lộ sắc tím sẫm của vỏ trái tròn mạp. Hai cặp giò khỏe mạnh đập tung bụi đường, bước những bước dài, dấn dôi. Nhịp cười nối nhau giòn vỡ, vang vang. Tôn nhìn nắng, nhìn cái mũ mình đội trên đầu, cuốn sách mình cầm trên tay, nghe nhịp cười giòn vỡ, bắt giắc cười theo.

Tới một khu vườn khác, hai người con gái lại đột ngột biến mất. Tôn thấy tiếc rồi thấy giận mình. Bàn chân anh vô tình múc xuống một đồng cát, hất tung lên. Tôn lúng túng, dừng lại,

lấy sách che kín mặt. Gấu quần Tôn đầy bụi trắng và khi tới gần quán Cây-Thị, dần dần chuyển thành màu đỏ gạch.

Hàng rào hoa giấy ở trước quán đã hiện trước mặt Tôn. Những bông hoa đỏ khé, rực rỡ nhưng khô khan thỉnh thoảng lại run nhẹ, loang loáng làm Tôn thấy mỏi mắt. Lớp lá dừa nước mới lợp trên nóc quán bóng rợn, sắc nhọn. Trên cái cần tre kéo nước ngắt-ngư ở sau quán, một con chim bồ câu trắng, đang tìm một hướng bay, đôi cánh chấp chới, chấp chới.

Tôn đi qua cỗ xe thổ mộ không ngựa dựa vào một gốc cây gòn, vượt qua cái sân đất hẹp có cái bàn thờ nhỏ như cái chuồng chim, bước vào quán. Xung quanh cái bàn đặt ngay dưới mái hiên có ba người khách đàn bà ngồi chờ một chuyến xe xuống, người nào cũng có vẻ mệt mỏi. Họ đều là những người quen với mẹ Tôn nhưng Tôn chỉ biết tên có một người. Tôn chào họ, họ hỏi thăm việc thi cử của Tôn. Tôn cười, trả lời tóm tắt rồi bước tới cái bàn nơi cửa sổ trông ra sau quán. Anh muốn gọi một ly chanh muối, nhưng thấy ông già chủ quán nằm ngủ trong tấm ghế xích đu gần quầy hàng, anh ngần-ngại. Đứa nhỏ con ông cũng không thấy tấm dạng đâu. Tôn chắc nó đã ra ngoài chùa bẻ trộm soài non. Thằng bé này trước kia Tôn kèm học, đến khi thi rớt vào đệ thất, nó ở nhà giúp cha bán quán, đi xi-nê ba đồng một vé và gây lộn với các trẻ khác. Mỗi lần gặp Tôn, nó mắt tự-nhiên, ăn nói ắp-úng khiến Tôn vừa khó chịu vừa cười thầm.

Tôn phủi bụi trên bàn, giở sách ra xem. Vừa được vài trang, anh đã vội đứng dậy đi loanh-quanh tìm một ngọn gió. Những tờ giấy quảng-cáo một phim Ấn-Độ đỏ lòe loẹt dán vá vức trên các bức vách gỗ khiến Tôn muốn ngồi yên một chỗ, nhắm mắt lại. Anh trở về chỗ cũ, im nghe hơi thở trẻ nãi của mình.

Mấy người đàn bà vẫn thầm thì nói chuyện, mặt quay về đường đất đỏ chờ đợi. Chốc chốc một chiếc xe lam-bết-ta ba bánh chạy qua, vội-vã cuốn theo những lớp bụi bay tán loạn và để lại đằng sau dư-âm o o của động-cơ.

Tôn đang thiu thiu ngủ, bỗng nghe có tiếng cười của người đàn bà trẻ nhất ở ngoài hiên. Anh giật-mình mở choàng mắt, vừa kịp thấy ba khuôn mặt quay đi. Vừa ngượng, vừa khó chịu nhưng Tôn không biết làm thế nào hơn là vụng về giở mấy trang sách để trước mặt. Người đàn bà Tôn biết tên chép miệng nói vọng vào :

— Rõ tội cho thân học trò ! Ngày đêm học-tập miệt-mải đến nỗi vừa ngồi xuống ghế đã ngủ gật.

— Tội nghiệp t...c

Tôn nghĩ thầm, thấy nhớ cô Di thiết tha và nhớ mình ngày trước hết sức.

Cu Tôn có mấy khi ngủ trưa đâu, nhất là những trưa hè nóng-cháy như trưa nay. Nó còn bận chơi đuổi bắt ở dưới bóng mấy cây mận sau nhà, bận cầm que tẩm nhựa mít đi bắt ve ở bờ tre dưới vườn.

Một lần mệt quá, nó lăn ra ngủ trên một bụi cỏ sau nhà. Không ngờ

cô Dì trông thấy. Cô la lên như bị lửa đốt, rồi từ đó, trưa đến cô cấm tít không cho nó ra khỏi ngôi nhà thờ tổ nữa. Cô cấm một cái gậy ở cửa vườn, mỗi buổi trưa khi bóng gậy thu gọn lại dưới chân, cô bắt Tôn đi ngủ. Cô dắt Tôn vào gian nhà giữa, bắt Tôn nằm xuống khoảng nền nhà không gọn bụi ở trước bàn thờ, bắt Tôn đặt hai tay lên mắt. Đoạn cô la lớn : « Ông nhỏ ơi, ngủ đi ». Nghe cô la, Tôn thường giật-mình, vùng bỏ hai tay ra, mở to mắt nhìn cô, nhả răng ra cười. Cô cũng bật cười theo nhưng rồi lại lật-đật hét lên : « Ông nhỏ ơi, ngủ đi » Lần này Tôn siu mặt lại. Còn cô lảng quăng đi đóng kín các cửa lớn, cửa nhỏ để cho căn nhà đủ mát, đi kiểm cái gối gấp để cô nằm cạnh Tôn coi chừng, đi kiểm thanh gương gỗ để cu Tôn ôm lấy ngủ cho yên-tâm. Khi đã thu xếp xong xuôi, cô nằm xuống cạnh cu Tôn, nhắm nước bọt vào ba bốn ngón tay, bắt đầu gõ cuốn Kiều ra ngâm. Nhiều lần tò mò, cu Tôn hé mắt nhìn, thấy mồm cô vẫn ngâm Kiều mà mắt đã lim-dim. Còn cuốn sách đã gấp lại nằm hờ hững ngoài tầm tay cô từ bao giờ. Tôn hồi-hộp, chờ cô bật tiếng, thở đều, rồi rón-rén ngồi dậy, nhắc nhẹ cuốn sách, chui vào găm bàn thờ gõ xem mấy cái tranh. Đó là một cuốn sách đã cũ, khổ nhỏ, đóng lại bằng những sợi dây gai tết vào nhau như cái dây bùa. Lề sách được kẹp bằng hai cái nẹp tre nhả bóng, cứng cáp. Những trang cuối sách đã mất, được thay bằng mấy tấm bìa cứng với những câu thơ chép nắn nót bằng mực tím học-trò.

Tôn gõ vài lần thì nhớ được hết vị-trí của những bức tranh trong sách. Mỗi khi tới bức tranh ở sát mấy tờ giấy bìa, nó biết đó là bức tranh có nhiều người nhất (đủ cả ông già, bà già, con trai, con gái) và cũng là bức tranh cuối cùng. Lúc đó, nó lại sẽ sàng gấp sách, rón-rén đặt hẳn vào tay cô rồi nằm xuống làm bộ ngủ. Nhưng cuối cùng, Tôn cũng bị bắt quả tang, hết đường chối cãi.

Hôm đó, sau khi cô Dì đã ngủ, Tôn lại lấy sách coi. Lần này nó cẩn-thận hơn, ngồi lúi sâu vào một chút rồi mới bắt đầu gõ sách, ngắm tranh. Lúc xem xong, nó vừa ngừng lên chợt nghe một tiếng « Koong » ngân-nga vang lên. Sợ-hãi, Tôn vừa kịp nhận ra đó là tiếng cái chuông đồng, lại chợt nghe có tiếng thét chói tai, khiến nó muốn co giò tẩu-thoát. Nhưng đã muộn, cô Dì đã tìm được nó. Cu Tôn đành làm bộ lì lợm, đứng không nhúc nhích, đứng mắt nhìn cô. Không ngờ cô Dì chỉ nắm chặt lấy tay nó, lôi xềnh xệch lại, ấn thanh kiếm gỗ vào tay nó rồi kéo nó nằm xuống, miệng la thật to : « Ông nhỏ ơi, ngủ đi, ông nhỏ ơi ».

..

Có tiếng động thật gọn, thật khô ở cái bếp sau quán. Tôn tò-mò quay vào, tưởng sẽ bắt gặp một con mèo đang lách vào cái cửa gỗ khép hờ. Nhưng Tôn lầm. Tiếng động vừa rồi do thằng con ông chủ quán gây ra. Thằng bé lưỡng lự một lát ở trước cửa, tay trái giữ cái cánh gỗ, tay phải đưa vạt áo lên lau mồ-hôi trên trán.

CON MUỖI ĐÊM NAY

Cái cổ dài ngắn ghét của nó cong xuống, bộ mặt đỏ vằn nghiêng đi nghiêng lại. Một lát, nó bước nhẹ vào bếp, tay khép sè sàng cánh cửa sau lưng. Liếc nhanh ra ngoài quán, thấy cha ngủ, nó có vẻ yên-lòng, nhưng lúc chợt thấy Tôn, nó thoáng lộ vẻ bối-rối. Tôn vội quay mặt đi, đoán chừng thằng bé về lấy trộm bánh kẹo mang ra chùa cho các bạn. Tự-nhiên, anh muốn thằng bé gặp cơ-hội tốt để thực-hành ý-định. Anh đứng dậy, bỏ ra ngoài hiên.

Ba người đàn bà vẫn tiếp-tục thì thào to nhỏ. Ba bộ mặt vẫn quay về phía đường ngóng xe, Tôn cười thầm, nghĩ bụng :

— Chắc họ đang nói xấu những người quen biết ở chợ.

Muốn biết mình đoán có đúng không, Tôn lững-thững lại gần, lắng tai nghe. Quả nhiên họ đang nói chuyện thằng chà-và bắt trộm con chó mực của mụ phó Quất tại một quầy thịt. Tôn quay ra phía đầu quán rồi trở lại lần thứ hai. Họ vẫn tiếp-tục nói đến thằng chà và, nhưng là chuyện nó làm con bé con ông hai Thới chữa hoang.

Tôn tác lười, khó chịu. Những người đàn bà này cũng như mẹ Tôn, không bao giờ nghĩ đến những điều xa hơn những túp lều ngoài chợ, những con chó hoang và thằng chà-và chỉ biết khuân hàng, quét chợ và uống rượu. Mẹ Tôn dường như thấy mình quen thuộc, gần gũi với những túp lều, những con chó hoang, thằng chà-và lấm lấm. Bà đã thân-nhiên ở trong sinh hoạt đó, như vẫn từng thân-nhiên dậy từ

hai giờ sáng ôm một chồng sọt ra đường chờ xe, thân-nhiên khi nhận ra mỗi người buôn bán quen mình là một chủ nợ và thân-nhiên cãi nhau với một người bạn hàng vì một hai đồng bạc.

Khi Tôn trở vào trong quán, thằng bé đang ra khỏi bếp, tắt tưới chạy về phía chùa. Tay nó cầm một bao thuốc lá (không biết trong đó đựng thuốc hay muối ớt để chấm soài xanh) và một cổ bài xì cỡ nhỏ.

Tôn ngồi xuống ghế tản mẩn giờ tắm ảnh ông giáo Kính ra ngắm. Anh nhớ lại lúc người bạn trao cho tấm ảnh, anh có cảm tưởng như đã gặp ông tại một trường Trung-học nào. Từ hôm đó tới nay, đã nhiều lần Tôn đem so với tấm ảnh ngày ông còn ở Thái-Nguyên, thấy nhiều thay đổi không ngờ được. Buổi chiều lạc vào cái ngõ có gã què chân lê lét quanh cái xe bánh mì, có những đứa trẻ đeo cần xẻ, có ông già với những tiếng « Cậu hai... Tự-Do lựa chọn mà » đột nhiên trở về ký-ức Tôn. Anh lo ngại vu-vơ.

— Nếu từ giờ đến tối không thấy cô Di xuống xe ở trước quán...

Nhưng Tôn lại yên-lòng, nghĩ thầm :

— Ngày giỗ ông nội trọng-đại như vậy, cô vắng mặt sao được.

Tôn lại giở sách ra xem trong sự chờ đợi bình yên ấy.

..

Đến sáu giờ chiều, cô Di vẫn chưa về. Từ các làng kế cận, người ta lại quán nghe ra-dô, nói chuyện Nga, Mỹ uống ba-xi-đề với thịt bò kho.

Gió mát đã dậy.

Những trái bông gòn khô cứng, lòi ra từng nắm bông trắng chao chát trên những cành cây trần trụi. Bóng cây vươn dài, xiêu đổ trên mặt sân đầy cát bụi.

Tôn đã ngồi ra ngoài hiên, chờ mấy người đàn bà lúc trưa chờ xe. Mặt cũng quay về phía đường đỏ, dăm dăm ngóng đợi. Cuốn sách đã không còn hiệu-lực với Tôn từ lúc bốn giờ chiều. Tôn đã thấy nao núng. Đã nhiều lúc anh đứng lên và ngồi xuống, bần-khoăn.

Tôn ngồi, ngó về thành phố, tầm mắt bị giới hạn ở ngôi nhà thờ Tin-lành lợp ngói đỏ sẫm. Con đường mất hút sau bụi cây hoa giấy trước cửa nhà thờ. Tại đây, có một chiếc xe díp đậu sát dưới cành lá. Mỗi lúc chột ngừng lên, Tôn lại tưởng chiếc xe đó đang chạy về phía quán. Tầm kính trước cửa xe, sáng chói ánh mặt trời đã nhiều lúc làm Tôn hồi-hợp đứng dậy. Khi đứng dậy, Tôn thường nghiêng đầu về bên trái một chút, thấy một ngọn cây nhô lên sau nóc nhà thờ và một đồng gạch xếp cao lấp ló bên bụi hoa giấy. Mỗi lần đứng dậy, Tôn đều nhìn ngay về phía đồng gạch, chờ một chiếc xe từ từ hiện ra. Dần dần anh thuộc cả mấy đường với quét ngang dọc như để đánh dấu những hàng gạch.

Nhưng đã nhiều chuyến xe về đậu trước quán, đã nhiều người đàn bà có dáng điệu hấp-tấp, vội-vã của cô Dì bước xuống xe. Và Tôn vẫn còn phải ngồi lại trước quán.

Đến lúc ánh sáng chiều trên cái kính xe díp đã tắt ngấm, đồng cửa ở trước cửa nhà thờ đã loang lổ bóng tối, Tôn

nghĩ đến việc ra về một mình trên hơn cây số đường đầy hố cát.

Khi Tôn trở về, trời đã tối, sao đã mọc. Anh bước uể oải, mũi díp thỉnh thoảng lại múc lên một đám bụi nháp năm đầu ngón chân. Ngửi mùi quần áo, hôi hôi khó chịu, nghĩ về đến nhà lại phải tắm rửa mặt công. Nghĩ đến buổi giỗ ngày mai. Tôn lại càng thấy mệt mỏi, càng muốn mau về tới nhà ăn cơm rồi đi ngủ. Tôn thấy thương mấy đứa em đã uống công chờ đợi cô Dì từ mấy hôm trước, nhưng cũng giận chúng đã tạo cho gia đình một vẻ rộn rịp vớ vẩn, không đâu.

— Thế còn mình, còn thầy mình, không như chúng nó hay sao !

Tôn cười, thực thà nghĩ thầm.

— Thật là không may !

Tôn lập đi lập lại. Nhớ lại mọi việc đã tuần tự xảy ra trong tuần vừa qua cho tới bây giờ, Tôn chột thấy mình đã hai lần đi tìm dấu vết của dĩ vãng mà chẳng thấy đâu. Và không hiểu sao sau mỗi lần tưởng như mình vừa hụt bước, Tôn lại thấy những hình ảnh cũ càng ngày càng linh động, tươi thắm mãi lên. Từ con cóc lù lù, những cây mạ non dưới gầm giường nhà ông giáo Kính, từ chị Nguyệt với cái que xua chó cầm tay đến những chữ « đáng kính » kèm theo nụ cười hờ hợt, đến những câu Kiều bên những tiếng la : « Ngủ đi, ông nhỏ ơi, ngủ đi, ông nhỏ ơi », đều như tẹt lại nơi tâm hồn Tôn một sự êm ả bền chặt.

— Đừng nên tham lam quá.

Tôn triết lý với mình và thấy lòng lại thơ thới, bình tĩnh như từ trước tới giờ. Tôn có dư cảm hứng để viết một lá thư cho cô Di hỏi sao cô không về và nhắc lại truyện ông giáo Kính đứng cười trên gò. Ủ... sao từ lâu, Tôn không nghĩ đến việc viết thư cho cô ?

Khi Tôn về tới nhà mọi người đã ăn cơm tối. Anh trả lời qua loa những câu hỏi, ăn vội vàng vài bát cơm rồi lại bàn cặm cũi viết. Tôn viết một cách tự nhiên, cảm động, hết dòng này qua dòng khác. Tối lúc thấy Tôn đi mua gạo nếp, măng khô về, mẹ Tôn đi đòi nợ về, Tôn vẫn viết chưa thôi. Anh thấy viết thế này có khác gì nói với cô. Mà lại nói một cách thứ tự, mạnh mẽ, cảm động hơn nhiều.

« Cháu ngồi chờ cô suốt cả buổi chiều nắng cháy khô ở quán Cây Thị. Nhiều lúc cháu tưởng tượng lúc cô hấp tấp xách bốn năm gói lớn, gói nhỏ xuống xe, vội vã, lúng túng mà không ngờ cháu đang ngồi ngay cạnh đây nhìn cô, sửa soạn, cười nhức tai cô »

Đây là một đoạn thư, Tôn đọc đi đọc lại mấy lần.

Đêm đã khuya, Tôn mới viết xong bức thư. Anh cẩn thận sắp xếp mấy tờ giấy cho có đầu đuôi rồi tay cầm đèn, tay cầm thư lên gác tìm cái phong bì.

Thầy mẹ anh và mấy đứa nhỏ đã ngủ kỹ. Tôn nghiệm thấy giấc ngủ của mẹ bao giờ cũng mê mệt nhưng lại ồn ã hơn hết. Bà thường nằm dằng chân tay, trông thật kèn càng, mái tóc sổ tung, cái vắn khăn lẫn lóc. Bên cạnh chồng và các con, dường như chỉ có bà thật sự ngủ. Và đối với

mọi người trong nhà, bà cũng là người dễ ngủ hơn hết. Thường thường mỗi lúc đi nằm, chưa nhai dứt miếng trầu, bà đã bắt đầu ngáy. Tiếng ngáy của bà rền rền, kéo dài từng nhịp át hẳn hơi thở khò khè của các con. Suốt cả giấc ngủ, ít khi trở mình một lần, nếu có, thì quả là một sự trở mình lớn lao. Đầu tiên miệng bà chép chép giòn giã, rồi cánh tay bà đập xuống ván gỗ một tiếng « thình » rung chuyển. Sau cùng bà mới xoay mình sền sệt trên chiếu với một vẻ nặng nhọc lạ lùng. Nhưng giấc ngủ của bà chỉ đến cỡ hơn một giờ sáng thì bắt đầu mất ngon. Suốt từ lúc đó tới khi có người đến gọi trước cửa, bà luôn luôn chập chờn, phấp phồng, thỉnh thoảng bà lại tỉnh dậy, giật mình hỏi :

— Có phải tiếng bà Xà vừa gọi phỏng?

Trước câu hỏi này, bao giờ ông Tôn cũng bình tĩnh đáp :

— Cứ ngủ đi. Đâu đã đến giờ mà gọi.

Giọng ông trong đêm nghe tĩnh táo, điềm đạm vô cùng. Dường như vào giờ đó ông cũng thao thức, chỉ chờ vợ lên tiếng hỏi là đáp.

Tôn đi lại phía bàn học của em, lục lọi, tìm kiếm nhưng không thấy cái phong bì nào. Anh vặn to ngọn đèn, ngồi ghé lên mép bàn đọc lại bức thư hai lần rồi gượng nhẹ gấp lại. Cầm lá thư trong tay mà Tôn tưởng dường như nâng niu một bông hoa mong manh. Anh khoan thai bước từng bước thật êm trên mặt ván cây và thấy mình có thể đi ngủ được. Nhưng bỗng Tôn cau mày dừng lại bên màn mẹ ngủ. Anh khó chịu thấy không mấy tối bà cụ không đạp chân ra ngoài màn. Cái

Y-UYÊN

bàn chân như cái bàn cuốc, nứt nẻ những đường đen xám, thường phơi ra, bất động trên mặt gỗ. Tôn chăm chú nhìn, thấy mấy con muỗi bụng tròn lại, đang cong người, cắm vòi vào lớp da nâu bóng như mỡ ở bụng chân mẹ. Tôn lạ lùng, không hiểu sao mẹ lại ngủ mê mệt như thế. Anh mím môi, rồi nhanh như chớp, đập mạnh tập giấy lên mấy con muỗi.

Bà cụ giật mình rụt mạnh chân vào, hỏi thất thanh :

— Cái gì thế ?

Tôn nhìn mấy giọt máu tươi vương trên tờ giấy nhàu rách, bàng hoàng đến ngẩn ngơ.

Y-UYÊN

Đương in và sẽ phát hành vào đầu tháng 8 dương lịch :

Thi phẩm lục bát trường thiên

ANH THƠ

Do **TRẦN-GIA-THOẠI** phóng tác theo bi-kịch Andromaque của đại-văn-hào Pháp RACINE và do Nhà Xuất-bản Đại-Học Huế, phát-hành.

● MỜI CÁC BẠN YÊU THƠ NHỚ ĐÓN XEM

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DÁNH CHỮ LẠM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI DÈ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siền — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Tình người thôn nữ

mộng-trung

Hãy gánh cho đầy gánh nước trong
Tưới cây thêm sức dậy hương lòng
Nuôi vườn giồng mạnh thơm trong đất
Uớp mát tình hoa thấm nhụy nồng

* *

Mỗi sáng trên sông nước ngập cầu
Chờ người thiếu nữ tận thôn sâu.
Vườn lòng tình nặng bao nhiêu gánh
Chan sông hồn thơ nở mộng đầu

* *

Nồn nà vượt đất trở chồi xanh.
Nụ sẽ đơm cây, trái nặng cành.
Chẳng uổng quanh năm công bón xới
Cho đời vị ngọt với hương thanh.

* *

Diệu huyền lòng đất tự muôn đời
Nuôi nở tình hoa của vạn thời
Trắng nuột lòng khoai thơm chắt đất
Xanh vồn ngọn lúa ngát hương trời

* *

Cau ngon vun vút trái đơm buồng
Chuối ngọt treo quày trĩ xuống mương
Hiu hắt hồn tre ru xóm vắng
Rau chòem, quế khóm ngát đưa hương

* *

Cồn xa man mác rặng bản thưa
Đôi mái chòi canh lẫn bóng dừa
Thiêm thiếp bờ trưa hàng mía lặng
Bãi chiều rào rạt sóng xa đưa

* *

Long Giang chín khúc biệt bao tình
Mở rộng tay ôm giải đất xinh
Nước Việt chảy trong lòng đất Việt
Cùng nhau vạn thuở vẹn trung trinh

* *

Say ngấm chân trời ngập nước thương
Lòng đầy âm ập mộng còn vương...
Vượt ngàn, băng vịnh đi đâu nữa...
Biển biệt giòng trôi khúc đoạn trường

* *

Sông chan mạch sông khắp mười phương
Khơi ẩm hồn ai giấc dị thường.
Nặng mỗi tơ duyên cùng đất nước.
Khởi tình nho nhỏ mãi vương hương

M. T.

Balê.— Mùa nhớ thương.

SINH-HOẠT

Nền Trung-học Hoa-Kì

Nguyễn-Ngu-Í thuật

Một người trong giới ngoại giao lại nói chuyện về giáo dục, đã là một sự lạ. Nói chuyện bằng tiếng Việt, khi mình là người Mĩ trăm phần trăm, lại là một sự lạ nữa.

Phải chăng vì hai sự lạ này mà thánh đường hội Việt-Mĩ tối hôm ấy (1) khá đông người nghe, đủ cả nam, phụ, lão, ấu, và có cả một số người Mĩ.

Diễn giả được ông chủ bút tập san « Việt-Mỹ » giới thiệu một cách gọn ghẽ mà nồng nàn. Thánh giả được biết người đệ tam tham vụ ở sứ quán Hoa-Kì tại nước Việt tuổi còn trẻ này là « một trong số những người Mĩ nói tiếng Việt giỏi ».

Quả lời giới thiệu không ngoa. Ông David A Engel nói tiếng Việt khá sõi, chỉ lơ lơ ở đôi phụ âm và ở vài vần trắc. Người nghe hiểu ông không chút khó khăn, Ông nói trôi chảy, đôi lúc tỏ ra hóm hỉnh, như khi nhắc



Ông David A. Engel

đến những nữ sinh « thích lấy chồng hơn cả mọi việc ». Cho nên sau mấy câu đầu, ông đã chinh phục cảm tình người nghe.

(1) Thứ sáu 31 tháng 5-1963. lúc 20 giờ.

Nhập đề, diễn giả nói một cách tổng quát hai nhiệm vụ của học đường trong bất cứ xã hội tân tiến nào. Đó là trước hết « bảo tồn những giá trị căn bản và đặc tính của xã hội đó bằng cách truyền lại cho thế hệ mới tập tục của thế hệ cũ, huấn cho học sinh, sinh viên một số kiến thức căn bản để họ có thể đảm nhiệm vai trò của họ sau này »; rồi đến « hoạt động như cơ quan góp phần phát triển xã-hội, huấn luyện học sinh, sinh viên theo những phương pháp có thể giúp họ cải tiến xã hội và tìm cho mình một đời sống tốt đẹp hơn trong khung cảnh biến đổi ».

Nhiệm vụ thứ nhất thuộc về các trường bậc Tiểu học.

Nhiệm vụ thứ nhì do các trường bậc Trung học và Đại học.

Diễn giả nhận rằng nhiệm vụ thứ hai này thật là đặc biệt hệ trọng ở thời đại chúng ta. Vì sự tiến bộ rất mau, rất cao, nên muốn tồn tại, phải đào luyện thế hệ trẻ cách nào cho thích hợp với những vai trò mới trong xã hội vốn thường hay biến đổi. Tánh cách quan trọng này khiến diễn giả chọn đề tài về « Nền Trung học Hoa-Kì ». Và ông cho hay trước là cuộc nói chuyện của ông sẽ thiên về trường Trung học công lập, vì có « chỉ có một số nhỏ trong tổng số học sinh Trung học ghi tên học tại các trường tư ».

Một điểm lạ cho người Việt chúng ta là một vài cộng đồng ở Hoa-Kì có một hệ thống giáo dục không giống

những cộng đồng khác. Diễn giả nêu ra điểm này trước nhất.

Các trường Trung học ở Hiệp-Chúng-Quốc không do Chính phủ Liên bang hoặc chính phủ Tiểu bang kiểm soát. Một tổ chức địa phương lãnh trách nhiệm đó, mang tên là « Tổ chức học khu ». Phạm vi của một học khu không chừng đôi : khi thì nó gồm một quận lỵ nhỏ, khi thì lại gồm một thành phố lớn. Dân chúng mỗi học khu bầu lên ban Giáo huấn ; ban này quyết định về chánh sách áp dụng cho các trường Trung học trong khu. Tỉ như lương giáo sư bao nhiêu, nên dùng sách của ai, nên dạy những môn nào.

Có thắc mắc gì quan trọng, như về đường lối giáo dục hay về chương trình dạy, thì ban Giáo huấn hội ý với các viên chức địa phương, với phụ huynh học sinh, hoặc với nhóm giáo sư, có khi cả với dân chúng để lấy một quyết định.

Hơn thế nữa, các hội đồng địa phương còn có thể đánh thêm thuế đặc biệt để lấy đó mà trang trải các các khoản tốn phí của trường sở, hoặc dùng một phần trong tiền thuế thu được vào việc ấy.

Và nhờ thế mà chẳng những học sinh theo ban Trung học được miễn phí mà lại còn được cấp sách vở và dụng cụ để học.

Công luận xét cần thay đổi gì trong việc dạy và ủng hộ sự thay đổi ấy, thì nguyện vọng chung này sẽ được thực hiện nhanh chóng.

Tuy nhiên, không phải mỗi học khu hoàn toàn tự do trong việc dạy dỗ. Ở mỗi tiểu bang, có ban Giáo huấn với nhiệm vụ kiểm soát tất cả các trường trong tiểu bang, hoạch định căn bản chánh sách giáo dục. Các tiểu bang đều thi hành luật cưỡng bách giáo dục : người dân Mỹ phải đi học ít nhất là đến 16 hay 18 tuổi.

Từ năm 1870, trường Trung học công lập phát triển mạnh mẽ, phần chánh là nhờ luật cưỡng bách giáo dục và nhờ sự kiện lịch sử ở cuối thế kỉ XIX : dân chúng nông thôn kéo về đô thị.

Diễn giả đưa ra vài con số :

Năm 1940, tổng số dân ở Hoa-Kì chỉ tăng hơn năm 1870 có gấp ba mà tổng số học sinh Trung học lại tăng đến chín chục lần ! Nhưng lại có điều đảo lộn này : năm 1870, ba phần tư học sinh Trung học bước lên Đại học ; còn năm 1940 (tức là vào đầu khoảng Thế chiến thứ nhì) chỉ có một phần tư học sinh Trung học là tiếp tục sự học lên Đại học.

Người Mỹ vốn thực tế, nên từ đầu thế kỉ, họ quan niệm nền Trung học của họ có nhiệm vụ : dự bị một số muốn đi luôn tới Đại học, chuẩn bị một số muốn ra đời sau khi rời trường, và chuẩn bị cho cả những học sinh chưa định mình sẽ đi đến đâu, sẽ làm gì.

Lí tưởng dân chủ của người Mỹ là mọi công dân đều bình đẳng trước

cơ hội. Vì vậy mà nền Trung học Hoa-Kì có hai, ba hay nhiều chương trình, để học sinh chọn theo sở thích. Nào là chương trình dự bị Đại học, nào là chương trình Văn hóa tổng quát (cho những ai không định học lên bậc Đại học), chương trình chuyên môn về Doanh thương, nào là chương trình huấn luyện về Canh nông, chương trình huấn luyện về Cơ khí, nào là chương trình Nữ công cho các thiếu nữ thích nghề... nội trợ.

Diễn giả nói :

« Người Mỹ cảm thấy rằng để học sinh các chương trình khác nhau, với nguyện vọng và tài năng khác nhau học chung trong một trường là một phương cách tốt để dạy họ ý tưởng dân chủ và xóa bỏ những cách biệt xã hội. Tuy nhiên, để các học sinh học chung một trường vẫn chưa đủ, nếu họ ghi tên học những chương trình riêng rẽ khác nhau. Các nhà giáo dục nhận thấy rằng mặc dầu mục đích của mỗi nhóm học sinh có khác, học sinh Trung học nên cùng học chung trong một sở lớp để, dầu hướng đi khác nhau, họ khởi đầu từ một căn bản giáo dục như nhau. Theo đó đầu chương trình học của họ khác nhau thế nào, tất cả học sinh thường phải theo học một số môn bắt buộc. Những môn học này thường là bốn năm Anh ngữ, hai năm Sử kí, Địa lí, một năm Khoa học và một năm Toán học ».

Nhưng gần đây, vì Khoa học tiến triển quá mau, nên có phong trào gia

tăng Toán học và Khoa học lên tới hai năm.

Rồi diễn giả nói sơ qua về chi tiết thời khóa biểu. Nói chung, thì học sinh Trung học phải học những môn bắt buộc (bốn hay năm môn) và những môn tự ý chọn lựa. Số môn học bắt buộc và tự ý chọn lựa ngang nhau. Ngày học chia làm bảy khoản, mỗi khoản một giờ. Các môn học bắt buộc hầu hết đều học mỗi ngày một giờ hoặc mỗi tuần bốn giờ. Thi giờ còn lại, học sinh có thể ghi tên học Thể dục, học Y tế, học thương thức Âm nhạc hay bất cứ môn phụ thuộc nào mình thích.

Một đặc điểm của nền Trung học Mĩ là không áp dụng nguyên tắc thi mãi khóa hoặc thi ra trường. Người ta căn cứ vào kết quả trong các kì thi trắc nghiệm và thành tích trong lớp của học sinh để đánh giá khả năng họ.

Như vậy, tại Hoa-kì, không có một văn bằng Trung học tiêu chuẩn nào.

Học sinh nào học hết bậc Trung học mà muốn lên cấp Đại học, phải qua một kì thi tại trường mình. « Cuộc thi này thẩm định khả năng tổng quát cũng như kiến thức về một số môn học nào đó của học sinh ». Có thi, nhưng chẳng có ai rớt ai đậu ; mục đích là để hướng dẫn các trường Đại học trong việc lựa chọn sinh viên. Các trường Đại học sẽ cứu xét kết quả kì thi này cùng những yếu tố khác, trong đó có lời giới thiệu của các giáo sư cùng thành tích tham gia

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Những lá thư màu xanh** truyện dài của Văn Quang, do Tiểu thuyết tuần san xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 260 trang, trình bày đẹp, bản đặc biệt không đề giá. Bản thường giá 48 đ.

— **Poème Choisis**, thi tuyển của Vũ Hoàng Chương, Simone Kuhnen de la Cœuillerie dịch ra Pháp văn, Nguyễn-Khang xuất bản. Sách dày 165 trang, gồm ngót 40 bài thơ của Vũ Hoàng Chương, mỗi bài đều kèm theo bản dịch Pháp ngữ và 8 bài thơ của nữ sĩ Simone Kuhnen de la Cœuillerie kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của Vũ Hoàng Chương. Tựa của André Guimbretière và phụ bản của Ysabel Baes. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Làm dân** số 2 và số 3. Tạp chí in Ronéo ở bên Pháp, mỗi số 0,60 F. Bưu phiếu và bài vở do Ô. Kiều Văn Côn : 3, Rue Louis Girard Malakoff (S).

— **Tiểu-thuyết hiện-đại**, tiểu luận của Trạng Thiên, do Thời Mới xuất bản, dày 188 trang, giá 42 đ.

Trân trọng cảm tạ các tác giả, các nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

và lãnh đạo của ứng cử viên trong các hoạt động của nhà trường tổ chức ngoài lớp học. Điều này chứng tỏ các trường Đại học « chẳng những cố tìm người học giỏi mà thôi, mà còn đề ý đến hạng người có sáng kiến và đức tính lãnh đạo ».

Người Mĩ cho rằng học văn chỉ là một mục tiêu trong những mục tiêu của Giáo dục. Diễn giả nhắc lại lời một nhà giáo dục danh tiếng :

« Giáo dục mà không có sự hiểu biết thì không phải là giáo dục, nhưng nếu sự hiểu biết là mục tiêu duy nhất, thì giáo dục sẽ cứng đờ như xác chết », Vì như thế, theo người Mĩ, là không chuẩn bị đầy đủ cho học sinh nhận lãnh một vai trò hữu ích cho xã hội. Lí do này khiến nền giáo dục cấp Trung học Mĩ quốc có thêm hai mục tiêu, là phát triển con người của học sinh đầy đủ về mọi mặt và kiến tạo ý thức trách nhiệm xã hội.

Bởi vậy mà ngoài các đoàn, các hội thể thao, kịch nghệ, ca nhạc, học sinh còn có thể tham gia các công tác xã hội, như phục vụ tại các bệnh viện hay đóng góp vào các công cuộc cứu trợ người nghèo. Nói chung, tất cả các hoạt động trong và ngoài học đường nói trên giúp cho học sinh bậc Trung học có cơ hội phát triển khả năng của mình, có cơ hội tiêu dùng sinh lực và thì giờ nhàn rỗi của mình một cách hữu ích, có cơ hội gia tăng những kinh nghiệm xã hội của mình.

* *

Trong đoạn kết luận, diễn giả đề cập đến một trong những mối lo âu lớn hiện nay của những người hằng quan tâm đến nền giáo dục cấp Trung học Mĩ quốc : đó là làm sao cho những học sinh xuất chúng được học theo một chương trình đặc biệt, tức là tìm giải pháp để vừa tích cực giúp các phần tử ưu tú này được phát triển cực độ khả năng, vừa giữ cho nền Trung học tánh cách đại chúng của nó.

Điều này, những nhà giáo dục Mĩ đang nghiên cứu và thực hiện dần.

* *

Thính giả vỗ tay mạnh và lâu để hoan nghinh người diễn giả nhiều thiện chí và người ngoại quốc đã tỏ ra có nhiệt tình với tiếng Việt.

Ông David A Engel lại có nhã ý mời người nghe có gì thắc mắc thì xin chắt vắn, ông sẽ xin cố gắng giải đáp mặc dầu không phải là một nhà chuyên môn về giáo dục. Thính giả tìm câu hỏi có hơi lâu, diễn giả bèn xin... chắt vắn thính giả trước:

— Tôi thấy ở miền Trung có những trường gọi là trường cộng đồng. Tôi muốn biết các trường ấy do ai lập ra và dạy những cái gì.

Vì trong hàng thính giả không thấy ai trả lời, ông Nguyễn-Phước-Thiện, chủ bút báo «Việt-Mỹ». ở trong ban Tổ chức, xin phép đứng lên giải thích.

Sau đó, thính giả kẻ trước người sau hỏi diễn giả.

— Chúng tôi muốn biết giáo sư Trung học ở Mĩ, ai tuyển chọn ?

— Ở mỗi tiểu ban, có một ủy ban riêng chuyên phụ trách việc này.

— Cách tuyển chọn ra sao?

— Mỗi tiểu ban chia ra nhiều học khu (school districts). Trường nằm trong học khu nào thì việc tuyển chọn do người hữu trách trong học khu đó đảm nhiệm. Về khả năng của ứng viên giáo sư, ban giám đốc học khu trọn quyền định đoạt nhưng phải theo những điều kiện tối thiểu do Chánh phủ Tiểu bang định. Nhưng đại khái người được tuyển chọn phải có một bằng Đại học, và đã học qua một chương trình đặc biệt về khoa Sư phạm. Chánh phủ Liên bang không nhúng tay vào việc này.

Đền câu hỏi, một giáo sư Trung học Hoa-Kì dạy trung bình mỗi tuần bao nhiêu giờ, thì sau lời đáp của diễn giả, có một thính giả vừa học ở Hoa-Kì về, xin phép lên để nói rõ thêm. Giáo sư bậc Trung học ở Hiệp-Chúng-Quốc dạy từ 20 giờ đến 25 giờ mỗi tuần, trung bình thì họ dạy mỗi ngày 4 tiếng đồng hồ. Có điều đặc biệt là những ngày, những buổi hay những giờ không dạy, họ cũng có mặt tại trường; họ có phòng riêng để làm việc, hoặc chấm bài, soạn bài, tham khảo tài liệu, đọc sách, thảo luận với nhau, hoặc tiếp xúc với học sinh của họ.

Trả lời câu hỏi của một thính giả hai thứ tóc: Xin ông so sánh hai nền Trung học Mĩ và Việt, diễn giả tỏ ra rất dè dặt. Khi đó thính giả vừa đi Mĩ về lại đứng lên phát biểu ý kiến

minh. Ông nầy nói: theo chỗ thấy của riêng ông, thì dường như bậc Trung học Việt chỉ cốt đào tạo học sinh lên bậc Đại học mà thôi, còn ở Mĩ, thì tùy sự lựa chọn môn học, một học sinh có thể nhắm Đại học làm mục tiêu, hoặc học những gì có hữu dụng thực tiễn để ra trường là đi làm ngay.

Một bạn trẻ — có lẽ sắp vào Đại-học — nêu lên thắc mắc này:

— Tuyển sinh viên vào Đại học, mà không có cuộc thi, lại căn cứ lời giới thiệu của các giáo sư, thì e có sự bất công: các giáo sư có thể thiên vị vì cảm tình riêng, hoặc vì lẽ này lẽ nọ mà « nói tốt » cho học trò mình.

— Trường hợp như thế ít có lắm. Nhưng cũng không sao. Trường Đại học xét nhiều mặt để nhận sinh viên. Giáo sư giới thiệu là một mặt, còn sự học và hạnh kiểm ở trường, lại còn những hoạt động xã hội và thể thao, trong đó ứng viên cho thấy khả năng lãnh đạo và óc sáng kiến của mình nữa.

Một bạn trẻ khác, đáng chừng là sinh viên, hỏi nạn kì thị chủng tộc có ở bậc Trung học không.

Diễn giả bảo rằng sự kì thị có thật ở đủ cả 3 bậc Tiểu, Trung và Đại học. Nhưng đó là một vấn đề xã hội không nằm trong đề tài buổi nói chuyện và ông xin lỗi không thể nói nhiều hơn. Nhưng bạn này lại hỏi tiếp, có lẽ vì quá thiết tha với vấn đề thời sự này:

— Xin ông cho biết tại sao ở Đại học, sự kì thị chủng tộc lại gay gắt, sôi nổi hơn ở Trung học.

Trong khi một sô thính giả đứng tuổi cau mày, thì diễn giả vẫn tươi cười, đáp :

— Ở Trung học, phần nhiều có trường riêng cho người da đen. Ở Đại học thường thì người da đen da trắng học chung. Học chung với nhau dễ xung đột hơn, lại tuổi sinh viên là tuổi máu nóng, nên vẫn dễ trở nên trầm trọng hơn.

Một thính giả trung niên hỏi ra ngoài phạm vi... Trung học.

— Theo chỗ tôi biết, hầu hết trường ở Mỹ, trai gái học chung. Như thế là vô tình nay cô ý ?

— Cô ý.

— Xin cho biết lí do sự cô ý ấy.

Diễn giả để mở một nụ cười rất là thanh niên :

— Có trai có gái, học vui hơn.

Cả cử tọa đều cười, và ra về, vui vẻ.

NGUYỄN-NGU Í thuật

Đại-Nam Văn-Hiến xuất-bản-cục kính cáo :

● Từ nay, xuất-bản-cục tạm ngưng phổ biến sách, như là đã gửi bán ở các hiệu sách lớn đô thị. Thay vì LOẠI SÁCH BÀN THẢO, in rô-nê-ô, không bán ra ngoài chỉ có mặt dành riêng cho tác giả, văn hữu, độc giả muốn sưu tập sách hiếm. Chúng tôi sẽ gửi thông báo đến quý anh chị nhà văn từng ủng hộ chúng tôi — hoặc độc giả thuộc loại Club des Amis de Lettres như ở Pháp muốn tham gia sinh hoạt văn nghệ với xuất-bản-cục. Trị giá trao đổi 50 đồng cho mỗi tác phẩm có mặt, bất luận dày, mỏng, mỗi tháng có mặt tối thiểu một cuốn. Tháng 7-1963 sẽ có mặt những cuốn đầu và ra tiếp nối :

- 1) **NHỮNG NGƯỜI QUỐC GIA 1945** thơ TẠ-QUANG-TRUNG.
- 2) **LÍNH / TIỀN ĐỀN / YÊU / TỔ QUỐC**, thơ PHẠM-XUÂN-DƯƠNG — cả hai tập đều do THẾ-PHONG vào đề.
- 3) **CHIẾC ROI NGỰA**, truyện của GHEORGHIV.
- 4) **VIỆT-NAM BỊ THẢM ĐÔNG-DƯƠNG**, ký sự lịch sử của LOUIS ROUBAUD.
- 5) **TUYÊN THƠ KHÁNG CHIẾN PHÁP 1939-45.**
- 6) **MAÏAKOVSKI** dưới mắt ELSA TRIOLET — cả hai cuốn do THẾ-PHONG vào đề, dịch.
- 7) **CON CHÓ LIÊM SỈ**, tập truyện ngắn THẾ-PHONG ưa thích.
- 8) **LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT-NAM 1950-56**, in lại đầy 200 trang rô-nê-ô, phê bình văn học của T. P. — một cuốn sách trong bộ L. S. V. N. V. N. được nhắc nhở nhiều và bán chạy nhất.
- 9) **PHẦN TIỀN BẢN XỨ**, thơ THIẾT-TỐ
- 10) **TUỔI TRẺ ĐEN** truyện RICHARD WRIGHT...

● Thư từ, bài vở gửi cho THẾ-NGUYỄN — Giám đốc văn học, THẾ-PHONG, 201-11, Nguyễn-Huệ, Phú-Nhuận, Saigon — Tiền bạc để tên PHẠM-QUANG-HUYỀN.

nguyễn-ngu-í
phụ trách

Bách-Khoa phỏng vấn giới nhạc sĩ

VII

● LÊ-MỘNG-BẢO



Sinh năm 1925 tại Huế.

Chuyên về Tân nhạc.

Bắt đầu sáng tác từ năm 1946.

Đã xuất bản :

Không làm nô lệ (1946), Đàn bướm trắng, Dư hương, Tình đàn, Ngày về chiến thắng, Chiều viễn xứ, Hương duyên v.v...

Đã cộng tác với nhà xuất bản Việt nhạc Tinh-Hoa (Huế), từ 1946, và hiện là giám đốc nhà xuất bản Việt nhạc « Tinh-Hoa miền Nam. (Sài-Gòn)

Đã biên khảo về « Lịch trình tiến hóa nền âm nhạc mới Việt Nam » trên các tập san « Tin nhạc » (1949), Thu Thần-kinh (1950), Rạng đông (1958) v.v...

Đang soạn : « Việt Nam trên đường cách mạng Tân nhạc ».

Anh tỏ ra lo xa ngay từ phút đầu :

— Như anh biết, tôi chuyên về sáng tác Tân nhạc và xuất bản những bài hát thuộc về loại này, nên tôi xin anh chỉ hỏi tôi về ngành nhạc mới. Anh

mà chất vấn tôi về những gì dính với Cổ nhạc và nhạc Tây-phương thì tôi đành « dựa cột mà nghe » vậy.

Tôi chưa tìm được câu hỏi nào để mở đầu câu chuyện thì một tốp nữ-

sinh đi học về ghé vào hiệu anh chọn mua những bài hát mới. Tôi bèn hỏi người chuyên trông nom việc xuất bản nhạc Việt trên mười lăm năm nay :

— Có phải những «thân chủ» đông nhất và trung thành nhất của các nhà xuất bản Tân nhạc thuộc giới học sinh ?

Anh gật đầu, rồi tốp :

— Kể đó là giới quân nhân, sau đó là giới thợ thuyền.

Tôi không giấu được sự ngạc nhiên :

— Anh chị em thợ thuyền thích Tân nhạc đến thế sao ?

— Có gì lạ đâu, anh. Phải đầu tắt mặt tối thì những buổi rảnh rang, ngêu ngao hát hay đồn vài bài hợp với ước mơ của mình, đó cũng là một lối giải-trí trong lành và một niềm an ủi cho giới cần lao.

Tôi lắng tai nghe tên mấy bản nhạc các cô nữ sinh hỏi mua, rồi hỏi anh :

— Anh thấy loại bài hát nào bán chạy nhất ?

Anh mỉm cười :

— Có điều đặc biệt, là nhạc của bài hát bị lời ca chi phối. Người mua nhạc, thích những lời thuộc loại tâm tình, gợi lại một kỉ niệm êm buồn. Và nhạc điệu đừng rắc rối, mà giản dị, cho nên anh thấy nhiều bài hát « có tiếng », được ưa chuộng, đều có một điệu nhạc tương tự. Điệu nhạc có « bà con » với nhau, thì người chơi nhạc mới dễ đồn, người học hát mới hát mau.

— Anh xuất bản nhạc từ lâu, chẳng hay anh có một đường lối nào trong việc chọn lựa bài hát ?

Một nét buồn thoáng qua gương mặt hiền hậu của anh :

— Trước kia, cũng có thể gọi là có một tiêu chuẩn nào đó (chữ đường lối nó có vẻ lớn... lối quá, tôi không dám dùng), Bản nhạc cần phải có giá-trị, về nội dung cũng như hình thức.

— Xin anh nói rõ hơn.

— Nhạc phải viết cho đúng... văn phạm, và lời có ít nhiều ý nghĩa.

« Tóm lại, bản nhạc phải cho có hồn ».

— Còn bây giờ ?

— Bây giờ... Rõ ràng hơn là từ năm 1958 trở lại đây, nhà xuất bản không còn cung cấp « món ăn nhạc » cho công chúng nữa, mà ngược lại, chính công chúng đòi hỏi nhà xuất bản những bài mà họ thích. Chúng tôi từ năm nay đóng vai trò của kẻ trung gian và công việc của chúng tôi hoàn toàn là nghề nghiệp.

— Anh nói công chúng đòi hỏi bài hát..., phải chăng vì có vài nữ danh ca « lãg xê » các bài hát ấy ở các trà thất ?

— Phòng trà chỉ có ảnh hưởng phần nào đó thôi, và chỉ trong phạm vi thủ đô. Ảnh hưởng lớn lao và quyết định do đài phát thanh.

Anh im lặng một hồi, rồi mới tiếp :

— Những bài hát được đài phát thanh giới thiệu, rồi hát đi hát lại nhiều lần, dễ khiến người nghe ưa thích. Họ đòi hỏi những bài hát ấy để học theo đài phát thanh. Nhà xuất bản phải chiều theo luật « cầu » ấy, mới mong duy trì



Nhạc sĩ Lê-Mộng-Bảo với ban nhạc
đài phát thanh Huế (năm 1948)

cơ sở của mình trong buổi tranh sống
gắt gao này.

Tôi cười :

— Nếu rủi trưởng ban nhạc phụ trách
tuyển chọn bài hát để phổ biến trên làn
sóng điện mà làm việc vì bè phái, vì tư lợi,
thì nền Tân nhạc của ta sẽ nghèo nàn lắm
sao ? Anh từng để ý và theo dõi việc
này, hẳn anh có thể cho biết ý kiến
anh về sự chọn bài hát để giới thiệu
ở đài phát thanh ?

Anh không trả lời, mà chỉ cười. Tôi
hiểu rằng anh đã có ý kiến, song không
muốn nói ra. Tôi bèn bắt qua hướng
khác.

— Theo chỗ anh thấy, giới Tân nhạc
hiện gặp trở ngại gì lớn nhất ?

Câu hỏi tôi như «gãi đúng chỗ ngứa»
của anh. Anh trả lời một mạch.

— Qua các báo tôi thường thấy bạn đọc
nêu lên là việc kiểm duyệt nhạc không
thống nhất. Anh nghĩ coi : một bản
nhạc đã được hội đồng kiểm duyệt trung-
ương ở nha Tổng-giám-đốc Thông-tin

cấp giấy phép để in, mà ban Kiểm
duyet nhạc của đài phát thanh lại không
cho phổ biến qua làn sóng điện ;
ngược lại, có bài hát được phép hát
ở đài phát thanh, mà khi xuất bản, nha
Tổng giám đốc Thông tin lại không cho.
Lại còn có trường hợp một bài được đài
phát thanh Sài Gòn cho hát, mà đài phát
thanh Quân đội lại kiểm duyệt, hoặc là
ngược lại. Sự không đồng tâm nhất trí
này của các cơ quan hữu trách nói trên
gây thắc mắc không ít trong giới sáng
tác cũng như trong giới xuất bản Tân
nhạc.

— Còn như âm nhạc nên phục vụ từng
giai đoạn chính trị của nước nhà, có là một
trở ngại cho bước tiến của Tân nhạc
không ? Tỉ như phải sáng tác theo quốc
sách « Chiêu hồi »...

— Tự nhiên là có trở ngại phần nào.
Ta được về mặt tranh đấu, nhưng ta lại
mất về phần nghệ thuật. Anh em trong
giới sáng tác tuy không quên đường lối
do chánh phủ vạch, song cũng không
quên nhu cầu của quần chúng. Nói thẳng,

nói rõ quá, thì họ không thích, mà đã không thích, thì họ chẳng thèm nghe hát, chẳng thèm mua bản nhạc. Thì mình chẳng được lợi gì. Nên khi đặt lời, các tác giả đã dụng công không ít. Tỉ như sáng tác theo chính sách « Chiêu hồi » như anh vừa nói, anh để ý sẽ thấy trong đa số bài hát, các tác giả vừa nhắm chính sách của chính phủ nêu ra để phổ biến vừa cố sao cho lời được thi vị hóa để cũng có thể hiểu là của người ở Sài Gòn chẳng hạn nhấn nhủ người rất thương đang ngụp lặn dưới nước biển Nha-Trang hay đang bơ vơ trên cao nguyên Đà-lạt.

Anh ngừng một chút, rồi tiếp :

— Cái « khéo léo » của giới sáng tác Tân nhạc càng thấy rõ trong những bài ra trong thời quân dịch. Người ta tạm biệt nhau, tiễn biệt nhau dặn dò nhau, nhớ thương nhau, cùng hẹn ngày tái ngộ... đem áp dụng với người lên đường vì nước cũng đúng mà để chỉ vào người yêu ra đi vì một biển cỏ gì, cũng chẳng sai.

Anh bỗng mỉm cười :

— Lại có khi tác giả để cho hai người lính chiến nói chuyện với nhau, nhưng ta lại hiểu đó là một người thanh nam đang cởi mở tâm tình với một người thanh nữ.

Tôi cười theo anh, rồi hỏi :

— Anh ở trong giới Tân nhạc lâu năm, xin anh cho biết vài khuyết điểm, nếu có.

— Theo tôi, khuyết điểm quan trọng nhất là đa số anh em thiếu tinh thần cầu tiến. Phần đông tự học lấy, tự học đồn,

rồi tự học một phần hòa âm và ít nhiều lí thuyết sáng tác, rồi khi vài ca khúc được hoan nghinh, đã vội cho mình đi tới đích của nghệ thuật, mà chẳng chịu học hỏi, tìm tòi thêm. Cho nên vườn Tân nhạc sau này thiếu những kì hoa dị thảo.

« Khuyết điểm thứ hai..., tôi không biết có nên cho đây là một khuyết điểm không ? Các anh thời tiền chiến như Thẩm - Óanh, Dương - Thiệu - Tước, Lê - Thương, Nguyễn - Xuân - Khoát, Võ - Đức - Thu, Nguyễn - Văn - Thương, Nguyễn-Hữu-Ba, Đặng-Thế Phong, Lưu-Hữu-Phước, Văn-Cao... sáng tác vì nghệ thuật, vì lí tưởng. Giờ thì anh em sáng tác vì lợi hơn, cái lợi vật chất thiết thực cũng như chúng tôi. Phải chăng vì hoàn cảnh nước ta trước khác, nay khác, hay vì quan niệm về nghệ thuật đã thay đổi ?

« Khuyết điểm thứ ba là thiếu những bài hát cho giới thiếu nhi. Anh để ý thì thấy tuy có hai ban « Việt nhi » và « Tuổi Xanh » hoạt động ở đài phát thanh, nhưng thỉnh thoảng mới hát đôi bài hợp với tuổi trẻ. Có người hỏi vì sao, thì được trả lời : vì bài hát riêng cho thiếu nhi ít quá. Có vài anh chú ý đến loại nhạc này, như các anh Hùng - Lân, Lê-Cao-Phan, Dương - Minh - Ninh, thì tác phẩm lại không được phổ biến ! »

— Thế anh có ý kiến gì để bổ khuyết những khuyết điểm nói trên ?

Anh hơi nhăn mặt :

— Trong những cuộc họp bạn thân mật, chúng tôi có đặt vấn đề với nhau, và thử tìm vài phương bổ cứu, nhưng rồi cũng đành bó tay : nước nhà đang ở vào một hoàn cảnh đặc biệt quá, bao vấn đề

BÁCH KHOA PHÒNG VĂN GIỚI NHẠC SĨ

sống chết đè nặng cuộc sống toàn dân, thì không nên đòi hỏi nhiều ở Chánh quyền ; trong khi đó, sức lực và phương tiện của cá nhân hay đôi nhóm người chỉ có hạn.

— Thế thì tương lai Tân nhạc...

— ... Nó mù mờ lắm !

— À, có những người cho rằng Tân nhạc không có giá trị gì, rằng nó là phần thấp nhất của Âm-nhạc... Chắc là anh không đồng ý.

— Dĩ nhiên. Chắc đó là người mất gốc, hoặc sống xa quê nhà trong thời giành độc lập. Có lẽ họ chỉ biết có nhạc Tây-phương, và không chịu nhìn xem ảnh hưởng Tân nhạc đối với dân-tộc, nhất là trong giai đoạn quyết liệt của thời tiền khởi nghĩa. Lúc đó, trăm bài Cổ nhạc đặt lại lời ca, hay ngàn bài nhạc đại hòa tấu

Tây phương của họ, coi có kích thích được tinh-thần yêu nước và tranh đấu cho giống nòi bằng một bài « Tiếng gọi thanh niên » của Lưu-Hữu-Phước không ? Dù muốn dù không, Tân nhạc đã đóng trọn vai trò lịch-sử và xã-hội của nó, đã là tiếng nói của dân-tộc khi vui khi buồn, khi hờn, khi giận, khi mong khi ước hai mươi lăm năm nay — giai đoạn đặc biệt nhất của giống dòng.

« Tân nhạc đối với dân ta như rau và mắm vậy ».

Tôi cười và ngắt lời anh :

— Nói như anh, thì loại nhạc thuần túy, loại đại hòa tấu... đối với đồng bào ta hiện nay, nếu chẳng phải là vi cá, bào ngư, thì cũng không khác gì sâm banh, phở mát sao ?

Anh cười.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại



● THĂM-OÁNH

— Sinh năm 1916, tại Hà-Nội.

— Chuyên dạy Xướng nhạc pháp và soạn Tân nhạc từ năm 1937.

a) đã dạy tại các trường Trung-học :
Duvillier, St Charles, Thăng-Long, Khuyến-Nhạc Học Xá, Văn-Lang, Chu-văn-An, Trưng Vương, Nguyễn-Trãi.

b) đã viết được trên 1.000 bản nhạc, đủ loại, với 3 nhạc kịch : Quán Giang Hồ (đã công diễn) ; Bá Nha Từ Kỳ, Đoàn kết là Sức Mạnh. (Chưa diễn).

Diễn thuyết đầu tiên về « Âm Nhạc Cải Cách Việt-Nam tại hội Trí-Tri (Hà-Nội) năm 1941.

NGUYỄN-NGU-Í phụ-trách

— Phó Hội Trưởng hội Khuyến Nhạc (Bắc Việt) ; Chủ bút Bán Nguyệt San Khuyến Nhạc (từ báo truyền bá âm nhạc đầu tiên — 1945-1946) ; Trưởng ban Nhạc Thanh Niên Hội Khuyến Nhạc ; Phụ trách điều khiển Văn-Nghệ Phát Thanh Đài Hà-Nội, Chủ bút Bán-Nguyệt-San Việt Nhạc (1948-1951).

— Thuyết trình về « Lịch trình tiến triển của Nền Âm Nhạc Việt-Nam » tại giảng đường trường Đại học Hà-Nội (1951), — và về : « Sức tiến triển của Nền Việt Nhạc » tại Nhà Hát Lớn Hà-Nội (1953). Từ 1954 — tại Sài Gòn :

— Hiệu-Trưởng Trường «Ca Vũ Nhạc Phổ Thông» (Bộ Thông-Tin và Thanh Niên), Tổng Thư Ký, tiếp đến : Phó Hội Trưởng Việt-Nam Nhạc Hội (1956-1958) ; Ủy Viên thuyết trình của VNCH trong Hội Nghị Âm Nhạc Đông Nam Á, tổ chức tại Manille (1955) ; Phụ trách điều khiển « Văn Nghệ phát thanh » Đài Tiếng Nói Nước Việt Nam Cộng Hòa (1956-196...) ; Hướng Dẫn Viên Văn Nghệ phát thanh (từ 1961)

Qua bài này, tôi xin mạn phép đi lạc đề chút ít, nghĩa là xin mạn phép cho sự trả lời trực tiếp những câu hỏi gợi ý được đề ra.

Đây chỉ là bản lược kể quá trình hoạt động của Nền Tân Nhạc, qua đó những vấn đề chi tiết thuộc về sáng tác, trình bày... được nhắc nhở, nói lại nghe chơi ví như câu của cổ nhân là : « ôn cố tri tân » vậy.

Chương trình lớn lao hàng nghe đề cập tới nhiều. Ý kiến uyên bác của các Bậc Cao Nhân, hàng « Sư » có, hàng « Sĩ » có, để xây dựng nền tảng Âm Nhạc hùng vĩ, cao siêu, đã được giải bày, không phải là ít. Hồi chuông báo động chính là hồi chuông cảnh tỉnh. Bèn giật mình, tỉnh giấc hoàng lương. Lòng vẫn như lòng nhớ kỹ câu : « Tri kỷ, tri bỉ », đã toan không dám đánh trống qua cửa Nhà Sấm, vì Bạn Nguyễn - Ngu-Í nhất quyết đăng thúc, vậy xin mạo muội đóng góp ít lời lẽ dông dài.

*
* *

Hồi 1936-37, ở Hà Nội, khi viết được vài bản nhạc theo phương pháp ký âm Tây phương, có nhạc điệu na ná hơi Bắc hơi Nam, nhịp nhàng theo loại khiêu vũ Âu-Tây, tôi bèn sốt sắng « tìm bạn hợp đàn » ; lại có thêm sự may mắn được một số bạn đồng ý, kẻ thì họa điệu theo, người thì hoan hỉ hợp nhau để đàn lên những điệu mới lạ ấy, trước còn e dè đồn ca trong các « phòng khách », — được « mở » theo « phong trào Salon », — Sau rồi, có một ngày liêu lĩnh, kéo nhau cả lên Sân khấu, giúp hội Thiện, để gây nên một dư luận khá sôi nổi tại đất « ngàn năm văn vật », trở thành một phong trào, lan tràn từ Bắc chí Nam, — từ cái ngày khởi thủy xa xưa ấy, (ngày 13 tháng 9 năm 1938, Ban Myosotio trình bày ca nhạc của Dương-Thiệu-Tước và Thẩm Oánh, giúp Hội Ánh-Sáng xây dựng Nhà Rể Tiền) tới nay, đảng đảng đã có một phần tư thế kỷ, đoái nhìn quá khứ thấy còn bàng bạc hơi sương, ngó vào hiện tại : nửa mừng, nửa lo để mà hi vọng một tương lai sáng sủa.

Vấn đề Nhạc lại được đặt ra, lúc này, thực rất thích hợp. Nói vậy không phải là vấn đề chẳng hề được nghĩ đến bao giờ mà trái lại, kể từ ngày có tờ báo đầu tiên về âm nhạc là Tờ Bán Nguyệt San Khuyến Nhạc (1945-46), và kể đến, tờ Việt-Nhạc (1948-1950), vấn đề đã được đề cập đến quá nhiều lần. Các chương trình, từ huấn luyện âm nhạc cho đại chúng đến giáo dục âm nhạc thuần túy, đã được nêu lên, với đầy đủ phương pháp tổ chức, kế hoạch thực hiện... để rồi các đoàn thể có lòng với nhạc đã lần lần hăng hái hoạt động cho Nhạc, gây thành một phong trào rất bành trướng trong mọi tầng lớp thanh niên hồi đó, mà bác cầu quá khư, nổi liền hiện tại, cho loan

truyền đi ý nhạc Việt-Nam vang vọng khắp bốn phương trời, để trên mảnh đất vun bồi từ 25 năm có lẽ ấy, một Nhạc Đài độ số nguy nga đã được xây dựng lên, giao phó cho các bậc Cao Nhân thế hệ hôm nay, thực hiện cái mộng của lớp người cũ kỹ năm xưa, ẩn hiện hậu trường, tỏ mờ dĩ vãng.

Thực vậy, kể từ thuở ban sơ của nền Việt Nhạc, lớp thanh niên hiếu nhạc (ngoài Bắc) đã được hòa mình vào mọi hoạt động của hội Khuyến Nhạc, từ năm 1943 đến 1948; nào là trong các lớp Xướng nhạc pháp, lớp ca, lớp hát phổ thông mở công cộng tại các Công viên, lớp đàn (Piano, Violon), liên tục

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) *Bạn chuyên về nhạc gì? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.*

2) *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào. Và tập luyện ra sao? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc...)*

3) *Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt?*

4) *Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất.*

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) *Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì?*

6) *Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.*

khóa này qua khóa khác ; nào là : trong các buổi hòa nhạc, với chương trình trình diễn phối hợp Nhạc Tây Phương có dẫn giải, với Nhạc Việt-Nam (cả Cổ lẫn Cải Cách) luôn luôn được tổ chức tại Nhà Hát Lớn Hà-Nội, (ví dụ : bài « Sur le Marché Persan » tức « Trong chợ Ba Tư » có nói đến trong sổ trước, đã được trình bày dẫn giải hơn một lần từ năm 1945 tại Hà-Nội). Bên cạnh Hội Khuyến Nhạc, lại còn có thêm các nhóm khác, cũng hoạt động không kém phần tích cực, nào là : Âm Nhạc Học Xá, Nhạc Đoàn Lê-Bảo Tịnh v.v... cùng ra sức đẩy mạnh cao trào âm nhạc. Rồi tiếp đến hoạt động của Ban-Việt Nhạc (từ 1948 đến 1953) : hết thấy điều gì hữu ích cho sự truyền bá và giáo dục Âm nhạc, Ban này đã gắng cật lực thực hiện, (ví dụ : những lớp Sáo, Harmonica, có thấy đề nghị trở lại trong sổ trước, Ban Việt Nhạc đã cho mở tại Hà-Nội, từ ngày 5 - 8 - 1948, với 230 nhạc sinh theo học lúc đầu). Kịp tới khi, Đài Phát Thanh Hà Nội được trao trả cho Việt-Nam, thì nguồn nhạc mới đã được phát triển ngày mỗi thêm mãnh liệt ; Ban Việt-Nam đã đóng góp khả quan cho sự trưởng thành của nền Tân - Nhạc Việt-Nam (nhất nhất mọi chương trình, mọi hoạt động đều có đăng tải trên Bán Nguyệt San Việt Nhạc, xuất bản tại Hà-Nội, từ 1948 đến 1950).

Cho tới 1954, nền Việt Nhạc tưởng đã có đà xây dựng cơ sở vững vàng. Danh từ « Âm nhạc cải cách » được đề nghị xóa bỏ, thay thế bằng « Tân Nhạc Việt-Nam ». Giờ dạy âm nhạc, tức Xướng nhạc pháp ở các Trường đã hoàn toàn giảng bằng tiếng Việt, các danh từ chuyên môn đã được nghiên cứu dịch ra tiếng

Việt ; sách giáo khoa âm nhạc cũng được soạn bằng tiếng Việt, dùng quen dần cho tới ngày nay.

Ngó về địa hạt « sáng tác » thì bản nhạc đã thấy ấn hành quá nhiều, như bướm nở. Qua luồng điện phát thanh, bản nhạc được phân ra từng loại, để xây dựng chương trình. Loại bài ca « lịch sử » « thanh niên » hoặc « hùng ca » được cổ súy mãnh liệt. Trong báo Việt Nhạc, mỗi số đều có in ít nhất là một bài thuộc các loại kể trên. Nhưng... thính giả lại chỉ thích nghe đồn ca loại du dương, mơ mộng, để các vấn đề gọi là « lãnh mạnh hóa luồng điện phát thanh » vẫn thỉnh thoảng lại được đặt ra, mà vẫn chưa... « gọn điệu ». Lối trình diễn « chia câu » bị đào thải dần dần. Đa số các bài trình diễn phát thanh đã có phần hòa âm. Sổ cương Ban Việt Nhạc, tới 1954, đã có trên 2.000 bản nhạc được trình diễn phát thanh. Số nhạc sĩ sáng tác, lễ tế dăm bảy người hồi 1937-38, đã lên tới trên 120 người. Và các ca nhạc sỹ ưu tú của Hà-Nội thanh lịch đã qui tụ cả ở Đài, để chân thành phụng sự Quốc Gia, qua ngành Âm nhạc.

Đà tiến triển ấy bị gián đoạn vì sự phân chia đất nước do Việt Cộng gây nên, cuối năm 1954.

Di cư vào Nam, con người nhạc sỹ của Hà-Nội hôm qua đã quá ngỡ ngàng trước luồng sóng nhạc cuồng nhiệt, vang dội lên tiết điệu hăng nồng của loại khiêu vũ giật gân, hầu như muốn đánh bạt cả đi cái gì gọi là « dân tộc tính », mà nhạc giới đang cố công gây dựng. Công cuộc lấy lại dân tộc tính, cho nền Tân nhạc, hồi đó, thật là cả một vấn đề ; do đó đã

nảy sinh ra loại « Dân ca Mambo » lê lét cả một thời gian đằng đẳng.

Định cư xong, con người nghiệp-chương lại hăng-hái cần cù hoạt động cho nhạc. Hòn-Ngọc Viễn-Đông này thực xứng-đáng cho sự phát-huy âm - nhạc, Người ta rất ưng nghe ca nhạc, người ta hăm-hở đi học nhạc, lớp nhạc nào mở ra xem chừng cũng sống được. Người ta ưng ca những bài Rumba, Mambo, Cha Cha Cha dễ hát, dễ thuộc. Chán tiết-điệu này, thì lại có tiết-điệu khác ngay. Điệu Tango, Habanera có ngán thì Bolero bèn xuất-hiện, rồi đến Slow-Rock đang độ thịnh-hành. Nếu Twist không bị cấm, thì có lẽ suốt các dọc đường đã thấy những cặp giò « cà tung nhún-nhảy », thay vì đi từng bước. Câu « đại chúng chỉ ưa thích cái gì mà họ hiểu được », đã đọc thấy trong số báo trước, phải chăng, như vậy, đã được chứng-minh ?

Thấy Nhạc tại miền Nam được hưởng-ứng hơn là ở ngoài Bắc, con người nhạc sĩ nghiệp-chương bèn lo đề-cập đến điểm cao-trọng hơn — khi nghe thấy Đài Phát Thanh Sài Gòn (hồi đó 1955, dưới quyền điều-khiển của ông Đoàn-Văn-Cầu một vị giám đốc giàu lòng với Văn Nghệ-giới) dự-định tổ chức Tuần lễ Mozart, theo trào-lưu Quốc-tế, thì nhóm nhạc sĩ di-cư bèn húng lấy phần tổ-chức, huy động nhạc-giới, xin thành lập « Việt-Nam Nhạc-Hội » để lập luôn Giàn nhạc Đại-Hòa-Tấu đầu tiên, có tới trên 60 nhạc sĩ, và, rất phục thiện, trao chiếc đũa điều-khiển tới tay một vị Nhạc Trưởng mới du học Pháp Quốc về, ông Nguyễn-Phụng, (đương kim Giám đốc Trường Quốc-Gia Âm-nhạc và Kịch-Nghệ) để lo tập dượt,

và thực hiện Tuần Lễ Mozart. Ý-nhạc cao-trọng của nguồn Cổ điển Tây-phương được vang-vọng lên dưới khung trời Hòn-Ngọc Viễn-Đông, đưa luôn đến sự thành công cho ngành Giáo-dục Âm-Nhạc là : xin mở được Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc hiện nay. Vậy, nguồn nhạc Tây-Phương đã có dịp phổ-biến, cũng như, sau Tuần Lễ Mozart ấy, hằng năm, tiện dịp, Việt-Nam Nhạc - Hội cũng có tổ-chức ít buổi hòa nhạc Tây-Phương, với Giàn Nhạc Đại-Hòa-Tấu — khán giả hiểu nhạc ưng đi dự để xem trình-diễn tất có lưu giữ ít nhiều kỷ-niệm êm vui.

Ngành Giáo dục Âm-Nhạc, từ 1956, đã có hình-thức hẳn hoi với « Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc » không như mấy năm về trước, co quắp, vất vả, thiếu thốn trong khung cảnh của « Trường Ca-Vũ-Nhạc Phổ-Thông », nhỏ bé nhưng đầy nghị-lực. Thực vậy, nếu muốn nói về ngôi trường giáo-dục Âm-Nhạc đầu tiên sau dịp di cư, thì-dù muốn, dù không cũng phải nhắc-nhở tới « Trường Ca-Vũ-Nhạc Phổ-Thông », trường này đã tiếp tay cho Trường Quốc-Gia Âm-nhạc : Sở nhạc sinh mãn khóa của Trường Ca Vũ Nhạc Phổ Thông đã là lớp nhạc sinh đầu tiên của Trường Quốc-gia Âm-nhạc. Tới nay, 7 niên-học đã qua đi, thành quả lượm hái được tất cũng có phần đáng kể, kinh-nghiem thực với thời gian tất cũng đã có, tương-lai nền Việt nhạc tất trông cậy ở nơi đây.

Vậy tiền-đồ nền Việt Nhạc, hay hay dở, một phần lớn là trông chờ nơi lò đào-tạo nhạc sĩ thế - hệ ngày mai — Căn-bản có vững-vàng, thì hoạt - động mới có kết-quả tốt đẹp. Dù muốn phổ-

biển nhạc Tây - Phương rộng rãi, dù muốn phục-hưng ngành Quốc-nhạc cổ-truyền, phương-pháp truyền-bá đòi-hỏi phải có nhân sự giàu kinh-nghiem khả-năng. Còn đâu trau-dồi khả-năng cho có kết quả, bằng một cơ-quan chính-thức giáo-dục âm-nhạc? Những chệ bai, lệch-lạc của hôm nay, sẽ được tu chỉnh, tài bồi lại, ngày mai, bằng những tài-ba lỗi-lạc mới, do Trường Quốc-gia Âm-Nhạc đào-tạo cho Nhạc-giới tương-lai.

Khía cạnh Giáo Dục Âm Nhạc là như vậy. Được như vậy, tất gọn được một phần ước vọng tương lai.

Ngó qua khía cạnh khác, nơi được mệnh danh là : có nhiều ảnh hưởng về âm nhạc đối với đại chúng, tức Đài Phát Thanh, ta nhận thấy : thủy chung, Đài hằng làm tròn xức mệnh của một « Tiếng Nói Nước Việt-Nam Cộng-Hòa » trong đó, phần Văn nghệ phát thanh dù giải trí hoặc tuyên truyền đã góp công xứng đáng. Thực vậy, từ 1955 đến nay, nhất nhất mỗi chiến dịch, mỗi giai đoạn, Văn nghệ phát thanh đã hùa theo đề tài mà sáng tác rất súc tích, kịp thời. Từng đợt, từng đợt, Văn Nghệ phát thanh đã đi sát với chủ trương, đường lối của Đài. Ngoài ra, Văn Nghệ phát thanh còn được khuyến miễn nên tự chỉnh đốn để, trước là giữ lấy dân tộc tính cho bài bản trịnh diện, sau là : cần gắng mà « lành mạnh hóa luồng điện phát thanh ». Văn nghệ phát thanh, gần đây còn muốn hướng tới một mục đích mới : ca nhạc không phải chỉ để tiêu khiển suông. Giải trí cần nhằm mục đích giáo dục. Văn Nghệ phát thanh phải có tác dụng hữu ích cho dân tộc. Thứ nữa, Văn Nghệ phát thanh còn

được dùng làm món gia vị, giúp thực khách là thích giả tiêu thụ phần Thông-Tin, bình-luận... một cách dễ-dàng. Mục-dích mới này, thật đã cởi mở cho ngành Văn-Nghệ phát-thanh được nâng lên hàng bậc cao hơn trước kia, để mang lấy giá-trị phát-thanh, Văn-Nghệ. Vậy, ít lâu nay, nhờ chiều-hướng mới, Văn-Nghệ phát thanh bèn đi tìm giá-trị, để cởi mở ; những bài cũ xa-xưa, có một thời, được mang ra trình-bày lại. Ý nhạc du-dương, óng chuốt tưởng được dịp thỏa mãn người nghe. Nhưng, « điệp - khúc dư luận » như tự bao giờ, lại vang ngân, kêu gào đòi có sự lành-mạnh và hùng-tráng. Văn-Nghệ phát-thanh bèn dung hòa, để gắng giữ lấy cái gì chính-xác gọi là phẩm - chất Văn - nghệ, nhất là cho ngành Tân-nhạc.

Có thể vì món ca nhạc phát - thanh, cổ cũng như tân, nghe đã quá quen nên kém thiết-tha, mà thính giả bèn ưa chuộng lối ngâm thơ óng chuốt để các buổi thi-văn được phát-thanh nhiều hơn. Nếu xưa có ai nói rằng ; « Tâm hồn người Việt ta, là tâm hồn thi sĩ », thì lời nói ấy đã có được sự chứng-minh, qua lớp thính giả quá đông-đảo của các Ban Thi Văn, hoặc Thi-Nhạc giao - duyên. Thính giả, dù là người Nam, người Trung hay người Bắc, đã lấy làm thích thú khi nghe bình thơ, nói chuyện về thơ, để mặc nhiên thông-cảm ngay, ít khó tính như nghe ca nhạc. Ấy có thể vì tâm-trạng người nghe hằng muốn lĩnh hội cái gì êm nhẹ, thoả dịu chút ít những căng thẳng, mệt nhọc hằng ngày. Còn gì thoải mái cho bằng trong giờ phút nghỉ ngơi êm ả nhất trong ngày, khi ngoại cảnh cũng bớt đi

tiếng ồn ào của nguồn sinh hoạt luôn luôn « tranh thủ thời gian », trong phòng âm cúng, mở máy lên, nghe tiếng tiêu óng chuốt, như nỉ non kể lể tâm tình, để tiếp đến giọng đọc cao cung giới thiệu nguồn thơ kim cổ. Và những áng thơ chọn lọc được phê bình hoa gấm, để cho những giọng điệu luyện ngâm lên. Tiếng đàn điểm giọng chỉ lướt nhẹ nhàng, để tiếng ngâm, tròn vành, rõ chữ bao nhiêu, thì người nghe, nếu thuộc thơ, khe khẽ đọc theo, lại lấy làm thích thú bấy nhiêu.

Phải nói dài dòng chút ít về bộ môn Ngâm Thơ này, là cốt mong đặc biệt lưu ý cơ quan phụ trách giáo dục Âm Nhạc, có nên lắng tai Chung-Kỳ, mà mở thêm lớp dạy Ngâm Thơ, gồm thêm cả thể cách phụ họa của Tiêu, Nhạc đệm v.v.,. Sao cho bộ môn độc-đáo này của Việt-Nam ta, rất giàu dân-tộc-tính, sẽ có được phương-pháp huấn-luyện môn-sinh, cho ngành Việt-Ngạc khai thác thêm được một thể điệu tuy xưa mà lại là mới, rất có lợi cho kịch thơ sau này.

Văn nghệ phát thanh ít lâu nay còn lo đến cả việc phổ-biến Nhạc Tây-Phương, có chút ít giải thích. Vậy địa - bàn phổ-biến Văn Nghệ cũng có điều mở rộng thêm phạm-vi hoạt-động.

*
* *

Như lời tạ lỗi mở đầu, quý bạn nào kiên-tâm đọc tới đây, tất đã thấy : đây quả chỉ là bản lược-kể quá-trình của nền Việt-Nhạc. Có đôi ba ý-kiến tình cờ đẩy nhẹ theo lời kể, chẳng qua chỉ vì tiện dòng bút, cho lướt theo đi mà thôi. Như vậy, sự e-dè thận-trọng trong việc phát-biểu ý kiến này, tất được coi như là... lạc-hậu.

Đành xin nghiêng mình tạ lỗi lần nữa, và cũng xin trả lại vấn-đề đặt ra, đọc lại mấy câu hỏi gợi ý, để rón làm phần sự một thí-sinh, thi viết như trên đã xong, nay phải thi nốt phần văn đáp.

Câu lục-vấn I và II xin đã gián tiếp đáp như trên rồi.

Câu III và IV, thì cũng đã gián-tiếp trình bày động-dài ở trên. Có điều xin nhấn mạnh thêm để « lấy điểm », là : học gì thì học, bất chước gì thì bất chước, cao-siêu đốn đầu thì cao-siêu, công cuộc chấn-hưng nền Việt-Nhạc phải là phần-vụ chính-yếu. Học cái hay của người, ngó cái đẹp của người, là để gạn lọc lại, lưu giữ tinh hoa, mà chỉnh-trang lấy nền nhạc của mình. Sự khó-khăn học-hỏi không phải là vấn-đề gai góc, miễn có trí, có nghị lực, có người hướng-dẫn giàu đức, hữu tài. Có sự hướng-dẫn chính-định tài bản thân con người theo đòi nhạc-nghệ, tất được trau dồi tài-nghệ vững vàng. Khi môn-sinh đã hấp thụ được nền giáo huấn của các bậc cầm cân nảy mực giàu đức, hữu tài, thì sự truyền-bá tới đại-chúng tất cũng có ảnh hưởng tốt đẹp với phương-pháp tốt đẹp.

Nếu chỉ lo phổ-biến nhạc Tây-phương thì bảng-hiệu «Quốc-gia Âm-nhạc» bị bôi đi mất rồi ! là Tây, Tàu mất rồi ! là Âu Mỹ mất rồi ! là Quốc-Tế mất rồi ! là người Việt, mặt dầu còn đang bị liệt vào hàng dân tộc chậm tiến, chẳng ai mơ ước muốn như vậy cả ! Bạn Lê-Thương đã hữu lý với câu : «chỉ có nhạc Việt mới có thể là món ăn tinh thần thích đáng cho người Việt ». Và câu sau đây của Bạn thực cũng là thâm-thúy lắm : « Nếu chỉ muốn phổ

biển Nhạc Tây - Phương thì cái khó khăn đầu tiên là *phải là người Tây - phương* thì mới đủ hăng-hái, năng lực và mới mong có phương tiện làm một công trình lớn-lao ấy».

Qua câu hỏi gợi ý thứ 5, thì như trên đã trình thưa: công-cuộc chấn-hưng nền Việt nhạc phải được coi là cần-thiết, là chính-yếu. Với dẫn vốn ngàn xưa của ông cha để lại là ngón nhạc cổ-truyền, với chút lợi-tức mới thu-hoạch, được là sự học hỏi, hiểu biết ít nhiều về nhạc Tây-phương, với công cuộc cải-cách nhỏ mọn vừa định đoạt xong là sự sáng-tác Tân-nhạc, tuy còn non kém, nhưng nhất-định không yếu mệnh, (vì đã có trên 25 tuổi thọ), ta đem thu góp lại, gạn lọc lại, tìm ra cốt cách, đặt lấy nền tảng, thống-nhất quan-điểm, phân công trách-nhiệm, đoàn-kết nhất-trí trong cộng-đồng đồng-tiến, mà chung lo chấn hưng ngành Việt Nhạc từ nay.

Và vấn-đề trọng-yếu hơn hết, vẫn là vấn-đề sáng-tác. Nếu bảo rằng: con người nhạc sĩ muốn phục-vụ đắc-lực cho âm-nhạc, cần phải ra mắt đồng-bào, thì tất là để trình bày cho đồng-bào nghe nhạc, sao cho đồng-bào ưa thích tiếng nhạc, ý nhạc của bản nhạc đang trình bày, chứ không phải là để đồng-bào xem người nhạc sĩ đánh đàn. Vậy, nếu cái tiếng nhạc phát-âm ra có hay, có chuốt, nhờ ngón nhạc điêu-luyện của tay đờn, thì cái ý-nhạc của nó tất phải thuộc về bản nhạc, thuộc về sáng-tác vậy.

Nói về nhạc cổ-truyền của ta, thì ta vốn đã có sẵn một số lớn bài bản,

hàng truyền ngón lại cho nhau, bằng phương pháp này hoặc phương pháp khác, còn lưu-giữ mãi mãi, không nên và không thể để mai một đi được.

Nói về Tân-nhạc, thì, tuy thời-gian đã giúp cho khôn lớn, có sự trưởng-thành, nhưng... con cái thai nghén ra xem chừng... đa-đinh đấy mà sao non dại vẫn hoàn non dại! Đại loại, xưa nay, Tân-nhạc vẫn chỉ loanh-quanh trong cái loại ca-khúc nhỏ-nhất, thường tình khiến cho các vị uyên-bác, uyên-thâm về Cổ-nhạc Tây-phương hằng ngó-ngàng bằng con mắt khinh-khí, — hờn tủi lắm, chua xót lắm! Ấy vì người Việt Tân-nhạc ưng chạy theo thị-hiệu của đại-chúng, để dễ bề «thương-mại-hóa» đưa con nhât thời của mình.

Rồi đưa con này vừa mới oe-co, lại tiếp ngay đến tiếng oe-co của đứa khác, dễ-dàng, mau mắn vô cùng!

Nếu sáng-tác Việt - nhạc thường có được những tác-phẩm đặc-biệt giá-trị như loại bài của bà Nguyễn-văn-Ty, hoặc ít ra, nếu sáng-tác Tân-nhạc luôn có được những đứa con tinh-thần như: Hòn Vọng - Phu, Hội Trùng - Dương, Con Đường Cái - Quan, Một trời sao Quán Giang Hồ hoặc những ca - khúc như: Đêm Tàn Bến Ngự, Giấc mơ hồi hương, Vương tơ v. v. . . hoặc những bản « dân ca chính đính » (chọn lọc may được chừng một, hai trăm bản) và, gần đây: bản hợp tấu dung hòa cổ-kim của Nhạc - Trưởng Nghiêm-Phú-Phi, nếu có được những sáng-tác như vậy thì chẳng ai còn có thể khinh rẻ ngành Tân-nhạc được đâu!

BÁCH KHOA PHÒNG VẦN GIỚI NHẠC SĨ

Vậy vấn đề sáng-tác cần được chăm lo đặc-biệt, sớm cải thiện được lúc nào là ngành Tân-nhạc được nở mặt, tươi mảy lên lúc ấy. Nâng đỡ nó chừng bao thì nó sớm trưởng-thành chừng nấy. Khuyến-khích nó nhiều thì nó sẽ vững-vàng dần. Hoạch-định hướng-tiến cho nó với phương-pháp hẳn-hỏi, thì tất nó chẳng còn hoang dại nữa. Sở dĩ nó sinh sinh, hóa hóa, bừa bãi ra như vậy, chỉ vì đời cứ coi chúng như là những

đứa con hoang. Hãy đỡ đầu chúng đi, giáo-dục lại chúng, tất chúng sẽ hoàn-lương tươi tốt như mùa xuân rạng-rỡ.

Tới đây, tôi xin tạm ngưng vì như thế cũng vừa đủ trong phạm-vi một bài trả lời cuộc phỏng vấn. Còn vài vấn đề cần khác, tôi sẽ xin góp ý với các bạn trong một dịp khác.

THẨM-OÁNH

ĐÍNH CHÍNH

Bách-Khoa số 154, mục *Phòng-vần* :

— trang 94, dòng 13, 14 : « Niềm vui... viết vào ngày 2 và 3-1952 », xin sửa : « ... viết vào tháng 2 và 3-1962 » ; cùng trang, dòng 21 : « Sonato... viết vào ngày 3-4-1963 » xin sửa : « Sonate... viết vào tháng 3 và 4-1963 ».

— trang 95, cột 2, dòng 30 trở đi : « ... phái nhạc thập nhị âm hay vô định cung thể (musique dodécaphonique, sorielle hay atonale) », xin sửa : « ... phái nhạc thập nhị âm (musique dodécaphonique hay musique serielle) ».

Cũng trong số ấy, trong mục *Sinh-hoạt* :

— trang 114, cột 1, dòng 9 d : « màu sắc vụng », xin sửa : « màu sắc vững ».

★ Bách-Khoa số 155, bài thơ Vilô của Tường-Linh, câu thứ 3, chữ « bắt động » xin đọc là « **bắc** động ».

— trang 92, bảng sai biệt cao độ, đã in : Do bằng Liu, Fa bằng X (xang), Sol bằng Xê, xin sửa là : Do bằng L (liu), Fa bằng S (sang), Sol bằng X (xê).

— trang 93 dưới hình các ống sáo đã in : RE (dài 1 m 111), MI, FA, SOL, SI, LA (diapason), DO, RE, MI (dài 0 m 30) xin sửa là : RE (dài 1 m 111), MI, FA, SOL, **LA** (diapason), SI, DO RE, MI (dài 0 m 30).

— trang 94, dòng 18, đã in : tôn giáo quốc nhạc, xin sửa là : tôn **chỉ** quốc nhạc.

— trang 95, dòng 13 đã in : có thể dù dùng, xin sửa là : có thể **dùng**.

HỢP THƯ BÁCH-KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

Độc hành; Giã từ (Minh Anh) — Chiều hôn; Tiếng nói từng cao (Hát-Anh-Huyền) — Tiếng gọi; Mây gọi thương ai đến giã từ... (Điệp-Viên) — Giã từ (Việt-Tâm) — Nỗi buồn tình yêu; Qui nhơn . Tuy Hòa (Trần-Quang-Long) — Ngày mưa (Hữu-Đỗ) — Tiễn em về chiều; Hương Ngải (Phạm-Công-Thiện) — Nhạc tình yêu (Đức Trung) — Bao la; Nỗi lòng; Quê tôi (Đào-Thanh-Khiết) — .Độc hành; Em tam Kỳ... (Hàn dạ Cao nguyên) — Chiều trắng (Thái Dương) — Chuyển đi của tình yêu; Bài ca của kẻ độc hành (Tần-Hoài Dạ-Vũ) — Người đã chết (Ngu-Iễn-Công) — Khoảng trống đau buồn. — Bài hoàng hôn (Iễn-Nguyên-Thanh) — Trường sơn hành; Bến mộng cầu trăng (Dân-chí) — Mưa buồn dĩ vãng; Tình mây (Phùng-Vân-Hạ) Nếp sống (Vũ-Tiến-Thủy) — Đám hát mục đồng (Trọng Lai).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Anh Tần Hoài Dạ Vũ — Có nhận được thư và thơ. Vì bài gửi về nhiều, sẽ tìm để Anh biết về bài Anh gửi sau.

Ô. Chiều Thôn Thang, — Bài độc giả gửi đến nếu có giá trị vẫn đăng. Mọi bài đăng hay không đều được xem kỹ lưỡng. Bút tự trả lời trên báo là sự thường, tưởng không nên giấu.

Ô. Phùng-Vân-Hạ. Bách khoa còn đủ từ số 1, giá bán tính theo mua năm, (1 năm, các số từ 1957-1962 = 180đ ; 1963 = 200đ). Bách khoa không bán theo báo cũ, vì còn rất ít và phải in lại các số thiếu. Xin ông coi thẻ lệ mua Bách-Khoa đóng tập trên các số đương ấn hành. Cô Phương-Thảo là cây bút điếm sách của Bách Khoa như Tràng-Thiên, Nguyên-Phủ, Thế-Nhân...

Ô. Hàn-Dạ. Cao-Nguyên , ến- Nguyên-Thanh—Tần-Hoài Dạ Vũ Ngu-Iễn-Công... Đã chuyển thư và thơ cho người phụ trách mục thơ.

Bạn B. T. Gian, không có địa chỉ chắc chắn và nhất định.— Có được thư thơ gửi từ S. Báo B. K. dài hạn đã trả tiền rồi với nhuận bút bài «Đau niềm chia phối» còn giữ lại. Vậy sẽ xin đổi địa chỉ v. chị Tr. Xin viết cho xong truyện dài. Đã có người trông đọc, cũng đã có báo nhận đăng và nhà xuất bản nhận in.

Xin cho biết nay còn có thể đăng các bài thơ trong tập S. R., trừ bài lục bát sau cùng? Lại xin cho biết một ít kỷ niệm hoa đề trong bản thảo S. R. năm nọ, nay gửi về đâu?

N.-N.-Í.

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

(Từ số 145 đến số 156 — Từ tháng 1 đến tháng 6-1963)

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập-chí	Trang
KHẢO-LUẬN				
<u>CH/NH-TRI</u>				
1	Những khó khăn trong việc thành lập Liên bang Đại Mã-Lai	Việt-Anh	150	3
2	Tổ chức Liên - Phòng Đông - Nam - Á (SEATO) liệu có đứng vững trước những sóng gió hiện tại không ?	— id —	152	51
3	1962 đem lại gì cho hòa bình thế giới ?	Tiểu-Dân	145	3
4	Trung-Hoa đại lục trong thử thách	— id —	146	3
5	Thử tìm hiểu những khả năng hòa bình vào năm 1963	— id —	147	3
6	Khó khăn mới của Hoa-Kỳ tại Tây-Âu	— id —	148	3
7	Chính biến ở Irak	— id —	149	3
8	Chính biến ở Syrie và mấy vấn đề căn bản của Trung-Đông	— id —	151	3
9	Jordanie trong gió lốc	— id —	152	3
10	Hai yếu tố làm gián đoạn đối thoại giữa Mỹ-Châu và Âu-Châu	— id —	153	3
11	Ấn-Độ trước thế cờ độc của Bắc-Kinh	— id —	154	3
12	Vấn đề kỳ thị chủng tộc tại Hoa-Kỳ	— id —	155	3
13	Đi tìm một chủ nghĩa xã hội châu Phi	— id —	156	3
14	Không, Liên-Xô không phải là Thiên đường của các nhà bác học (thuật theo Mikhail Antonovich Klocko)	Nguyễn-Ngu-Í	153	23

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
<u>GIÁO - DỤC</u>				
1	Thử tìm một đường hướng giáo hóa trẻ em phạm pháp	Thiên-Giang	156	11
2	Thế giới biến chuyển và thế hệ ngày mai	Bùi-Hữu-Sùng	146	67
3	— id —	— id —	147	81
4	— id —	— id —	148	65
5	— id —	— id —	150	53
<u>KHOA-HỌC</u>				
1	Con người xuất hiện cách nào, thời nào, và nơi nào ?	Thiên-Giang	149	63
2	— id —	— id —	150	59
3	Giải y học Nobel 1962	Nguyễn-Trần-Huân	145	264
4	Người ta biết gì về Nam-Cực?	Trọng-Khang	148	59
5	Văn minh và con người	Cô-Liên	145	131
6	Sinh vật học sẽ đảo lộn những quan niệm về sinh tử	— id —	151	35
7	Giả thuyết mới về nguồn gốc loài người	— id —	152	43
8	Ai là Adam?	— id —	154	31
9	Chuẩn bị lên mặt trăng	Trịnh-Thiên-Tứ	156	27
10	Mariner II khảo sát Kim tinh	Võ-Quang-Yến	147	75
11	Miếng thịt nhân tạo hay cuộc phát triển kỹ nghệ dầu hỏa	— id —	150	47
12	Khảo cứu không gian và đời sống con người	— id —	153	41
13	22 vòng quanh trái đất	— id —	155	53
14	Viễn ảnh nền y học ngày mai	Thiện-Ý	145	102

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chỉ	Trang
<u>NHÂN CHỨNG HỌC</u>				
1	Một vài nhận xét về người Chăm tại Việt-Nam ngày nay	Dehamide	145	63
2	— id —	— id —	146	19
3	— id —	— id —	147	15
4	Bước phiêu lưu của người Chăm Châu-Độc	Nguyễn-Văn-Hầu	153	33
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	Ngót nửa thế kỷ biến chuyển của sân khấu cải lương	Trương-Đình-Cử	145	105
2	Sân khấu cải lương trong ba năm qua	— id —	146	71
3	Kiểm điểm một năm nghệ thuật nhiếp ảnh Việt-Nam	Nguyễn-Cao-Đàm	145	51
4	Một giờ với họa sĩ Duy-Thanh	Nguyễn-Ngu-Í	148	118
5	Bên lề cuộc triển lãm hội họa mùa xuân Quý-Mão	— id —	154	111
6	Hội nghị Âm nhạc tại La-Mã	Trần-Văn-Khê	145	141
7	Lá thư Thụy-Sĩ	— id —	154	35
8	— id —	— id —	155	39
9	Nhạc Việt ở xứ người	Mộng-Trung	156	35
10	Đẹp ở người	Đoàn-Thêm	149	55
11	Ý niệm về thể	— id —	150	23
12	Các thể nhân tạo	— id —	154	23
<u>PHÁP-LUẬT</u>				
1	Ngày Tết thử thời vận	Trần-Thúc-Linh	145	33
2	Năm mới xã hội mới	— id —	146	45

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
<u>KINH-TẾ</u>				
1	Giá cả còn tăng nữa không ?	Nguyễn-Như	145	17
2	Vai trò của khoa học và kỹ thuật trong công cuộc kiến quốc	Âu-Trường-Thanh	146	79
3	— id —	— id —	147	59
<u>SỬ - ĐỊA</u>				
1	Một dự định của Vua Quang-Trung : đòi đất Lưỡng-Quảng	Trần-Vinh-Anh	146	25
2	— id —	— id —	147	67
3	Lý-Liệu và phong trào Đại Đông du	Nguyễn-Văn-Hầu	145	39
4	Bước phiêu lưu của người Chăm Châu- Đốc	— id —	153	33
5	Ai đã thống nhất nước Việt : Nguyễn- Huệ hay Nguyễn-Ánh ?	Nguyễn-Phương	148	19
6	— id —	— id —	149	19
7	Giá trị quyền Hoàng-Lê Nhất-Thống-Chí	— id —	151	15
8	— id —	— id —	152	15
<u>TÔN - GIÁO</u>				
1	Nhân cái chết của một vị Giáo-Hoàng	Hoàng-Thái-Linh	155	12
2	Con đường Thiền	Lý-Quang	145	55
3	— id —	— id —	146	57
4	Thiền trong bộ Câu xá luận của Thế thân bồ tát	— id —	147	51
5	Bản chất của Thiền	— id —	148	33
6	Thiền và Giải-thoát	— id —	149	11
7	Thiền và Giải-thoát trong Phật-giáo Thiền-Tông	— id —	150	12

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
<u>TRIẾT - HỌC</u>				
1	Đầu năm phỏng đoán thời vận qua tranh ảnh	Bùi-Hữu-Sùng	145	115
2	Heidegger và ý nghĩa con người	Trần-Hương-Tử	155	19
3	— id —	— id —	156	19
<u>VĂN - HỌC</u>				
1	Kinh nghiệm đời văn (dịch E. Caldwell)	Phong-Giao	155	57
2	Mặc cảm trong văn nghệ	Vũ-Hạnh	151	41
3	Trường hợp bài thơ « Con muỗi »	— id —	156	51
4	Cái trống thiếc và vị trí của Günter Grass	Nguyễn-Minh-Hoàng	149	83
5	Nên kiểm điểm khi nhận tác giả những bài thơ xưa	Đông-Hồ	154	23
6	Giải thưởng văn chương trên đất Việt (4)	Nguyễn-Ngu-Í	152	27
7	Trở lại bài thơ « Con muỗi »	Phạm-Liễu	156	43
8	Con mèo theo quan niệm ta trong văn thơ	Thuần-Phong	145	13
9	Bài thơ « Con muỗi » có thể được nhận là của cụ Phan-Chu-Trình không ?	Lê-Văn-Siêu	156	47
10	Tác giả, độc giả, nhà phê bình	Đoàn-Thêm	146	49
11	Mùa giải thưởng văn chương ở Pháp năm 1962	Tràng-Thiên	145	267
12	Tiểu thuyết đi về đâu ?	— id —	147	21
13	— id —	— id —	148	53
14	— id —	— id —	149	29
15	Kỹ thuật trong tiểu thuyết	— id —	150	35
16	Chuyện của người và chuyện của ta	— id —	151	23
17	Những chặng đường quan trọng của văn học Liên-Xô hiện đại	Tràng-Thiên	153	47
18	— id —	— id —	154	55
19	Giải Formentor 62	— id —	155	109
20	Những nét chính về sinh hoạt thư tịch trong năm 1962	Thư-Trung	145	89

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
<u>DANH - NHÂN</u>				
1	Lý-Liệu và phong trào Đại Đông du	Nguyễn-Văn-Hầu	145	39
2	Bác sĩ Nguyễn-Văn-Hoài, người thầy thuốc hiến đời mình cho một hạng người bạc phước	Nguyễn-Ngu-Í	149	69
3	Gamal Abdel Nasser và những bí mật về vụ kinh Suez	Nguyễn-Hiến-Lê	142	80
4	Gamal Abdel Nasser và những bí mật về vụ kinh Suez	— id —	146	31
5	Gamal Abdel Nasser — Vấn đề sinh tử của Ai-Cập : nước	— id —	147	35
6	Những hiệp ước về kinh Suez	— id —	148	43
7	Nasser và vụ kinh Suez	— id —	149	43
8	Nhà ngoại giao Phan-Thanh-Giản	Phan-Trọng-Nhân	154	11
<u>NGÔN NGỮ HỌC</u>				
1	Nghĩ về những tiếng danh xưng nhà nước	Đông-Hồ	145	71

BẠN ĐỌC CÓ THẺ TÌM MUA

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ số 1 đến số hiện đang ấn hành



TẠI TÒA SOẠN BÁCH-KHOA VÀ TẠI CÁC HIỆU SÁCH

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
	<u>XÃ - HỘI</u>			
1	Đô Thành Sài Gòn bài trừ nạn du đãng	Trần-Thúc-Linh	153	12
2	Dưỡng trí viện duy nhất của toàn cõi nước Việt	Nguyễn-Ngu-Í	146	109

SINH - HOẠT — VĂN - NGHỆ

	<u>SINH-HOẠT</u>			
1	Một vài quan điểm trong vấn đề trao đổi văn hóa giữa Việt-Nam và Nhật-Bản (thuật buổi nói chuyện của ông Đoàn-Văn-An)	Nguyễn-Ngu-Í	146	124
2	Tiến tới đại hội Âm nhạc và Kịch nghệ toàn quốc	— id —	149	111
3	Nhận xét về hiện trạng âm nhạc, kịch nghệ miền Nam tự-do (buổi nói chuyện của ông Nguyễn-Phụng) — Lược sử và ý nghĩa triết lý của Trà (buổi nói chuyện của ông Nguyễn-Trọng-Huê) — Nhân việc tái bản « Vang bóng một thời » của Nguyễn-Tuân	— id —	150	99
4	Thuật : nhạc Việt cổ truyền (ông Cao-Hoài-Hà) — Nhân vật tiểu thuyết và sự thực lịch sử trong truyện Trung-Hoa (ông Nguyễn-Hoạt) — Tại sao tôi trở thành nhà báo (ông Trần-Tấn-Quốc)	— id —	151	107
5	Sân khấu Việt ở Thụy-Sĩ	— id —	152	110
6	Tại sao tôi trở thành họa sĩ — Phương-pháp nhận thức của đạo Phật (thuật 2 buổi nói chuyện của họa-sư Lê-Văn-Đệ và Đại Đức Thích-Đức-Nhuận)	— id —	153	97

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
7	Thuật: Tâm hồn đàn bà qua thi ca (buổi nói chuyện của bà Quý-Hương)	Nguyễn-Ngu-ĩ	154	107
8	John Steinbeck và giải Nobel 62 (thuật buổi nói chuyện của ông Trần-Phong)	— id —	155	112
9	Nền Trung-học Hoa-Kì (buổi nói chuyện của ông David A. Engel)	— id —	156	81
ĐIỂM-SÁCH				
1	Mấy lời phân trần về bài điểm sách của Cô Phương-Thảo	Bàng-Bá-Lân	146	121
2	Đọc «Cũng đành» của Dương-Nghiễm-Mậu	Đặng-Tiến	154	99
3	Đọc «Mùa ảo ảnh» của Đỗ-Thức-Vĩnh	Cô Phương-Thảo	152	87
4	Đọc «Chim quỳên xuống đất» của Sơn-Nam	— id —	153	109
PHỎNG - VẤN				
1	Thái Tuấn — Vài nhận xét về cuộc phỏng vấn về hội họa		145	150
2	Lá thư phỏng vấn gửi giới nhạc sĩ		149	109
3	Nguyễn-Văn-Huấn — Lê-Thương trả lời cuộc phỏng vấn		150	87
4	Nguyễn-Phụng — Võ-Đức-Thu	— id —	151	93
5	Phạm-Thị-Lạc-Nhân — Phạm-Duy	— id —	152	100
6	Phạm-Thị-Vĩnh-Huệ — Nguyễn-Hữu-Ba	— id —	153	83
7	Nghiêm-Phú-Phí — Tôn-Thất-Tiết	— id —	154	89
8	Hùng-Lân — Trần-Viết-Vấn	— id —	155	89
9	Lê-Mộng-Bảo — Thầm-Oánh	— id —	156	88

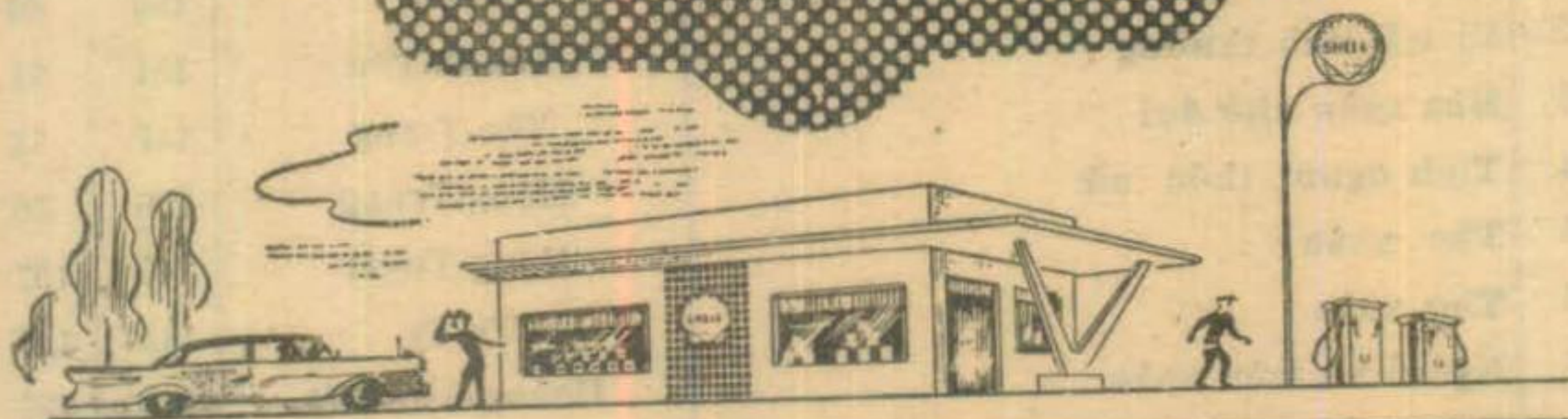
SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
<u>PHÓNG - SỰ</u>				
1	Một buổi chiều lạc vào thế giới người điên	Lê-Tất-Điều	147	110
2	— id —	— id —	148	104
<u>KỊCH</u>				
1	Con đường ngựa chạy	Viên-Linh	152	71
<u>TRUYỆN-NGẮN</u>				
1	Ngỗ mắt	Mặc-Ly-Châu	147	97
2	Tranh sống	Lê-Tất-Điều	145	157
3	Cổ hoang	— id —	148	71
4	Chín anh em	— id —	153	68
5	Con đường xuống	— id —	155	78
6	Hiệp tá đại học « Thổ »	Minh-Đức	145	182
7	Lòng thành	Túy-Hồng	150	73
8	Niềm tin mong manh	— id —	154	47
6	Thế giới của Năm Nhiều	Võ-Hồng	145	195
10	Những nỗi khổ vụn vặt	— id —	151	61
11	Đôi chim bồ câu	— id —	155	67
12	Trong trắng	Trang-Thế-Hy	145	170
13	Mẹ và con	Dương-Nghiêm-Mậu	145	188
14	Một chuyện khó tin	Sơn-Nam	146	99
15	Lớp học trưa	Nghiêm-Thị-Vũ-Phi	156	55
16	Món tiền hộ mạng	Mộng-Trung	145	218
17	Niềm an ủi cuối cùng	Y-Uyên	149	73
18	Con muỗi đêm nay	— id —	156	62

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chỉ	Trang
<u>TRUYỆN DỊCH</u>				
1	Con ruồi (dịch G. Langelaan)	Nguyễn-Châu	145	233
2	Con cầu cầu (dịch Alberto Moravia)	Nguyễn-Minh-Hoàng	147	91
3	Quán củ hành (dịch Günter Grass)	— id —	149	91
4	Cánh hoa điên (dịch Ibouse Masouji)	— id —	151	73
5	Ánh đèn nơi cửa sổ (dịch Iouri Naguibine)	— id —	153	58
6	Gian nhà của Matriona (dịch Alexandre Soljenitsyne)	— id —	154	74
7	Con cá bắt tử (dịch Elisabeth Mann Borgese)	Đặng-Trần-Huân	146	87
8	Sổ đen (dịch Giovanni Guareschi)	— id —	150	67
9	Con báo (dịch Giuseppe De Lampedusa)	Cò-Liêu	148	83
10	Những kẻ cầm lạng (dịch A. Camus)	Thanh-Ngạn	152	61
<u>THƠ</u>				
1	Hoa mút mật	Trần-Huyền-Ẩn	151	89
2	Tuổi thơ	Vũ-Quỳnh-Bang	145	193
3	Về những chiều buồn	Mạc-Ly-Châu	155	76
4	Thơ xuân	Vũ-Hoàng-Chương	145	127
5	Quê hương	Thái-Dương	145	169
6	Thơ xuân	Phùng-Tất-Đắc	145	127
7	Thơ xuân	Bùi-Khánh-Đản	145	127
8	Tình yêu	Trần-Đại	145	186
9	Lời thú	— id —	154	69
10	Sông chiều — Buồn Hội An	Thái-Tú-Hạp	152	9
11	Thơ xuân	Xuân-Hiến	145	127

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
12	Nỗi niềm	Nguyễn-Thị-Hoàng	156	59
13	Gia đình tôi	Luân-Hoán	148	70
14	Thơ xuân	Đông-Hồ	145	127
15	Nguyệt dạ cố hương tâm	— id —	148	103
16	Mùa xuân họp mặt	Hoài-Hương	145	168
17	Chuyến đi	— id —	148	82
18	Rời bến	— id —	150	70
19	Trôi nổi cuộc đời	— id —	152	98
20	Kỷ niệm	— id —	155	69
21	Lửa hồng	Nguyễn-Ngu-Í	156	70
22	Thơ xuân	Trần-Đình-Khải	145	127
23	Phương trời lưu viễn	Hoài-Khanh	145	206
24	Mùa xuân trong mắt em	Tường-Linh	145	140
25	Phấn bướm	— id —	152	96
26	Vi lộ	— id —	155	65
27	Buồn mây cao nguyên	— id —	156	62
28	Mùa xuân	Nguyễn-Nho-Sa-Mạc	145	114
29	Mùa xuân của em	— id —	147	107
30	Đôi mắt em	— id —	150	71
31	Có người tuổi trẻ hôm nay	Tuệ-Mai	155	108
32	Đón nắng	Hoàng-Thị-Bích-Ni	147	89
33	Thăm hỏi	— id —	156	60
34	Nhớ một người	Việt-Cuồng-Nhân	147	108
35	Cuối năm rời nhà trọ	Phan-Duy-Nhân	145	194
36	Phác họa	— id —	155	107
37	Thơ xuân	Hà-Thượng-Nhân	155	127
38	Tiếng mời của trẻ	Hữu-Phương	145	260
39	Dưới ánh mặt trời	— id —	148	90
40	Buồn Sài Gòn	— id —	151	92

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
41	Cách ngăn biển rộng	Hữu-Phương	152	97
42	Dạ ca I	— id —	155	66
43	Độc Thơ ai	Trang-Phượng	145	168
44	Màu áo tháng giêng	Hoàng-Quy	145	217
45	Nắng mùa xuân	Đỳnh-Hoàng-Sa	145	170
46	Khi ánh đèn vụt tắt	— id —	154	68
47	Niềm khát vọng của loài rêu	— id —	156	60
48	Thư quê hương	Dương-Phù-Sao	150	72
49	Thời gian — Mùa xuân đã hết	Đỗ-Tấn	145	139
50	Khóc một thằng học trò	— id —	154	70
51	Lần về đô thị	Hà-Nguyên-Thạch	147	90
52	Người tìm tuyệt đối	Dạ-Thảo	156	63
53	Thơ xuân	Đoàn-Thêm	145	127
54	Hòa âm 18	— id —	148	116
55	Hòa âm 19	— id —	151	72
56	Hòa âm 20	— id —	152	86
57	Hòa âm 21	— id —	154	72
58	Hòa âm 22	— id —	155	77
59	Xuân không màu	Phạm-Công-Thiện	145	149
60	Về nguồn	— id —	155	72
61	Bướm của Hoài	Thu	150	69
62	Đi nỗi tình thương	Thành-Tôn	151	91
63	Mùa xuân chờ đợi	Vân-Trang	147	88
64	Tình người thôn nữ	Mộng-Trung	156	80
65	Thơ xuân	Mộng-Tuyết	145	137
66	Thơ xuân	Tạ-Ty	145	127
67	Người về mùa xuân	Hoàng-Bảo-Việt	145	138
68	Thu buồn	Nguyễn-Thị-Vinh	155	108
69	Giã từ quá khứ	Tần-Hoài-Dạ-Vũ	151	90

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn 50 năm tại Việt-Nam



BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

● Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

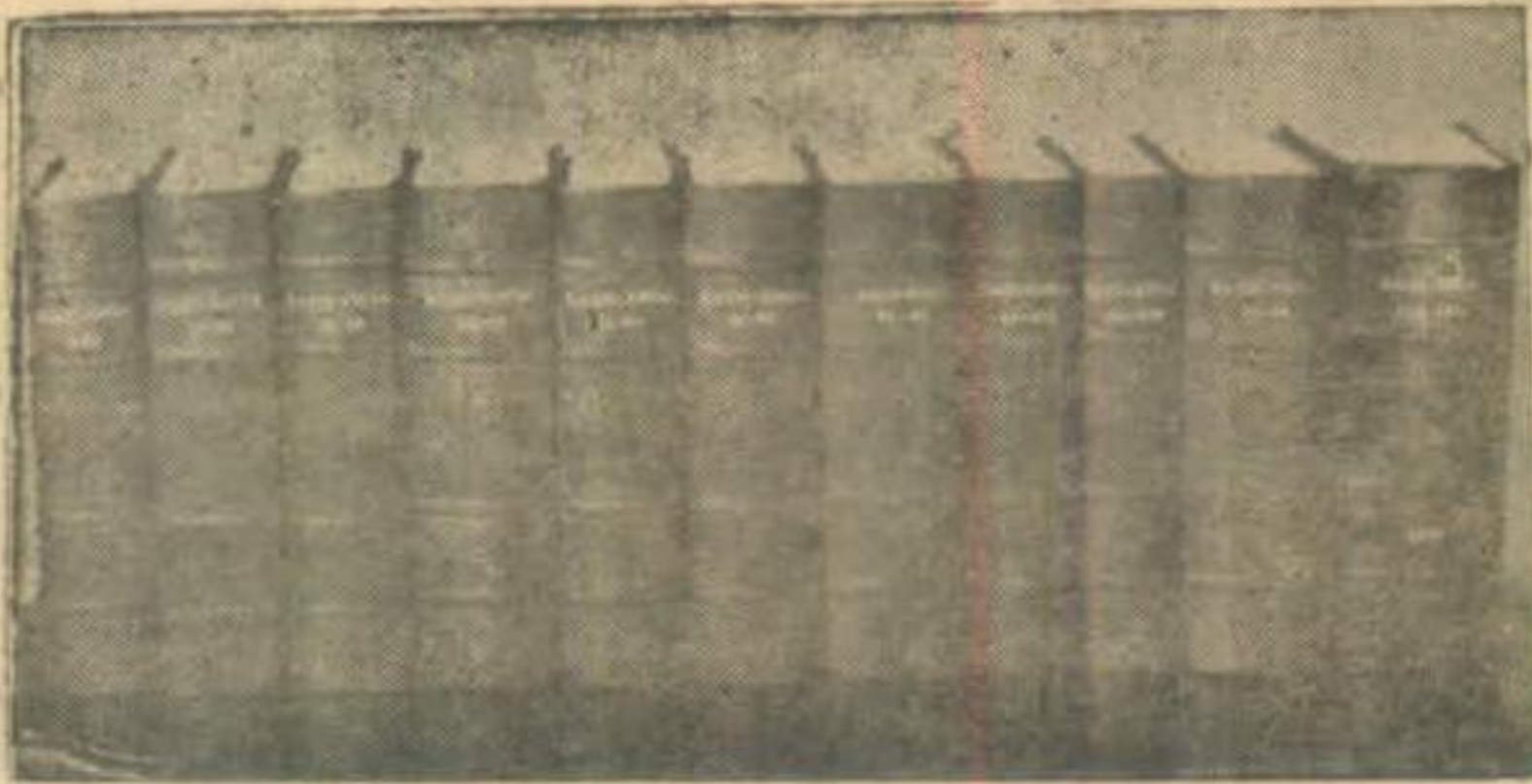
● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

QUÀ TRANG NHÀ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :



BÁCH - KHOA ĐÔNG TẬP

6 NĂM : 16 TẬP
(144 SỐ)

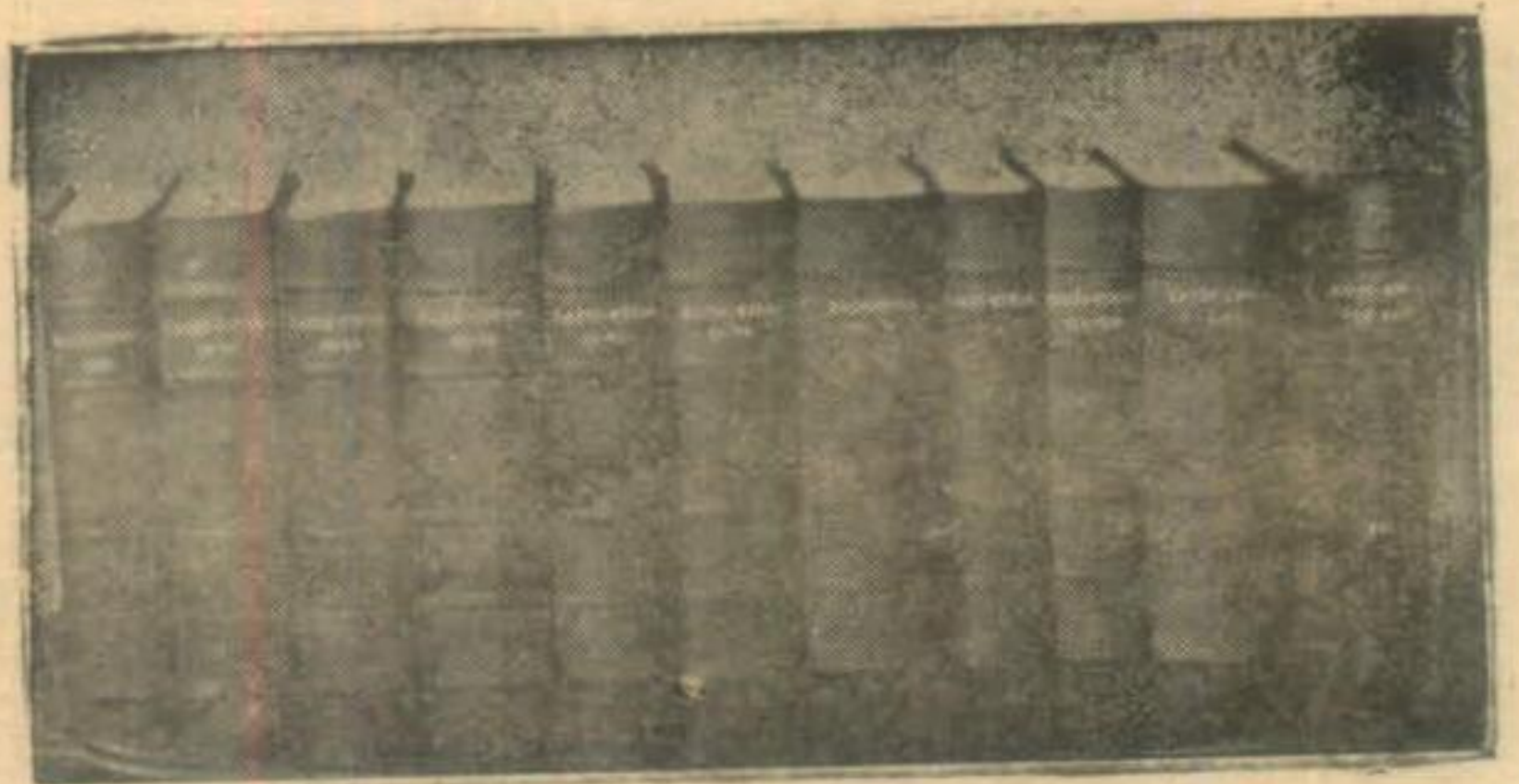
8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

8 TẬP (1961 — 62) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BẢO CUNG ỨNG TÀI LIỆU VỀ MỌI MẶT,
VỚI TRÊN 1500 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG
TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHỎNG VẤN
LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BẢO
LỢI ÍCH CHO
MỌI GIA ĐÌNH



XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN
BÁCH-KHOA 160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON

TRONG GIA-ĐÌNH ÈM-ẨM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có

NUỐC-NGỌT "**CON-CỌP**"

Chai "**HÒA TIỀN**"!





Cigarettes

VIRGINIE

Quản nhiệm :

HUYNH-VĂN-LANG

Chủ nhiệm :

Tòa 309n

160, Phan-Đinh-Phung — SAIGON

Dây số : 25.539

In tại VĂN-HÓA AN-QUÁN

412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$

Công số : 153

<http://tieu.lun.hopto.org>